

VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ TIỂU THUYẾT

HỒ TRƯỜNG AN • PHẠM DUY

KIÊM ĐẠT • VÕ DÌNH

THẠCH HÂN • PHẠM VĂN HẢI

LÊ THỊ HIỀN • TRẦN HƯƠNG

BÌNH NGUYỄN LỘC

STEPEN O. LESSER

NGUYỄN ĐỨC LẬP

NGUYỄN TẤT NHIÊN

ĐINH NGUYỄN • VÔ NGÃ

VÕ PHIẾN • BUI VĨNH PHÚC

NGUYỄN THANH QUANG

HÀ QUÂN • NHẬT TIẾN

NGUYỄN VĂN

số 3 tháng 4-1986

Số đặc biệt
TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

NHẬN ĐỊNH

BÌNH NGUYỄN LỘC	1	Vài ý nghĩ về truyện ngắn
STEPHEN O. LESSER	12	Văn học Trung quốc
& THẠCH HÃN		sau Mao Trạch Đông
KIÊM ĐẠT	39	Tiểu thuyết Mỹ hiện đại
PHẠM DUY	57	Thời kỳ thành lập xu hướng nhạc tình: Đặng thế Phong
PHẠM VĂN HẢI	67	Chữ viết của người Việt trước thời bị Tàu đô hộ

TRUYỆN NGẮN

VÕ PHIẾN	7	Rụp rụp (tùy bút)
NHẬT TIẾN	18	Một buổi diễn kịch
VÕ ĐÌNH	45	Lô cầu
HỒ TRƯỜNG AN	78	Tạp chủng
NGUYỄN ĐỨC LẬP	101	Cũng còn cơ hội

THƠ

NGUYỄN THANH QUANG	11	Guitar
NGUYỄN TẤT NHIÊN	37	Trời đất yêu thương
ĐÌNH NGUYỄN	44	Ngày tháng Hạ
VÕ NGÃ	55	Qua muôn ngàn ức kiếp
BÙI VINH PHÚC	65	Ba mươi ba tuổi
LÊ THỊ HIỀN	77	Kính lễ
TRẦM HUƠNG	100	Dấu mộng tiền thân

MỤC THƯỜNG XUYÊN.

NGUYỄN VĂN	109	Thời sự văn học
HÀ QUÂN	116	Điểm sách Đáy Địa Ngục

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ :ISSN : 0885-128X

Bình-Nguyên-Lộc.

Vài ý nghĩ về truyện ngắn.

Cái truyện đầu tay trong đời viết văn của tôi là một truyện dài. Tôi đưa cho bạn hữu xem; xem xong, các anh ấy nói: “Mấy dài quá, sao lại bắt đầu bằng tiểu thuyết dài? Phải viết truyện ngắn trước để mà tập viết cho xong cái đărời hăng hay. Tôi chẳng biết Ất, Giáp gì hết về vụ đó, nên tôi nghe lời bạn.

Nhưng rồi bạn tôi bèn lấy chương đầu của tiểu thuyết đó, cho đăng báo, và nhà báo ban cho nó một cái danh hiệu là *truyện ngắn*. Truyện ngắn giả hiệu ấy xuất hiện trên mặt báo là bạn đọc có cảm tình với nó ngay, và tôi được người trong làng văn đếm xỉa tới ngay. Nhưng cái may mắn đó, thật ra không làm cho tôi sáng mắt đâu. Tôi tự sáng mắt ra sau khi nghiên cứu cái truyện của tôi: bạn hữu của tôi đã sai lầm to. Truyện ngắn không hề là bài tập vỡ lòng trong văn nghiệp của một người nào đó.

Truyện ngắn là một loại văn riêng biệt, có kỹ thuật riêng, có nghệ thuật riêng, chứ không là một đoạn văn ngắn nào đâu, cũng không phải là truyện dài rút cho ngắn gọn, và nhứt là không phải là cái bậc thang dùng để leo lên địa vị tiểu thuyết dài. Tôi có mấy người bạn về sau đó, họ viết được ba bốn tiểu thuyết dài, mỗi quyển dài một ngàn trang mà là truyện liên tục, chứ không phải là ba, bốn truyện khác nhau mà cùng chung ý đâu. Đó là hai nhà văn Lê Xuyên và An Khê. Không thể nói là hai anh đó không biết viết văn. Thế mà suốt đời, hai anh đó chẳng hề viết được cái truyện ngắn nào cả. Cả hai anh đều có thử mấy lần, và đều thất bại. (Xin nói rõ là hai anh trên kia đã viết mỗi anh mấy mươi tiểu thuyết dài, nhưng tôi nói là có ba bốn tiểu thuyết thôi, là nói đến những tiểu thuyết dài một ngàn trang sắp lên của họ, mà không kể những tiểu thuyết ngắn hơn).

Truyện ngắn và tiểu thuyết (mà cũng có người gọi là Truyện dài) chỉ có một điểm chung với nhau. Cái điểm chung đó là danh từ Truyện, ngoài ra, cái gì cũng khác cả, cũng như quần vọt và túc

Văn Học 2

cầu, cả hai đều có chung một điểm là thể thao, ngoài ra hai thứ thể thao đó khác nhau như chó với mèo. Cái điểm chung là danh từ Truyện lại là một điểm chung mà thiên hạ gán ghép bừa cho hai thứ đó, chó nó chẳng là điểm chung thật sự tí nào hết. Ngày nay, các nhà văn biết viết văn, họ chẳng buồn lòng dùng câu chuyện nào cả, nhưng họ vẫn sáng tác được những truyện ngắn rất có giá trị, mà trong ấy chẳng ai tìm thấy đầu và đuôi ở đâu cả, đôi khi lại chẳng có cả khúc giữa nữa. Đọc báo hoặc đọc sách, đọc giả nào mà gặp một truyện ngắn bắt đầu đại khái như thế này: "*Nguyên cô Mít là con của bà Hai, ở làng Tân Thuận từ bé đến lớn. Năm 18 tuổi, cô đi Sài Gòn để tìm việc vân vân...*" Viết như vậy là rất có đầu có đuôi, nhưng chắc không có ai thèm đọc tới nữa hết. Khác với xưa, người thời nay bắt kể đầu đuôi ra sao, mà cũng bắt kể khúc giữa nữa. Bắt kể chuyện. Cái gì xảy ra trong lòng người, chỉ năm mười phút thôi, mà đáng nói ra cho họ thấy được một điều gì mới lạ, là đủ cho họ lẩm rồi.

Khi mà người Tàu chính thức gọi Truyện ngắn là Đoạn thiên tiểu thuyết là họ đã lẩm lẩn nhiều quá rồi. Chẳng có gì là tiểu thuyết hết, trong một truyện ngắn. Chàng và nàng gặp nhau hồi nào, tại đâu, trong trường hợp nào, họ chẳng ham nghe đâu, và sau đó chàng và nàng có lấy nhau không, họ cũng bắt kể.

Chàng dùng súng lục để bắn nàng chết. Có vài giây thôi. Vì nàng đi làm nên chàng ghen bóng ghen gió. Vài giây nữa. Thế mà cả một tấm thảm kịch được phơi bày ra, mà không hề là thảm kịch giết người ngoạn mục đâu, cái thảm kịch đó là thân phận người đàn bà ở giai đoạn trung gian, giai đoạn chuyển tiếp từ thời "khưê môn bắt xuất đến thời khưê môn năng xuất". Đó, người đọc thích biết rõ những bản khoăn, những niềm đau, những nỗi vui thầm lặng hoặc còn mơ hồ trong lòng họ, nếu ai nói ra được những thứ ấy là họ cần nghe. Và như thế, không riêng vì Truyện ngắn mới mang tánh cách đó, mà cả tiểu thuyết dài tràng giang đại hải cũng làm y như vậy. Đố ai tóm lược được câu chuyện của bộ tiểu thuyết đồ sộ của Marcel Proust, mang tên là "*Đi tìm lại thời gian đã mất*". Có câu chuyện gì có đầu có đuôi trong đó đâu để mà tóm lược. Và đố ai tóm lược được câu chuyện của quyển tiểu thuyết lớn của bà P. Buck, quyển "*Gió đông, gió Tây*". Có gì trong đó đâu. Nhưng thật ra thì có rất nhiều.

Vậy *truyện ngắn* là cái gì? Câu trả lời để đáp câu hỏi này, tưởng phải nằm ở nơi khác, chứ không phải ở đây. Người viết những dòng này, chỉ trình ra vài nhận xét về truyện ngắn, chứ không dám có tham vọng dạy ai viết văn cả, nên không định nghĩa gì hết. Xin tiếp tục nhận xét vậy :

Người Anh, người Mỹ gọi loại văn đó là *Short Story*, thì cũng

Văn Học 3

chẳng hơn gì Việt Nam chút xíu nào cả. Đâu cần có story nào trong đó. Có cũng chẳng sao, nhưng không cần, và thường không cần. Xưa ta gọi văn thể ấy là "*Đoản-thiên-tiểu-thuyết*", là bất chước theo sai lầm của Tàu. *Tự lực văn đoàn* xuất hiện, thì gọi nó là Truyện ngắn. Vậy là bất chước Anh, Mỹ, vì hai từ Truyện và Ngắn là dịch thẳng từng chữ, ở danh từ Short Story mà ra. Vài năm trước biến cố 1945, ở Sài Gòn có một nhóm người viết lách, cầm đầu là Nguyễn Đình Thản, và gồm có Nguyễn Đình Thản, Huy Cận, Xuân Diệu, Nghiêm Xuân Việt, Nguyễn Hoàng Tư và Bình Nguyên Lộc, đưa ra danh từ *tân truyện*, dùng được mấy năm trong làng báo Sài Gòn, rồi thì danh từ ấy cũng chết. Tại sao nó chết? Vì *tân truyện* cũng chẳng ổn gì hơn *truyện ngắn*, mà cũng lại là bất chước ngoại quốc, chớ không phải là tìm được một danh từ nào mới lạ hơn. *Tân truyện* là dịch thẳng ở danh từ Pháp ra, danh từ *Nouvelle*. Người Pháp cũng đã bí lắm, chẳng biết gọi văn thể ấy là gì, mới bày ra danh từ *Nouvelle*, nó hoàn toàn vô nghĩa. Nếu là hình dung từ, thì *Nouvelle* có nghĩa là *Mới*, còn như là danh từ, thì thật chẳng biết nó là cái gì. Thế nên nhóm nói trên mới phải dùng từ Truyện, để ghép vào. *Tân truyện*: Truyện mới. Nhưng mới cái quái gì mới được kia chớ.

Khi *Tân truyện* châu Diêm chúa rồi thì nhà viết lách Đông Hồ, cũng cứ ở Sài Gòn là đất ba hoa, lộn xộn, bèn ra báo. Đó là báo Sống. Và Đông Hồ tiên sinh cổ võ cho một cái tên khác nữa là *truyện vừa*. Kẻ viết bài này, mặc dầu là hậu sinh, vẫn dám bật cười trước mặt nhà thơ danh tiếng đó: "Ông nội ơi, ông nội cũng chỉ bắt chước Tàu, bằng cách dịch danh từ *trung thiên tiểu thuyết* ra đó thôi, chớ ông nội đâu có phát minh cái gì mà cổ võ dữ vậy."

Ông Tàu thật là ngớ ngẩn. Quả ngày nay *Nouvelle*, được viết rất dài, đôi khi dài ba chục trang sách, nhưng không vì thế mà gọi nó là *Trung thiên tiểu thuyết* được, vì như đã nói, chẳng có gì là tiểu thuyết trong đó hết cả đâu nhé. Một cô gái Việt Nam, mới từ cổ quốc sang Huê Kỳ, và rất nhức nhác trước cuộc đời mới. (Ấm chỉ đến một truyện ngắn của cô Trần Diệu Hằng). Nào có câu chuyện gì, hơn thế, chẳng có bịa cái gì trong đó hết, sao gọi là Trung thiên tiểu thuyết? Dĩ nhiên danh từ *truyện vừa* của cổ thi sĩ Đông Hồ cũng trở đầu về núi như *tân truyện* của nhóm Lục lăng nói trên kia.

Cả thế giới đều bí, trong việc đặt tên cho văn thể này. Và hiện nay thì Anh Mỹ cứ còn tiếp tục gọi nó là Short Story, Pháp tiếp tục dùng danh từ *Nouvelle*, ta tiếp tục thừa hưởng danh từ của Tự lực văn đoàn là *truyện ngắn*. Ông Tàu đi riêng thì mặc ông.

Còn cộng sản Việt Nam? Trong những năm thân Trung Cộng hết mình thì họ dùng *đoản-thiên-tiểu-thuyết*. Giờ thì họ trở về với

Văn Học 4

danh từ do ông Nguyễn Tường Tam đặt ra, trong khi tác phẩm của Nhất Linh thì bị cấm.

Quên nói là hiện nay Pháp đôi khi cũng gọi truyện ngắn là *conte*. Conte có nghĩa là truyện cổ tích. Tại sao họ lại gọi như vậy? Số là khi văn thể truyện ngắn của Pháp mới ra đời thì họ viết có đầu có đuôi, loại Cô Mít là con của bà Hai. Lối viết đó giống hệt lối viết truyện cổ tích, mà họ thì đang bối rối về tên của văn thể mới. Vậy họ đặt nó là Conte cho xong, chớ sáng tác thì nhọc trí lắm.

*
* *

Nhận xét thứ nhì. Ở Paris, có nhà xuất bản Paul Seghers, cũng là một nhà xuất bản có tên tuổi. Nhà này đã cho in nhiều tuyển tập truyện ngắn, lấy tên là *20 truyện ngắn hay nhất của Hoa Kỳ*, *20 truyện ngắn hay nhất của Pháp*, *20 truyện ngắn hay nhất của Trung Mỹ* vân vân... In xong, ta thấy, trừ một truyện độc nhất của Hoa Kỳ trong đó, còn thì tất cả đều dở hơn truyện ngắn của Việt Nam, của Việt Nam trước 1975 ấy, chớ nếu kể thêm Việt Nam hải ngoại vào đó nữa, thì Việt Nam lại càng thắng hơn.

Điều trên đây, nói ra, không phải để các nhà viết lách ta khoái chí rồi ngủ yên trên vòng hoa chiến thắng của ta, mà để cho những người mang nặng mặc cảm là ta còn quá kém, để giúp họ bỏ được mặc cảm đó đi.

*
* *

Nhận xét thứ ba. Trước 1975, ở miền Nam nước Việt, truyện ngắn bán không chạy bằng tiểu thuyết. Một tiểu thuyết dở nhất của tôi, vẫn bán chạy hơn một tập truyện ngắn hay nhất của tôi. Còn về riêng truyện ngắn của tôi thì quyển dở lại chạy hơn quyển hay. Thí dụ tập truyện ngắn *Nụ cười nước mắt học trò của tôi*, chẳng có gì đặc sắc cho lắm, thế mà trong vòng có ba tháng, phải in lại ba lần. Lần đầu do tôi in lấy. Hai lần sau do nhà Sống Mới tái bản. (Sống Mới đây là Sống Mới thứ thật ở Sài Gòn, chớ không phải Sống mới giả hiệu ở các nước khác, ra đời sau 1975). Trong khi đó thì một quyển đã được dịch ra ba thứ tiếng: Đức, Pháp, Anh thì chỉ in được có hai lần. Ông Võ Thắng Tiết hiện đang in lần thứ ba tại Los Angeles.

Tại sao có chuyện khó hiểu như trên? Theo tôi nghĩ thì chỉ có những người có tâm hồn phong phú, hoặc có văn hóa đến mức nào đó mới thưởng thức được truyện ngắn, còn tiểu thuyết thì, trừ loại tiểu thuyết triết lý ra, bất kỳ trình độ văn hóa nào cũng đủ khả năng

Văn Học 5

thường thức cả. Tôi đã viết trên một ngàn truyện ngắn, nhưng chỉ được các nhà xuất bản mua có mười tập, vì sách bán chậm, họ sợ phải chôn vốn lâu. Tập truyện *Tình Đất* là tập truyện ế độ, chẳng có ma nào dám mua hết, may mà anh Võ Phiến xuất bản giùm cho, bằng không, nó sẽ chẳng còn bóng dáng trên đời này, như mấy trăm truyện ngắn khác chưa được in, rồi thì đã mất đi trong các kỳ tịch thu, truyện nào không bị tịch thu thì tôi cũng đành bỏ lại ở nước nhà.

*
* *

Người ta hỏi tôi: Tập "*Phấn thông vàng*" của Xuân Diệu có phải là Truyện ngắn hay không. Tập đó hoàn toàn không có câu chuyện, không có đầu, không có đuôi, và "*Không có sáng hôm trước, chiều hôm sau*" (nguyên văn của Xuân-Diệu). Tôi dứt khoát đáp: Không, nhứt định không. Đó chỉ là Tùy bút mà thôi. Ở đây, tôi không thể nói gì thêm, vì tôi tránh định nghĩa *Truyện ngắn là gì* trong bài này. Chỉ có thể thêm được rằng không phải hễ mỗi lần không đưa ra một câu chuyện là bài được gọi là truyện ngắn đâu. Phải có nhiều thứ khác nữa, một câu chuyện giả vờ là câu chuyện chẳng hạn.

*
* *

Ở Sài Gòn, có hai người xuất bản hai tuyển tập truyện ngắn. Nhà văn Ngọc Linh xuất bản tập *20 nhà văn, hai chục truyện ngắn*; một anh bạn khác, nhà văn Nguyễn Đông Ngạc, xuất bản tập *Những truyện ngắn hay nhứt của quê hương chúng ta*. Ở cả hai tập, tôi đều có truyện in ở trang đầu. Nhưng tập của Ngọc Linh thì bán chạy vo, còn tập của anh Nguyễn Đông Ngạc thì bán quá chậm. Tôi thấy điều này: Trong tập của Ngọc Linh, truyện của tôi là truyện tình lãng mạn (*Truyện Tình thơ đại*, chưa hề được in riêng bao giờ). Trong tập của anh Nguyễn Đông Ngạc thì truyện của tôi là truyện xã hội (*truyện Rừng mắm*, rất là khô khan, người ít văn hóa không thèm đọc). Có phải tôi là thủ phạm trong tình trạng bán sách chậm của anh bạn thứ nhì hay chẳng? Tôi e rằng là như vậy. Nhưng xin khuyên các bạn trẻ đừng nghe nói như thế mà đua nhau viết truyện tình. Viết truyện tình cũng cứ được, trong chế độ tự do chẳng có ai cấm đoán cái gì đâu. Nhưng nếu quả có đau khổ vì tình, để trong bụng chịu không nổi thì viết, bằng như nhắm mục đích bán chạy thì xin can.

Văn Học 6

Người mình viết truyện ngắn bằng ngoại ngữ có thành công chăng? Tôi thấy là đã có. Đó là truyện *Eurydice* của Nguyễn Tiến Lãng, và truyện *La reine et la vilain* của Nguyễn Văn Nho. Mà thành công hơn cả người ngoại quốc đã cho mượn ngôn ngữ nữa. Bằng chứng? Hai truyện nói trên đều là truyện dự thi một cuộc thi truyện ngắn do người Pháp tổ chức. *Eurydice* được giải nhứt, *La reine et la vilain* được giải nhì. Giải ba, lọt vào tay một người Pháp chính hiệu con gà trống.

Nhưng trong một trăm năm, tôi chỉ thấy có hai truyện ấy là thành công. Giải tư do ông Nguyễn Phan Long, cựu thủ tướng của vua Bảo Đại giựt, truyện *Cannibale par persuasion*, truyện này quá kém, không thể nói là thành công nhỏ được, mặc dầu ông Nguyễn Phan Long đã viết tiếng Pháp rất... đúng văn phạm.

B.N.L.

Nhà Sách TRUNG VIỆT

6520 Darlington

Montreal, Québec — Canada

H3S 2J3

Tel: (514) Bus: 341-1740

Res: 739-5183

*** Bán đủ các loại sách:**

Tự điển, biên khảo, tiểu thuyết, võ hiệp Trung Hoa, sách học ngoại ngữ, sách học nghề... (Với Thư Mục có gần 2000 mặt sách).

*** Băng nhạc mới, chính gốc:**

Gần 300 mặt băng nhạc của các nhà Phát Hành Thanh Lan, Làng Văn, Dạ Lan, Tú Quỳnh, Thúy Nga, Diễm Xưa, Quỳnh Dao, Tú Phương...

*** Có trên 20 tạp chí:**

Những tờ báo đại chúng được phát hành khắp nơi tại hải ngoại.

Đặc điểm của Trung Việt:

- Sách và băng nhạc mới về hàng tuần.
- Giá đặc biệt để thiết lập Tủ Sách Gia Đình, Thư Viện.
- Nhận phát hành đi xa theo giá bán sỉ.

Đặc biệt 1986:

- * Đánh dấu 10 năm nền Văn Học Việt Nam tại Hải Ngoại.
- * Phát hành Cuốn **Tổng Hợp Thư Mục**, bao gồm tất cả các loại sách Việt đã tái bản và xuất bản trong 10 năm qua.

Võ Phiến

Rup rup

Ông Bình Nguyên Lộc quả quyết rằng trong một bàn ăn mười ba người, gồm mười hai người Việt và một người Hoa, đồng vóc dáng, đồng trang phục, ngồi im không nói, ông cũng phân biệt được kẻ Việt người Hoa.

Như vậy đã là tài, nhưng ông còn đi xa hơn: có thể nhìn hình dáng mà phân biệt được người Tàu Phúc kiến với người Tàu Quảng đông, người Tàu tỉnh này với người Tàu tỉnh khác (1).

Cũng trong quán ăn, trong khi chờ đợi tô hủ tiếu, tôi có dăm ba lần theo dõi cử chỉ của người làm bếp, và chợt lấy làm ngạc nhiên vì một nhận xét. Không phải ngạc nhiên về chuyện suy tưởng nhân chủng ưa liên quan với các tiệm ăn quán nhậu. Mà là vì tôi có cảm tưởng đôi khi có thể nhìn mà phân biệt một người Việt miền Nam với một người Việt miền Trung, tức một đồng bào ở miền ông Bình Nguyên Lộc với một đồng bào ở miền tôi. Nói cách khác, tôi có cảm tưởng mình cũng... tài giỏi như ông Bình Nguyên Lộc: cái mới kỳ cục!

Một buổi trưa, tại Cần thơ, trong ngôi quán ở đầu một ngõ hẻm gần bến xe Lam, lần đầu tiên tôi chú ý đến điệu bộ có vẻ ngộ nghĩnh của người chủ quán.

Ngôi quán khá chật và tối. Giữa trưa, trong quán vẫn có ngọn điện vàng cạch thả toồng teng trên đầu người chủ. Người này mặc mai-ô quần lính, đầu đội chiếc mũ địa phương quân rộng vành, chân mang đôi giày da đen, không vớ. Tại sao phải giày và mũ trong một chỗ kín như thế? Có thể chỉ là một thói quen, hay chỉ là một trường hợp ngẫu nhiên nào đó; nghĩa là một chi tiết không có ý nghĩa gì. Tuy vậy tôi vẫn ghi lại, vì hình ảnh ấy tưởng còn hiển hiện trước mắt tôi lúc này. Hình ảnh một người khỏe mạnh, nhanh nhẹn, và làm việc hào hứng.

Mỗi người có một cách biểu lộ sự hào hứng. Riêng cái cách của người chủ quán hôm ấy, trời ơi, trông mà mê. Hai tay ông ta

thoăn thoắt: chặt khúc xương, xắt lát thịt, gấp mớ ớt, múc vá nước từ trong thùng đổ ra tô, xóc xóc mớ hủ tiếu vừa mới trụng qua nước sôi, rắc một tí tiêu bột v.v... Tất cả bấy nhiêu cử chỉ đều rập ràng, hơi có vẻ nhún nhẩy. Mỗi cái quơ tay, cái nhắc lên hạ xuống đều như có gì quá mức cần thiết một chút. Mỗi cử chỉ bao hàm bảy tám phần cần thiết, lại thêm vài ba phần thừa thãi, chỉ để cho đẹp mắt, để biểu diễn sự thích thú trong công việc. Động tác nghề nghiệp gần chuyển thành sự múa men. Một điệu vũ ca ngợi lao động.

Đứng bên chủ quán là bà vợ, tôi đã tưởng bà làm công việc chạy bàn. Nhưng không: Lúc một câu bé gầy gầy cưỡi chiếc xe đạp vụt về trước cửa, xách vào cục nước đá, thì đã rõ đây mới là người chạy bàn chính thức; người đàn bà chỉ tạm thời thay thế cậu ta trong chốc lát.

Khi đã đủ một vợ một con bên mình, chủ quán điều động càng hào hứng:

— Bàn trong. Một nhỏ một lớn. Rồi! Bưng.

— Bàn ngoài, số một. Tô lớn, khô. Rồi! Bưng, bàn số một.

— Bàn số ba tính tiền. Tám chục với ba lăm là trăm mười lăm.

Trăm mười lăm với tám đồng là trăm hăm ba. Trăm rưỡi trừ trăm hăm ba, còn lại...

Bà vợ nhắc:

— Hăm bảy.

— Hăm bảy. Nè!

Ông ta đưa món tiền lẻ, cậu con mang ra cho khách. Rảnh tay, ông ta chặt một miếng cánh gà, nhỏ nhỏ, quăng gọn vào mồm, nhai. Lại nhanh nhẹn chặt luôn miếng khác, trao cho vợ. Người đàn bà thụt né vào sau cánh cửa; ăn xong lại ló ra, sẵn sàng...

— Tô nước, tô khô. Bàn số hai, Rồi !

Cứ thế, chủ quán làm việc, cất đặt công việc, điều khiển vợ con v.v..., điệu bộ vẫn lại cứ như có gì thừa thãi một chút. Bảy tám phần cần thiết, đôi ba phần để bày tỏ sự hài lòng, để biểu diễn sự hoạt động ăn khớp của một tổ chức hoàn hảo, một bộ máy hợp khuôn rập, chạy đều ro ro.

Vừa rồi có lẽ đã có sự lạm dụng: hầu hết mỗi câu nói của người chủ quán đều có một tiếng “rồi”. Nếu tôi ghi nhớ sai, ấy là vì đã quá chú ý đến tiếng đó. Nhưng hay nhất, ngộ nhất lại là cái tiếng “rồi” tưởng tượng phát ra từ mỗi cử chỉ. Mỗi cử chỉ — ngắt cộng rau, xóc mớ hủ tiếu v.v... — đến chỗ sau cùng thường được gắn mạnh. Như thể một tiếng “rồi” phát ra bằng động tác thay vì bằng âm thanh: Một tiếng cậm.

Dầu sao lần ấy tôi không có một đối tượng quan sát im lặng như ông Bình Nguyên Lộc; nhưng các lần sau này thì họ im lặng.

Văn Học 9

Sau buổi trưa ở Cần thơ, về Sài Gòn những lần vào quán hú tiếu, tôi sực nhớ hình ảnh họ, và tò mò nhìn theo chủ quán: thỉnh thoảng lại gặp những điệu bộ ấy. Có khi ở một người đàn bà, có khi ở một người đàn ông đứng tuổi. Họ nhanh nhẹn, mau mắn; nhưng cái đặc biệt là, trong cử chỉ, họ như muốn nhấn mạnh vào tính cách toàn hảo của những hoạt động rập ràng mau mắn ấy.

Những người ấy họ có cung cách làm việc giống nhau. Cung cách ấy, gọi nó ra sao? Tôi tìm một chữ để diễn tả. Tôi loay hoay tìm kiếm... A ! Đây rồi: “Rụp rụp” ! Họ làm việc “rụp rụp”.

Chữ nghĩa sao mà thần tình. Lại chính là một tiếng địa phương ra đời ở miền Nam này. Thế mới biết sự xuất hiện của một tiếng nói mới không bao giờ là chuyện ngẫu nhiên, không lý do. Phải có một thực tại mới, đòi hỏi được mô tả sát đúng. Phải có một sự cần thiết réo gọi nó, đích danh nó.

“Rụp rụp” là một đáp ứng tài tình cho một đòi hỏi như thế. Làm rụp rụp không phải chỉ là làm mau mắn, mà còn với một vẻ hứng chí trong sự mau mắn.

— Nhưng tại sao lại bảo đó là của miền Nam? Đâu phải người nào trong Nam cũng làm việc rụp rụp?

— Tất nhiên đó không phải là tác phong của toàn thể. Cũng không thể nào biết được là tác phong của một tỉ lệ người Nam lớn nhỏ ra sao. Có điều tác phong ấy không gặp thấy ở các miền ngoài. Vả lại, còn có chuyện khác...

— Nào, xem chuyện khác có gì rõ rệt hơn chẳng.



Trong một bài tục ca của Phạm Duy, có câu: “Người dân nhìn thoáng hết hồn luôn”, lại có câu “Lệch đi thì chết, cấm sờ luôn”. Những tiếng “*luôn*” dùng kiểu đó không có trong ngôn ngữ các miền ngoài (2).

Cũng thế, ở ngoài Trung mỗi khi xe đồ dừng lại dọc đường, hành khách lên xong, anh “ét” hô to cho tài xế nghe: “Chạy! ”; ở trong Nam, anh ta hô: “Chạy luôn!”.

Tại sao lại *luôn*? Những tiếng “*luôn*” ấy không có nghĩa, nhưng dĩ nhiên không phải không có công dụng. Trái lại, công dụng đó thường khi khiến nó còn được xem trọng hơn những tiếng có nghĩa rõ rệt đứng trước nó. Chẳng hạn trong trường hợp “chạy luôn”: tiếng “chạy” hô phớt qua, tiếng “*luôn*” được nhấn mạnh. Người ta nghe “Ch... luôn!”; có khi chỉ nghe có một tiếng “*Luôn!*”.

Không chừng đó cũng là trường hợp đã xảy đến cho tiếng

“vô”. Mời nhau uống rượu, anh em hô: “Dô!” Có lẽ thoát tiên là tiếng “nhậu vô”, “uống vô” chẳng? Dần dần tiếng trước bị lướt phớt qua rồi bị bỏ rơi. Chỉ còn lại tiếng sau; từ một tiếng trợ từ, nó tiến lên nhận lấy cái nghĩa của các tiếng nhậu, uống.

Trong “chạy luôn”, nghĩa ở tiếng chạy; trong “hết hồn luôn”, nghĩa ở hết hồn; trong “nhậu vô”, nghĩa ở nhậu v.v... Còn tiếng “luôn”? Nó thêm vào một thái độ phát biểu, không thêm gì vào cái ý nghĩa đã phát biểu. Trong “chạy luôn” chẳng hạn, “luôn” là một tiếng kêu hơn là một tiếng nói: nó phát lên để tỏ thái độ thúc dục, nó không nói gì về cái nội dung của sự thúc dục ấy. Nó có công dụng về ngữ khí, chứ không phải về ngữ ý.

Như vậy trong cách nói này cái nội dung, cái cần thiết, đôi khi bị lướt qua; cái phụ, có phần thừa thãi, lại được nhấn mạnh.

Lại cái thừa thãi.

Trong cử chỉ, một chút gì thừa, vượt quá sự cần thiết; trong lời nói, cũng một chút gì thừa, vượt quá sự cần thiết. Cử chỉ và lời nói đều được phóng đại lên...

— Vẫn không có gì rõ rệt.

— Không rõ, về mặt nào?

— Một dấu hiệu để phân biệt bản sắc địa phương như vậy không mấy cụ thể.

— Thực ra ở đây vấn đề không phải là đi tìm một dấu hiệu phân biệt. Cái đó đâu cần tìm kiếm nữa? Đã có sự khác nhau thật rõ ràng, thật cụ thể, ấy là cái chỉ số sọ của ông Bình Nguyên Lộc: cuộc di cư của nhóm Trần Thắng Tài, Dương Ngạn Địch làm cho đồng bào ta ở miền Nam có xương sọ hơi dài thêm (3). Kẻ Nam người Bắc tha hồ yên lặng, ông Bình Nguyên Lộc đo đạc là biết ngay.

Vậy ở đây không có chuyện tìm một dấu hiệu phân biệt. Chẳng qua là chộp bắt một nét cá tính phản ánh trong phong cách, ngôn ngữ. Và hình như sự phản ánh không dừng lại ở vài tiếng trợ từ, ở mấy điệu bộ. Hình như trên sân khấu cải lương, một bộ môn nghệ thuật của miền Nam, chúng ta có cảm tưởng nhận thấy cá tính ấy xuất lộ ở phong cách diễn xuất...

— Cảm tưởng? Không có gì rõ rệt.

— Quả nhiên.

(1) *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt nam*. Bách Bộc xuất bản, 1971, trang 736, 737.

(2) Trong cuốn *Khảo luận về ngữ pháp Việt nam* của Nguyễn Hiến Lê và Trương văn Chính, tiếng “luôn” được nói đến ba lần (các

trang 242, 247, 258), không có lần nào đề cập đến cách dùng này.

Trong cuốn *Lột trần Việt ngữ* (Nguồn xưa xuất bản, 1972, trang 285, 286), Bình Nguyên Lộc có nêu ra tiếng “luôn” đặc biệt của miền Nam, do chữ “luân” của người Mạ, và có nghĩa là: “Tiện tay làm thêm một công việc”. Ví dụ: “Mấy quét nhà rồi quét sân luôn nghen”. — Nhưng tiếng “luôn” của Bình Nguyên Lộc — dù đặc biệt — vẫn chưa phải là tiếng “luôn” của “hết hồn luôn”.

(3) *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt nam*, trang 453.

(trích trong TÙY BÚT 1 sắp phát hành)

Nguyễn thanh Quang **Guitar**

Anh đặt ngón tay vào cung Mi thứ
Em nhớ không, bài số 4 Vũ Thành An
Đời bỗng loãng vì ngón buông Sol trưởng
Cung bậc buồn nên sóng gợn trường giang

Tình không vững như âm giai Pha trưởng
Nhu ngày xưa mình gõ nhịp thu vàng
Em còn nhớ đêm nguyệt cầm năm nọ
Guitar rã rời bắt những nhịp mênh mang
Những chiều công viên xanh màu lá cỏ
Hai đứa mình- thuở tập sự đi hoang

Tình dạo ấy vì phím dài ngón ngắn
Nên chỉ anh cứ lạc điệu trắng vàng
Em cứ bảo sao đàn nghe hư vờ
Em hiểu đâu? - sầu nhịp đã bắc ngang

Giờ tắm tối anh xoè tay nắm ngón
Biết làm sao bắt được tiếng lòng xưa...

Gửi Doãn, Dec 1985

Nguyễn thanh Quang

Stephen O. Lesser

***Văn học Trung quốc
sau Mao Trạch Đông***

Bản dịch: Thạch Hãn

Người ta có thể khẳng định văn học Trung quốc hiện đại đã không có ảnh-hưởng mấy ở Tây phương. Tuy nhiều người có nghe nói đến Lỗ Tấn, một bình luận gia và văn sĩ chuyên viết truyện ngắn của Trung quốc, qua đời vào năm 1936, nhưng mỗi khi hỏi đến, học giới Hoa Kỳ cảm thấy khó có thể nêu được tên một văn sĩ Trung quốc nổi tiếng. Điều này tương phản với sự hiểu biết về các văn sĩ Nga Sô, kể cả những văn sĩ hiện sống ở các quốc gia Tây phương cũng như bên trong lãnh thổ Nga, vì những sáng tác phẩm của họ đã được nhiều nhà xuất bản tiếng tăm phiên dịch và lưu hành. Chúng ta biết khá nhiều về sinh hoạt sáng tác ở Nga Sô sau khi đọc qua các tác phẩm của Aksyonov, Maximov, và Yetushenko. Tương tự, chúng ta cũng có thể học hỏi được nhiều hơn về Trung quốc bằng cách thăm xét tình trạng văn-học nghệ-thuật, tiểu thuyết hay thi ca Trung quốc, nói lên những trào lưu mới mẻ nhất về nhân quan của người Trung quốc đối với đời sống của họ.

Điều quan trọng là chúng ta phải xem xét những hành động can đảm cũng như những cảm nín thẳm lặng, xem những gì họ viết về và những gì họ tránh không đề cập đến. Văn chương ở Trung quốc là một vấn đề nghiêm trọng. Cuộc cách mạng văn hóa chẳng đã được khởi đầu bằng một bài phê bình của một học giả về một đề tài văn học đó sao? Văn sĩ Trung quốc mang một gánh nặng đối với quốc gia họ. Những nỗ lực của họ không những chỉ là những phát biểu có tính cách cá nhân về đường hướng sáng tác cá biệt, nhưng còn là một trách vụ có tầm vóc quốc gia nữa. Quyền tự do sáng tác, do đó, đi kèm với một nghĩa vụ "phục vụ nhân dân". Từ năm 1949, những giới hạn của quyền tự do sáng tác của văn giới Trung quốc

thay đổi tùy theo cách thể các cán bộ lãnh đạo đảng diễn giảng cái “*nghĩa vụ phục vụ nhân dân*” đó như thế nào.

Ở Tây phương, văn chương Trung quốc là một ngành nghiên cứu chỉ dành riêng cho các học giả và chuyên viên mà thôi, không có tính cách phổ thông đến đại chúng. Rất nhiều người có cơ hội đọc được những bản dịch mới nhất từ văn chương Nhật, nhưng khi nói đến văn học Trung quốc, chúng ta phải trông cậy rất nhiều vào các nhà xuất bản của các trường đại học. Sự thể nào đã đưa đến tình trạng khiếm khuyết này sẽ được bàn đến ở phần cuối bài

I

Sinh hoạt văn học ở Trung quốc sau năm 1949, năm cộng sản nắm chính quyền, được chia làm ba thế hệ. Nhóm đầu tiên gồm những cây đại thụ trong nền văn chương hiện đại, những nhân vật còn sống sót qua các biến cố chính trị, và tác phẩm của họ được lưu truyền đầu ghềnh cuối ngõ trong các thập niên 1930 và 1940. Nhiều văn gia trong thời kỳ này đã lao mình vào cuộc đấu tranh cách mạng, mặc dù chỉ một số ít theo chủ nghĩa Mác-Lê tận lòng. Họ muốn theo phò Mao, nhưng cái thế giới Mao dựng nên sau 1949 đã không có thiện cảm mấy với đời sống sáng tạo của họ. Vì vậy, họ đã lùi dần vào im lặng. Một số trở thành cán bộ cao cấp của đảng, số khác trở nên lu mờ dần. Những văn sĩ trong giới này đã góp phần đập nát xã hội phong kiến, phơi bày những khuyết điểm của giới trưởng giả (bourgeoisie) nhưng đã không thể thích ứng được với chính sách của chủ nghĩa xã hội. Có lẽ họ đã quá chú trọng đến cá tính đặc thù cho nên đã không “phục vụ đại chúng” theo cách thức được bày sẵn. Thí dụ điển hình nhất cho các văn sĩ thuộc giới cũ có lẽ là *Ba-Jin*, lúc này vào khoảng hơn 80 tuổi, và là chủ tịch của Hiệp Hội các nhà văn. Năm 1930, ông viết tiểu thuyết *Gia Đình*, một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Trung quốc trong thế kỷ 20. Ông trở nên nổi danh khắp nước, nhưng sau 1949, chỉ sáng tác rời rạc. Trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa, ông bị đá kích nặng nề vì có lúc đã du học ở Pháp và chịu ảnh-hưởng các chủ thuyết vô chính phủ (anarchism) của Pháp và Nga Sô. Sự tái xuất hiện của ông trên văn đàn khi tuổi về già đã là một dấu hiệu cho thấy khuynh hướng khoan dung và phóng khoáng hơn của đảng đối với văn giới Trung quốc. Nhiều người cho rằng ông đáng được cấp giải Nobel về văn chương, không phải vì giá trị các tác phẩm của ông hiện thời, mà chính vì những sáng tác của ông trong quá khứ, và những gì ông muốn truyền đạt đến thế hệ tương lai. Ba-Jin là một con người liêm khiết và ái quốc. Người Trung quốc hãnh diện về ông, và mong ước ông được biết đến nhiều hơn.

Thế hệ thứ hai xuất hiện sau năm 1949. Giới này gồm nhiều người đã xuất bản tác phẩm của mình vào những năm đầu của thập niên 1950, nhưng sau lại trở thành nạn nhân của những cuộc thanh trừng ồ ạt tiếp theo chiến dịch “Trăm hoa đua nở” năm 1957. Nhiều người đã bị cấm sáng tác, nhiều khi đến cả hai chục năm, mãi cho đến sau khi cách mạng văn hóa chấm dứt, họ mới xuất hiện trở lại. Giờ đây, họ là những văn sĩ lão làng, được đảng chính thức chuẩn nhận và hằng say sáng tác ở lục địa ngày nay. Sau cái chết của Mao, họ quay lại nhìn đoạn đường đã qua, thẩm xét một cách khá rành rẽ về những gì đã xảy ra ở Trung quốc sau năm 1949. Đại diện cho thế hệ đã trưởng thành này là Wang Meng.

Sinh năm 1934, truyện ngắn quan trọng đầu tiên của Wang xuất hiện năm 1956. Một năm sau, truyện ngắn đó đã bị công kích nặng nề bởi lẽ nhân vật chính trong truyện đã thách đố những quy luật cứng cỏi của đảng. Lin Zhen, nhân vật chính đó, bút rút trước những lạm dụng quyền lực trong đảng, đã buộc lời công kích :

“Sự thờ ơ, trì trệ và thiếu tinh thần trách nhiệm của chúng ta là một tội ác đối với quần chúng. Nếu chúng ta không chấp nhận để cho tim ta do bần, chúng ta cũng không thể tha thứ được những khuyết điểm ngay bên trong tổ chức của Đảng vậy.”

Những cán bộ đảng bị ông chỉ trích đã phục hận. Wang Meng bị đày ra tận miền cực Tây, tỉnh Xinjiang, trong suốt hai mươi năm. Cho đến cuối thập niên 1970, người ta mới thấy ông tái xuất. Tài năng ông qua những năm tháng lưu đày đã được phát triển theo một chiều hướng độc đáo. Theo lời một nhà phê bình, ông đã “tạo được một cảm quan bén nhạy, khả năng lột trần được xã hội thời hậu cách mạng văn hóa ở Trung quốc”. Ngày nay, Wang Meng trở thành một nhân vật quan trọng. Trong kỳ đại hội đảng gần đây, ông được đề cử vào Ủy Ban trung ương Cộng sản đảng, một chức vị ít khi dành cho một trí thức và văn gia. Wang Meng đã chỉ trích xã hội, nhưng những sự phê bình đó cũng đã được đảng chuẩn nhận. Vì vậy, sự chỉ trích của ông cũng có những giới hạn của nó.

Bút pháp, cách chọn lựa ngôn từ và lối thuật chuyện của Wang Meng đã mang hẳn những nét đặc thù của riêng ông. Đối với văn giới Trung quốc, Wang Meng là một văn sĩ khác thường, vì theo ông, hiện thực quá phức tạp để có thể gán ghép được vào những thể loại cứng cỏi. Ông sử dụng ngôn ngữ như để cố nắm bắt được một ấn tượng nào đó của cuộc nhân sinh, với đầy đủ sắc màu, ái ố của cuộc sống. Đối với một nhà văn Tây phương, đây là một cách nhìn đời quá bình thường; nhưng đối với Trung quốc, cái nhãn quan đó đã thách thức những quy luật của Mao Trạch

Đông về chủ nghĩa hiện thực xã hội. Theo Wang, người viết văn phải “thoải mái”, không bị “đề nén” mới có thể khai triển được những uyển chuyển của ngôn ngữ. Nói cho cùng thì Wang cũng đạt được mục tiêu của ông. Ở Trung quốc, ông được mến mộ nhiều vì bút pháp của ông. Ông sử dụng ngôn ngữ với tài năng tự nhiên, và khi sử dụng một cách hữu hiệu như thế, ông đã truyền đạt được những cảm quan và trạng huống của đời như chính đời sống thực vậy. Lối miêu tả của ông có chất thơ, tài tình sử dụng tính từ hay đại từ để tạo cho câu chuyện có một nhịp điệu, nhất là khi tả cảnh. Ông dùng kỹ thuật phản hồi (flashback), và nhân vật của ông thường suy nghĩ theo những “dòng tiềm thức”. Họ thường nhạy cảm, bi ai. Có lẽ truyện ngắn “Mất Đêm” (1979) là truyện bộc lộ nhiều nhất về Wang Meng.

“Đôi mắt”, của nhân vật chính của truyện, trở về thành sau hai mươi năm sống ở thôn quê (cũng như Wang). Cảnh vật đối với anh xem ra mới mẻ, khác lạ.

“Các ngọn đèn đường bật sáng lên cùng một lúc. Nhưng Chao Gen cảm thấy như có hai luồng sáng bắn ra, ngược chiều nhau, trên đầu hắn. Hắn còn thấy đâu đó những ánh đèn néon, chợt tắt chợt đỏ, những ống đèn cao ở các tiệm uốn tóc. Hắn còn thấy cả những mái tóc uốn quăn, những mái tóc dài, giày cao gót, những chiếc áo”.

Mọi việc không những chỉ mới mẻ mà còn có vẻ xa lạ đối với hắn. Những mái tóc uốn kiểu, những chiếc giày cao gót chính là những dấu hiệu của một phong trào Tây-phương-hóa xã hội mà Chen Gao sẽ phải đương đầu, dưới một hình thức bằng hoại hơn, ở phần sau của truyện. Khi theo dõi cuộc hành trình của Chen Gao trở lại phố thị, người đọc có cảm tưởng đang bị dẫn dắt vào một cơn mộng dữ.

“Chen, như một người say, vụt chạy xuống bậc cấp tối tăm. Hắn nghe tiếng chân dậm mạnh, nhưng không thể phân biệt được đó là nhịp tim đập hay tiếng chân của hắn. Hắn bước ra khỏi căn nhà, ngẩng mặt nhìn lên trời. Ngọn đèn vàng nhợt nhạt trên chiếc cột đèn nghiêng ngả trở nên đỏ thẫm như mắt một con quái vật”.

Ở đây, chúng ta hãy chú ý đến hình ảnh của con mắt, giờ được ví như con mắt của “quái vật”. Đoạn này xảy ra ngay sau khi Chen Gao gặp người con trai của một viên cán bộ cao cấp. Chen Gao trở về thành để nhờ vả viên cán bộ nọ, nhưng ông ta lại đi vắng. Vì thế, Chen Gao phải thương lượng với người con trai :

“Người con trai viên cán bộ xé toạc bức thư, nhìn phớt qua rồi mỉm cười khinh bỉ, chân trái hắn đánh nhịp theo tiếng nhạc. Cả

chiếc máy thu băng lẫn bài hát từ Hương Cảng đều mới lạ đối với Chen."

"Tôi nói cho anh hay", người thanh niên cất tiếng, rồi đứng thẳng dậy như đang đọc báo cáo. "Thời buổi này, anh cần phải có hai thứ mới mong xin được ân huệ. Trước hết, kể về vật dụng, anh có gì biểu xén không?"

Wang chỉ trích sự tham nhũng mà chính sách "mở ngõ" đã mang lại cho Trung quốc. Thế hệ trẻ nhìn về Hương Cảng như tìm kiếm một lối sống. Đối với Chen, những bài ca từ Hương Cảng nghe có vẻ lỗ bịch. Qua truyện này, Wang làm nổi bật cái vụn toản giản dị của giới trí thức Trung quốc trước chủ nghĩa cơ hội bằng hoại của giới trẻ. Người thanh niên nọ đã không bỏ lỡ cơ hội tìm kiếm những mối lợi cho chính mình.

Nhiều truyện của Trung quốc hiện đại cũng đề cập đến một chủ đề tương tự, những hiểm nguy của hiện tượng "ô nhiễm tinh thần" từ phương Tây mang lại. Hương Cảng tùy thuộc về Á châu, nhưng đã bị nhiễm độc hơn một trăm năm bị đế quốc Anh cai trị. Bút pháp của Wang Meng qua truyện ngắn này đã thách thức những quy luật văn học, nhưng nội dung lại ủng hộ những người công kích xã hội tiêu thụ đang trên đà phát triển ở Trung quốc.

Trong một truyện khác dài và nổi tiếng hơn, *Con Bướm*, Wang Meng triển khai một chủ đề khác. Câu chuyện cũng vây quanh một chuyến đi của ông Phó Bộ trưởng Zhang trở lại thăm một làng ở miền sơn cước, nơi ông đã sống những năm lưu đày trong thời cách mạng văn hóa. Lúc đó, người ta chỉ biết đến ông như một ông già, "lão Zhang" mà thôi. Bây giờ ông được hoàn chức, có địa vị trong xã hội, lại được cất lên hàng thứ trưởng. Do đó, nhan truyện *Con Bướm* còn ngụ ý một sự biến thể. Câu chuyện không đề cập đến chi tiết của chuyến đi, chỉ nhắm trọng tâm vào những cảm nhận chủ quan của Zhang khi ông chiêm nghiệm về quá khứ của mình. Những ký ức ồ ạt kéo về, đôi khi khiến cho người đọc ngọt ngào trong những dòng thác ngôn từ. Wang đã quá độ trong việc xử dụng ngôn ngữ, khiến nó trở nên đa cảm. Một phê bình gia Hoa Kỳ, Giáo sư Leo Du-Fan Lee cho rằng truyện này đầy dẫy sáo ngữ. Trong một bài viết khá sâu sắc, nhan đề: "Những mảnh lời của kỹ thuật sáng tạo: Nhìn về đối kháng văn học trong tiểu thuyết Trung quốc hiện đại", Giáo sư Lee đã phơi bày sự tương phản giữa kỹ thuật kể truyện và nội dung truyện của Wang. Chính sự thành công về kỹ thuật sáng tác đó đã tác hại lên hiệu quả của câu chuyện. Giáo sư Lee viết :

"Nếu chúng ta cố thử tìm cách liên kết ngôn ngữ của Wang Meng với phẩm tính toàn bộ của những kinh nghiệm nhân sinh được mô tả lại trong các tác phẩm của ông, chúng ta sẽ đi đến kết

luận là chính lời văn hoa mỹ của ông đã có khuynh hướng làm dịu hẳn những chua chát của thực tại. Nói một cách khác, chủ đề về xã hội và chính trị được đề cập đến trong các tác phẩm của ông đã mất hẳn những khía cạnh hài hùng. Những xấu xa, tội lỗi, tình quái của xã hội tan loãng thành những hành động mờ ám mà thôi".

Tôi đồng ý với lời phê của Giáo sư Lee. Những truyện của Wang thiếu một tác động mạnh hơn, bởi lẽ ngôn ngữ của ông đã làm mờ hẳn những kinh nghiệm sống thực của các nhân vật. *Cách trình thuật của ông chỉ phục vụ cho sự chính thống của chủ nghĩa xã hội, nhưng cùng lúc thách thức những gò bó của chủ nghĩa mácxít đối với sinh hoạt văn học. Wang Meng không phải là một kẻ đối kháng. Ông được đảng chuẩn nhận, và sự bổ nhiệm ông vào giữ một chức vị trong Trung ương đảng đã cho thấy ông được chuẩn nhận đến mức nào.*

(còn tiếp kỳ sau)

Đã phát hành
ĐÁY ĐỊA NGỤC
của Tạ Ty

Một tác phẩm lớn, viết trung thực nhất về chế độ Tập Trung Cải Tạo dưới ách thống trị của cộng sản, từ Miền Nam tới Miền Bắc. Cuốn sách không những có giá trị chính xác về phương diện tài liệu, mà còn là một tác phẩm văn học. Tác giả đã trải qua nhiều trại cải tạo sau nhiều năm bị giam cầm và gánh chịu nhiều nhục nhằn dưới vùng trời Việt Nam ngất ngất oán thù, kể từ sau ngày 30.4.1975.

Tác phẩm mà mọi người mong đợi từ lâu, nay đã xuất hiện trên thị trường chữ nghĩa. Mỗi tủ sách gia đình tị nạn phải có một cuốn ĐÁY ĐỊA NGỤC do cơ sở THẮNG MỒ ấn hành.

Giá 15 Mỹ kim trng nước Mỹ

Giá 17 Mỹ kim ngoài nước Mỹ

Xin liên lạc với nhà văn Tạ Ty theo địa chỉ :

9152 Danby Ct, San Diego, CA 92 129

Nhật Tiến
Một buổi diễn kịch
Tiểu thuyết kịch.

Ở ngoài cửa rạp hát trước giờ trình diễn.

Đó là một rạp hát hạng trung nằm ở ngay cuối phố chợ. Trước cửa rạp là một hàng cây cao. Chèn vào giữa những hàng cây là một trụ đèn xi-măng, ở trên cao tít có một cái bóng đèn tỏa ra một thứ ánh sáng vàng bệch, không đủ soi rõ quang cảnh của hè phố trước rạp. Tuy nhiên vào lúc hơn bảy giờ thì tổ coi xe cũng đã cho thắp lên bốn ngọn đèn chai treo ở trên những cái cọc gỗ dùng để giăng một sợi dây thừng trải dài bao bọc khu vực gửi xe. Những chiếc xe đạp của khán giả đến trước tiên đã được đặt ngay ngắn theo thứ tự từ lớp trong ra lớp ngoài. Người gửi xe được trao cho một miếng thẻ bằng bìa nhỏ. Khởi cần ghi số ở trên. Ai có xe để ở chỗ nào, chốc nữa tan ra cứ lại chỗ đó mà chờ. Tổ gửi xe sẽ luồn qua khung xe một sợi thừng cỡ lớn và buộc lại ở phía đầu mút. Nút buộc chỉ được cởi ra khi tan rạp. Do đó, tuần tự ai gửi sau sẽ được ra trước, cho đến người cuối cùng. Đó là một sáng kiến tuyệt hảo để tránh việc lấy lộn xe của nhau. Bởi xe của ai thì người đó đã đứng chờ sẵn tại chỗ rồi. Duy chỉ có hai điều bất tiện: một là ai gửi xe trước thì phải ra sau, ít lắm cũng mất nửa giờ, và hai là không có cái vụ đang xem hát trong rạp, bỏ về nửa chừng. Muốn bỏ về nửa chừng thì rán cuốc bộ, lát nữa rạp tan, quay trở lại lấy xe. Tuy bất tiện một tí nhưng bảo đảm an toàn. Trong ba quý liền điều hành công tác, tổ giữ xe không làm mất và phải đền cái xe nào. Điều này đã đem lại cho tổ vô số là bằng khen với lời tuyên dương nhiệt liệt: phục vụ tốt, kết quả công tác tốt, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng nếp sống mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Ở dưới những gốc cây, gần xé với khu vực gửi xe là chỗ quây quần của những hàng quán bán cho khách đi coi ca, kịch. Hầu hết

là những người bán thuốc lá lẻ và kẹo bánh lật vặt. Nhưng cũng có hàng bán nước mía, nước trái cây xay, bán chè xôi, và có cả hàng bán lõi thơm hay lõi dừa. Quả dừa thơm ngon đã được đóng hộp xuất khẩu, cái lõi còn lại được xí nghiệp sản xuất phát huy sáng kiến gọt tĩa lại cho tròn trĩnh, và bó lại thành từng bó đem tiêu thụ ngoài quần chúng. Vừa rẻ, vừa mát, và lại vừa túi tiền. Nó cũng đáp ứng khẩu vị của người dân đã lâu thèm và nhớ hương vị của mùi dừa. Buôn bán lõi dừa do đó cũng rất phát tài mà lương thiện. Các đồng chí công an nếu có xuất hiện để xua đuổi việc chiếm lẽ đường làm mất vệ sinh và vẻ thẩm mỹ của thành phố thì cũng không nỡ tịch thu những bó lõi dừa màu vàng óng xếp thành chồng cao trên những cái mẹt có lót lá chuối khô và được che lên bằng một tấm giấy nylon đã ngả màu nâu đục và mất hẳn tính trong suốt của loại nylon bình thường vì đã bị tái sinh nhiều lần. Chỉ có đám bán thuốc lá lẻ là chạy trốn chết. Bởi nếu hạch hỏi ra thì đủ thứ tội: thuốc lá Sông Cầu, thuốc lá Hoa Mai, thuốc lá Phù Đổng, thuốc lá Trường Sơn... v.v... toàn là những đồ phân phối của công nhân viên chức, bán ra ngoài là bất hợp pháp rồi, bất kể là người được phân phối không biết hút thuốc và đã hoan hỉ nhượng lại. Sang đi nhượng lại là một hành vi phạm pháp, làm ngơ thì chả sao, nhưng hạch sách ra thì nó vẫn là một tội có thể viện dẫn ra để tịch thu. Quầy hàng thuốc lá vì thế đã được người bán bố trí rất đơn giản. Chỉ có một cái cang ba chân, trên để một cái thùng carton nhỏ. Bên trong hầu hết là những vỏ bao trống không hoặc chỉ để sẵn vài ba điếu. Nguồn hàng chính được giấu kín trong một cái túi xách và để ở đâu đó khó ai nhận biết được, ví dụ như ở trong bọc áo một thằng bé ngồi thu lu ở vỉa hè xa xa chỗ mẹ nó, chị nó bán hàng, hay ví dụ như ở ngay dưới gầm ghế của một đồng chí trong tổ hợp coi xe, ngồi nghiêm chỉnh ở khu vực đã được chỉ định sẵn, vừa quan sát khu vực để xe, vừa chăm chú đan thêm mảnh áo len kiếm thêm chút tiền đóng gạo dưới ánh đèn lù mù của ngọn đèn chai.

Một vài hình ảnh như thế, nghĩ cho cùng, nó quả là rất tương phản với tấm biểu ngữ giăng ngang trước cửa rạp, nền trắng, chữ đỏ, kẻ bằng sơn rất trịnh trọng: Hôm nay long trọng trình diễn vở kịch: *Nền sản xuất lớn Xã Hội Chủ Nghĩa* do đoàn ca kịch Đồng Tháp đảm trách.

Trong nhân dân, ai đã được học tập, lại chả biết sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa phải đi đôi với trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến của nền đại công nghiệp. Nói chuyện về đại công nghiệp ở nơi chốn lù mù những ánh đèn chai, nếu không là chuyện khôi hài thì cũng là những toan tính quá xa vời với thực tế. Nhưng cũng chả sao. Có thiếu gì điều ở đây đã được học tập, đã được phát biểu, đã được in

thành sách, soạn thành nhạc, viết thành kịch bản để trình diễn mà đem so với thực tế thì chả thấy có điều gì ăn nhập với nhau. Riết rồi cũng quen đi. Học một đằng, nghĩ một nẻo, khi nói ra miệng, lại là một nẻo khác nữa. Ai cũng thấy thế, ai cũng đã từng làm như thế, cuối cùng sự trục trặc không ăn khớp ấy đã trở thành một thói quen, một quy luật để tồn tại. Chỉ những kẻ nào tối dạ lắm thì mới đại dốt nêu lên những nhận thức sáng suốt của mình. Thế cho nên dù trong ánh đèn lù mù của ngọn lửa đỏ đồng đọc, đồng đưa theo hướng động đậy của ngọn đèn chai chao đả trước gió, người ta vẫn cảm thấy xốn xang, rộn ràng khi nhìn lên tấm biểu ngữ nêu tên vở kịch sắp được trình diễn: *Nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*. Nói cho cùng thì chả cứ tên của vở kịch là cái gì, miễn rằng nó là một vở kịch, một buổi trình diễn, một duyên cớ để tụ tập nhau lại, dù trong một cái rạp chật ních nóng nẩy đến đổ mồ hôi, để được nghe đàn, nghe hát, gái trai đủ đởn, đùa nghịch, thế là vui rồi. Đã lâu lắm ở đây có được cái gì để giải trí đâu!

Thế là thiên hạ ùn ùn kéo nhau vào rạp. Khu vực để xe đã chật ních. Đồng chí trong tổ giữ xe đã sử dụng gần hết cuộn dây thừng để luồn qua vô số là những cái khung xe. Hàng bán lõi dứa đã hết lõi dứa, hàng bán chè đã hết chè, hàng bán nước trái cây xay đã hết nước đá để xay. Chỉ còn lác đác vài cái thùng carton đựng thuốc lá lẻ đặt trên cái cang ba chân. Mấy thằng nhỏ ngồi ở xa xa trên vệ đường (bụng ôm một bọc toàn nguồn hàng thuốc lá) cũng vẫn còn ngồi ở đó nhưng bây giờ đã ngủ gục. Có còn cái thứ công việc nào chán ngán và dễ buồn ngủ hơn là việc cứ ôm khư khư bọc đựng thuốc lá như thế suốt một buổi từ tối đến khuya, cấm di động, cấm chạy nhảy, cấm rời chỗ tất nhiên là trừ ra những dịp rất bần cùng chẳng hạn như có tiếng báo động từ xa truyền lại "Công an tới! Công an tới!". À, nếu công an tới thì lại khác. Thằng nhỏ dù đang buồn ngủ rũ mắt thì cũng phải bật lên như một cái lò so và ôm gói hàng chạy miết vô một ngõ tối. Ở đó, nó có thể thò đầu ra như một con chuột, ngó qua phía bên kia đường để thấy mẹ nó, hay chị nó hoặc là đang nài nỉ, hoặc là đang cãi vã, hoặc là đang bị đồng chí công an dẫn giải về đồn với lệnh tịch thu. Sự mất mát nếu có cũng chả nhằm nhò gì, bất quá thì cũng chỉ vài ba điếu thuốc Sông Cầu, vài cái vỏ bao không và một ngọn đèn Hoa kỳ tù mù dùng để cho khách chằm thuốc hút.

Tuy nhiên hôm nay tình hình có vẻ yên tĩnh lạ. Mấy đồng chí công an đã xuất hiện từ chiều ở cửa rạp, nhưng ngó lơ như không bao giờ bận tâm đến lũ hàng quán ngồi la liệt ở dưới gốc cây. Các đồng chí còn mãi bận tâm đến một nhiệm vụ trọng đại hơn nhiều: bảo vệ an ninh cho buổi trình diễn ra mắt vở kịch *Nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*. Điều đó có nghĩa là khách tới rạp chẳng phải

thuần túy chỉ có nhân dân mua vé vào coi. Theo bản tiêu lệnh công tác bảo vệ an ninh, có nhiều thành phần đặc biệt tới tham dự: đồng chí Quận Ủy, đồng chí Ủy Viên Thông Tin Văn Hóa, đồng chí đại diện Công Đoàn, đại diện Hội Phụ Nữ, đại diện Hội Phụ Lão, đại diện Quận Đoàn Thanh Niên và rất nhiều đại diện các đoàn thể linh tinh khác. Đó là chưa kể các phái đoàn công nhân tiên tiến của nhiều xí nghiệp, nhiều Hợp Tác Xã, nhiều trường học trong khu vực cũng được đặc biệt có giấy mời tham dự. Nói chung là buổi hôm nay có nhiều yếu tố quan trọng khiến bộ phận công an phải đặc biệt lưu tâm hơn là cần quét dọn buồng thùng bán mẹt cũng sẵn dịp tổ chức nên bu lại để mong kiếm thêm chút lời.

Mới gần tám giờ tối, toàn thể các ghế ở trong rạp đã chật như nêm cối.

Ở trong rạp.

Đồng chí Bí Thư Quận Đoàn Thanh Niên: Kính chào đồng chí Quận Ủy.

Quận Ủy: A! Chú Sáu! Chú cũng đi coi hả ?

Đ/c Bí Thư Quận Đoàn Thanh Niên: Dạ. Trình đồng chí, em đi coi để thêm nhận thức về nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Quận Ủy: Phải đấy. Đây là một khâu trọng đại trong công cuộc xây dựng tổ quốc Xã Hội Chủ Nghĩa. Các chú nên đào sâu trong lãnh vực nhận thức. Mà hình như tác giả vở kịch là một đồng chí ở Tổ Biên Kịch cấp Thành đấy có phải không ?

Đ/c Ủy Viên Thông Tin Văn Hóa: Dạ thưa phải! Vở kịch này là vở thứ hai của đồng chí ấy. Và đợt trình diễn này là đợt thao diễn để rút kinh nghiệm công tác. Sau đó sẽ đưa lên cấp thành và có hy vọng trình diễn cả ở trung ương nữa.

Quận ủy: Cái đó tôi biết. Chính tôi đề nghị với đoàn Đồng Tháp lấy quận ta làm thí điểm trình diễn.

Đ/c Ủy Viên Thông Tin Văn Hóa: Dạ, trình đồng chí, đồng chí quyết định như vậy là sáng suốt lắm. Đề tài của vở kịch rất phù hợp với nghị quyết mới của Thành ủy liên quan tới công cuộc vận động tiến từ nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trình đồng chí, theo chiều hướng này, và trong cương vị của một Ủy Viên Thông Tin Văn Hóa, tôi cũng đang chuẩn bị phát động chiến dịch Nếp Sống Văn Hóa Mới nhằm vận động nhân dân sống theo tác phong công nghiệp, xóa bỏ tàn dư của nền sản xuất nhỏ, manh mún, tản mạn.

Quận ủy: Cái đó cũng tốt thôi! Nhưng mà này, nhạc đâu mà chưa thấy các đồng chí cho vận lên. Đồng bào đã tới đông, trong khi chờ các diễn viên sửa soạn, phải có âm nhạc mới được chớ.

Đ/c Thông Tin Văn Hóa: Dạ có chớ, có chớ. Trình đồng chí, tôi đã chỉ thị đầy đủ cả, hiềm vì mấy cái loa đang gặp phải sự cố kỹ thuật. Tổ bảo trì đang khẩn trương phần đầu sửa chữa. Chắc chỉ ít phút nữa thôi. Để tôi đi coi lại (*nói xong bỏ đi về phía cánh trái sân khấu*).

Tại cánh trái của sân khấu.

Kỹ thuật viên 1: Cái giàn âm-li này chỉ có nước đục mẹ nó vô thùng rác chớ còn làm ăn được gì.

Kỹ thuật viên 2: Nói nghe ngon không! Giàn này mới thay hồi đầu tháng mà, đục thùng rác sao được, cha!

Kỹ thuật viên 1: Cậu banh mắt ra mà nhìn coi nó là giàn mới thay hay là cái giàn cũ xì từ hồi ông bành tổ đây nào. Thằng Ủy Viên Thông Tin Văn Hóa nó đã đổi cha nó cái mới từ hồi tuần trước mà cậu đâu có hay.

Kỹ thuật viên 2: Ai cho phép nó đổi chớ ?

Kỹ thuật viên 1: Thì đi tìm nó mà hỏi. Ồi chà, linh chữa, mới nhắc tới mà nó đã thò mặt tới rồi (*đổi giọng*). Kính chào đồng chí Ủy Viên Thông Tin Văn Hóa.

Đ/c Thông Tin Văn Hóa: Các cậu làm ăn chả ra cái con mẹ gì hết. Sao giờ này chưa cho đĩa nhạc chạy lên.

Kỹ thuật viên 1: Trình đồng chí tại cái âm-li này cũ quá. Hơi nóng một tí là nó rề.

Đ/c Thông Tin Văn Hóa: Nó rề thì sửa chỗ rề...

Kỹ thuật viên 1: Dạ, em đã sửa nó chán ra rồi, từ hồi nó còn ở nhà đồng chí, mà không hết bệnh.

Đ/c Thông Tin Văn Hóa: Ấy chớ! Cậu đừng nhắc đến chuyện cũ, bất tiện lắm. Bề gì thì cũng chỉ có tôi với tổ kỹ thuật biết với nhau thôi. Thôi được, rán khắc phục được đến đâu hay đến đó. Chắc cũng sắp sửa tới giờ trình diễn đến nơi, đâu có cần nhạc !!

Kỹ thuật viên 2: Dạ, đúng đấy. Em thấy trong sân khấu đã kín mít những người là người, và em nghe thấy cả tiếng người đi gọi lão kéo màn để chuẩn bị.

Ở chỗ lão kéo màn.

Lão ngồi chồm hồm trên một cái thùng gỗ kê ở ngay sát một tấm cánh gà. Bên cạnh lão là một túm thuốc rê. Cạnh túm thuốc rê là một chai nước ngọt, bên trong chứa rượu đế đến ngót lưng chừng. Vậy là lão cũng đã tu khan hết hơn một nửa xì rồi. Hên chi đầu lão nóng rực. Mồ hôi đổ ra đầm đìa, đọng lấm tấm trên những cọng râu bạc. Lão thêm một cơn gió mát, nhưng bầu không khí trong hậu trường cứ mỗi ngày một ngọt ngạt hơn. Người chạy qua

chạy lại phía sau lão rồi ren như đèn cù. Thiên hạ hỏi nhau những món đồ hóa trang. Thiên hạ nhắc nhau về những đoạn cần nhấn mạnh trong vở kịch. Thiên hạ cũng cãi lộn với nhau về cả những chuyện chả ăn nhằm tới vở kịch chả hạn như kỳ nhu yếu phẩm này có về hai cái vỏ xe đạp, ai lấy ai dùng, hoặc chuyện vay công, mượn nợ eo sèo trả thiếu, trả trễ sao đó. Trong đám tiếng nói hỗn độn, ồn ào đó, bỗng lão nghe thấy mẫu đối thoại thì thầm ở ngay sát phía sau lưng mình :

Tiếng đàn ông: Chết mẹ tôi rồi! Giờ này lão Bầy Đò chưa tới.

Tiếng đàn bà: Không sao đâu. Chắc là lão hư xe phải đi bộ. Với lại mãi tới màn chót mới cần tới vai của lão mà.

Tiếng đàn ông: Làm ăn cái kiểu giật gân này tôi đến rụng mẹ nó tim ra ngoài mắt. Cô nhớ giùm tôi, hết màn đầu mà chưa thấy lão phải tức tốc cho người đi tìm ngay.

Tiếng đàn bà: Yên chí đi. Em mới gặp lão chiều hôm qua. Lão hãy còn khỏe như voi. Chắc tại trễ đó thôi.

A! Cái lão Bầy Đò này thì lão kéo màn biết rõ. Thân nhau nữa là khác. Hai người ở xế nhà nhau. “Giải phóng” về, cả hai ngán ngẩm nhân tình thế thái, cùng xoay ra uống rượu giải sầu. Rượu vào, lời ra, cả hai cùng đem chuyện phường, chuyện xóm, chuyện đoàn thể, chuyện học tập, chuyện kinh tế mới và đủ các loại chuyện khác ra than thở, chửi thề. Lão Bầy Đò bày tỏ cái mộng vượt biên và lão có nhiều con, cháu lo được cái vụ này. Hồi tuần trước, Bầy Đò đã rỉ tai lão nói “Tôi sắp đi!”. Ở nói là đi chứ chắc gì cứ đi là được. Người ta đi hà rầm và bị bắt lại, bỏ vô tù cũng đông lénghén. Lão Bầy Đò biết vậy nên cũng chỉ nói vồn vện có thể thôi. Lão chẳng vì chuyện ấy mà bỏ lời công chuyện hàng ngày. Vẫn đi bới rác. Vẫn khuôn những chai nước tương ở tổ hợp sản xuất đi bỏ mới lấy lời. Và mới đây, lão còn nhận lời cả với thằng cháu trong ban kịch Đồng Tháp để sắm một vai phụ, chỉ cần nói đúng một câu :

— Đời tao, tao hy sinh đâu có phải cốt để tao hưởng, mà cốt để lũ con cháu chúng nó kia kìa !

Rõ ra một câu nói khẳng khái của một ông già có trình độ giác ngộ cách mạng cao, làm chết bỏ mà không hề thắc mắc, than phiền. Lão Bầy Đò nhận lời sắm vai đó cũng là có lý do. Một là nó dễ đóng, chả có gì phải nhớ nhiều. Hai là thằng cháu cách mạng sẽ phát cho ông một cái giấy chứng nhận là công nhân viên của Ban Kịch Đồng Tháp. Thời buổi này, được làm công nhân viên nhà nước không phải là chuyện rởn chơi. Thằng công an khu vực có thấy cũng nể mặt. Thằng tổ trưởng an ninh tổ dân phố lại càng hết giờ bộ mặt hạc sách, eo xèo, mà đến như mấy thằng bên Phường cũng không còn có cơ gì để đưa tên lão vào danh sách của những kẻ

bó buộc phải đi kinh tế mới. Nhưng cái lợi cực kỳ hơn cả là nhờ cái giấy đó, lão có thể di chuyển dễ dàng mà không sợ bị chặn xét bắt tử khi đi đường. Nó đúng là bùa hộ mệnh cho lão để giúp lão vượt biên. Lão chỉ hơi ân hận là sao cái bọn tổ chức lại nhè đúng ngay cái ngày lão phải trình diện mà cho lệnh lên đường. Cái này thì không phải do lão cố tình chơi khăm thằng cháu cách mạng. Lão có tiếc gì một câu nói :

— Đời tao, tao hy sinh đâu có phải cốt để tao hưởng mà cốt để cho lũ con cháu chúng nó kia kìa !

Để ợt khi nói, mà cũng lảng xẹt khi nghe. Mẹ kiếp, cả nước này ai mà chẳng rõ cứ cái kiểu cai trị thế này, thì con cháu, chút chít, mặt đời cũng chả bao giờ có ai được hưởng gì ngoại trừ giai cấp của lũ cầm quyền.

Buổi sáng hôm ra xe đi về lục tỉnh, lão Bảy Đô không khỏi mỉm cười khi nghĩ đến những khuôn mặt nhớn nhác của toàn thể nhân viên đoàn kịch ở phía sau hậu trường sân khấu.

Phía sau hội trường sân khấu.

Có hai diễn viên trẻ tuổi đứng ở cửa sổ nhìn ra khu phố chợ ồn ào. Một nam. Một nữ.

Nữ diễn viên sắm vai Hồng: Chết chưa. Sao em thấy chóng mặt quá.

Nam diễn viên sắm vai Quý: Chết! Có sao không. Có cần bồi dầu nóng không. Chắc em trúng gió.

Nữ diễn viên sắm vai Hồng: Không phải đâu. Chắc là tại lúc đi, em chưa ăn gì.

Nam diễn viên sắm vai Quý (trách): Đáng lẽ em phải pha một ly sữa để uống lấy sức.

Nữ diễn viên sắm vai Hồng (mỉa mai): Hộp sữa bồi dưỡng em đã đổi ra thành mì sợi cho cả nhà rồi. Mà ngay cả mì sợi thì cũng đã hết nhãn từ hôm qua.

Gã nam diễn viên sững sờ nhìn người bạn gái. Dưới ánh đèn vàng ủa, khuôn mặt của nàng hiện ra vêu vao. Mặc dù nàng đã hóa trang xong nhưng lớp phấn trắng, vành môi đỏ không che giấu được vẻ xanh xao, mệt mỏi nó làm cho những bột phấn không ăn mịn vào làn da, cho lớp son càng đắp đầy càng hiện ra những vết nứt nẻ, rạn vỡ. Lòng gã dâng lên một niềm xót xa vô hạn mặc dù chính gã cũng đang lao đao như nàng. Đói. Đói ở nhà. Đói ở sở làm. Đói ngay cả khi sửa soạn bước ra sân khấu. Bây giờ gã mới thấm thía cái điều mà các cơ quan tuyên truyền của nhà nước vẫn nhắc đi nhắc lại một cách khoe khoang: "*Bộ đội ta ăn no, đánh thắng*". Thì ra ưu điểm mà cái xã hội này mơ ước được đạt tới chỉ là được ăn no. Hơn ba mươi năm cầm quyền, hơn nửa dân số

không bao giờ được ăn no. Vậy mà cũng gọi là đỉnh cao trí tuệ văn minh của loài người sao? Gã bỗng thấy nhói ở tim khi nhớ đến một lời đối thoại trong vở kịch sắp sửa trình diễn :

— *Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhân dân ta đang ở trên đỉnh cao trí tuệ văn minh của loài người. Điều này không làm đồng chí cảm thấy hãnh diện sao !*

Thật là một lời đối trá trắng trợn, bởi chính cái gã tác giả viết ra vở kịch này cũng chẳng tin gì điều mà hắn viết ra. Cứ nom cái vẻ mặt nhớn nhác, lúc nào cũng tránh né tia nhìn của mọi người của hắn thì đủ rõ. Con người ấy thật xứng đáng dùng làm biểu tượng cho sự thiếu tự tin. Vậy mà hắn có gan viết kịch để xây dựng niềm tin của mọi người. Thế là lại thêm một chuyện treó căng ngồng nữa!

Nhưng gã nam diễn viên không có nhiều thì giờ để bận tâm đến lý do làm nhói con tim của gã. Cơn đói của người bạn gái trước giờ nàng phải bước ra sân khấu đã làm gã nhói tim hơn nhiều. Gã khoắng bàn tay khô khan của mình vào túi quần để đếm nhẩm mấy đồng bạc lẻ còn sót lại.

Nam diễn viên sắm vai Quý: Anh còn mấy đồng lẻ. Để anh chạy ra cửa rạp mua cho em gói xôi.

Nữ diễn viên sắm vai Hồng: Thôi đi anh! Em còn rán chịu được. Mấy lại cũng hết còn ra ngoài được nữa rồi. Nghe đâu có vụ ông Bảy Đô sắm vai lão già công nhân tiên tiến cho tới giờ này cũng chưa tới. Ông biên đạo (*đạo diễn*) đã cho lệnh nội bắt xuất, ngoại bắt nhập để ngăn chặn diễn viên chuồn ẩu ra ngoài.

Nam diễn viên sắm vai Quý: Tù túng đến thế cơ à! Thôi để anh nhờ lão kéo màn. Lão không phải diễn viên, chắc ra được!

Ở chỗ kéo màn.

Lão kéo màn vẫn còn ngồi y nguyên ở đó, duy có xị rượu đế thì đã vệt hẳn đi, chỉ còn đâu non một đốt ngón tay. Mắt lão lim dim như đang ngủ nhưng tâm hồn của lão thì lâng lâng một cách tỉnh táo. Lão đang vận dụng trí tưởng tượng để theo dõi bước chân đi của người bạn già. Có thể bây giờ lão Bảy Đô đã xuống tới bến. Rồi từ bến lên thuyền đi ra cửa sông. Từ cửa sông đáp thuyền lớn để đi ra biển. Ôi chao! Biển cả mênh mông như chân trời tự do mênh mông mà lão sắp sửa đặt chân tới. Mới nghĩ như thế mà lão kéo màn đã hít hà, tưởng như chính mình cũng đang lênh đênh trên con thuyền trên đường vạch lau lách hướng ra biển cả.

Nam diễn viên sắm vai Quý: Cự kéo màn ơi! Cự kéo màn ơi!

Lão kéo màn (giật mình, mở choàng mắt ra): Cái gì đấy! Tới giờ rồi hả !

Nam diễn viên sắm vai Quý: Chưa tới! Nhưng cháu nhờ Cự ra cửa mua giùm gói xôi. Tội nghiệp cô diễn viên, nhà hết gạo, lúc đi trình diễn chưa ăn gì, bây giờ lao đao quá.

Lão kéo màn: Đi mua thì dễ, mà chỉ hiềm lúc bỏ đi, tới giờ kéo màn không có mặt thì lãnh búa hết !

Tiếng loa phóng thanh: Đã tới giờ khai mạc! Xin mời toàn thể các đồng chí, đồng bào đứng dậy để làm lễ chào cờ !

Ông biên đạo: Kéo màn lên! Kéo màn lên !

Lão kéo màn vội vã đứng dậy, hai bàn tay sẵn sùì và thô kệch của lão túm lấy sợi dây thừng treo lưng lửng ở phía trước mặt. Lão vận dụng hơi sức của mình để níu sợi dây xuống. Tấm màn nhung cũ kỹ có nhiều vết nứt rạn từ từ cuộn lên. Rồi có tiếng rọt rẹt của giàn âm thanh đặt ở bên cánh trái sân khấu. Chen vào những tiếng rọt rẹt là những tiếng rít rít nghe nhức tai. Rồi bản *Tiến quân ca* được phóng ra bằng một giọng ồm ồm, có lúc khụt khịt như bị ngạt mũi, lại cũng có lúc chìm đi như muốn tắt tiếng. Sự kiện này làm khán giả tuy cố làm bộ điệu trang nghiêm lúc chào cờ nhưng không khỏi bụm miệng cười. Chỉ riêng có ở hàng ghế đầu, nơi dành cho quan khách là có những ánh mắt giận dữ, tức tối.

Tại hàng ghế đầu.

Đ/c Quận Ủy (thì thào): Đồng chí Ủy Viên Thông Tin Văn Hóa đâu?

Ủy Viên Thông Tin Văn Hóa: Trình đồng chí, có em đây.

Quận Ủy: Ngày mai đồng chí đem hồ sơ lý lịch của mấy thằng trông coi Tổ Kỹ thuật lên tôi để đích thân tôi coi lại. Chúng nó có ý đồ phá hoại !

Ủy Viên Thông Tin Văn Hóa: Dạ... dạ... xin tuân lệnh đồng chí.

Dù sao thì bản *Tiến quân ca* cũng đã được chơi xong. Mọi người ngồi xuống. Tiếng ồn ào bắt đầu nổi lên, nhất là phía hàng ghế khán giả.

Tại hàng ghế khán giả.

Nhiều tiếng nói cất lên, không phân biệt được ai với ai.

— Âm thanh kiểu này thì còn kịch với cọt cái gì nữa.

— Thôi đi mà người anh em, rán khắc phục cái lỗi tai giùm chút. Mình đang ở thời kỳ quá độ mà.

— Quá độ đâu ở cái giàn âm thanh cha nội! O ép nó quá thì nó phá bình, có gì đâu.

— Nói đúng đó. O ép người thì được, o ép máy thì không xong. Không lẽ bắt cái máy đi học tập cải tạo.

Một tràng rộ lên cười làm cả một góc rạp ồn ào như vỡ chợ khiến cho tất cả mọi người đều quay lại nhìn. Ngay lúc đó, ở trên sân khấu, ông biên đạo hùng dũng bước ra. Một tay ông ấy cầm một xấp bản thảo vở kịch, ý chừng muốn chứng tỏ lúc nào ông cũng bận rộn, chăm sóc đến từng diễn viên, nhắc nhở từng điệu bộ, từng câu nói. Còn tay kia thì ông ấy cầm một cái micro chạy bằng pin. Cái máy đeo lưng lẳng trên một bên vai còm cỗi, nó làm cho thân hình của ông lệch hẳn đi, nhưng cũng nhờ thế, nó càng chứng tỏ vai trò quan trọng của ông trong những giờ phút trọng đại như thế này.

Trên sân khấu.

Ông biên đạo: Kính thưa đồng chí Quận Ủy, kính thưa các đồng chí đại diện các Ban, Ngành, các Đoàn Thể, kính thưa toàn thể nhân dân đồng bào... Thay mặt ban tổ chức chúng tôi hết sức thành thật xin cáo lỗi về vụ âm thanh có sự cố kỹ thuật. Chúng tôi đang khẩn trương cố gắng khắc phục để đảm bảo tốt cho chương trình trình diễn... Bây giờ tôi xin trình bày sơ lược về nội dung và ý nghĩa vở kịch...

Ở trong hậu trường.

Ông Trưởng Đoàn Đồng Tháp: Ai thế! Ai đại diện ban tổ chức ra sân khấu mà nói thế.

Ông Phó Trưởng Đoàn: Trình đồng chí, đấy là tiếng của ông biên đạo.

Ông Trưởng Đoàn: Cái thằng lanh chanh hớt việc không phải chỗ. Nó đâu có quyền dẫm chân lên cương vị của người khác. Cáo lỗi về sự cố kỹ thuật của buổi trình diễn là phần hành của tôi, bởi vì tôi trách nhiệm toàn bộ buổi trình diễn này...

Ông Phó Trưởng Đoàn: Trình đồng chí, tôi nhất trí với ý kiến với đồng chí phát biểu. Sau đồng chí là đến tôi chứ đâu đã đến thứ nó.

Ông Trưởng Đoàn: Tôi biết nó muốn lấy điểm với đồng chí Quận Ủy. Tôi sẽ đem vụ này ra kiểm thảo. Chớ làm ăn theo kiểu manh mún, tản mạn này thì đâu còn là tác phong của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đ/c Lao Công: Trình đồng chí thủ trưởng, giàn âm thanh mới đã tới.

Ông Trưởng Đoàn (reo lên): Hay quá! Ở đâu ra thế? Ai cho mượn thế.

Đ/c Lao Công: Dạ, của ông Ủy Viên Thông Tin Văn Hóa.

Ông Thủ Trưởng: À ra thế! Phải có tinh thần *một người vì*

mọi người như thế mới xứng đáng là con người mới xã hội chủ nghĩa. Chẳng trách ông ấy được trên giao phó đảm nhiệm chức vụ Thông Tin Văn Hóa. Còn thằng cha biên đạo, nó nói lảm nhảm cái gì trên sân khấu thế ?

Trên sân khấu.

Ông Biên Đạo (vẫn thao thao): Vâng, thưa các đồng chí, con người mới xã hội chủ nghĩa là con người được hình thành và được phát triển thông qua ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, và cách mạng tư tưởng và văn hóa trong đó cách mạng tư tưởng và văn hóa là then chốt. Trên cơ sở đó, ba cuộc cách mạng càng phát triển sâu rộng và thu được nhiều thành quả thì con người mới xã hội chủ nghĩa càng phát triển hoàn thiện, đồng thời tác động trở lại khiến cho ba cuộc cách mạng được thúc đẩy thêm, được phát triển thêm không ngừng...

Ông ta vừa nói vừa nhìn xuống phía hàng ghế khán giả; nói cho đúng hơn, nhìn xuống cái chỗ mà đồng chí Quận Ủy đang ngồi. Có thể ông ta sẽ tiếp tục khai triển thêm về cái ý đang nói hơn nữa nhưng bất ngờ, ông ta bắt gặp đồng chí Quận Ủy giơ tay lên che miệng ngáp. Thế là như một nhân tố có khả năng rất nhạy bén về những tác động khách quan bên ngoài, ông biên đạo đổi ngay đề tài đang nói và sự đổi thay này hầu như làm cho cả rạp tỉnh hẳn ngủ.

Ông Biên Đạo: Để nói lên được cái ý nghĩa vô cùng sâu xa đó, sau đây chúng tôi xin hân hạnh giới thiệu với các đồng chí, các đồng bào màn đầu của vở kịch nhan đề *Nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa* do đoàn kịch Đồng Tháp trình diễn, với thành phần diễn viên nòng cốt Thu Lan trong vai Hồng, Năm Bửu trong vai Quý, Mạnh Hoàng trong vai Huy...

Những tràng pháo tay tán thưởng đồng loạt nổi lên làm át cả lời giới thiệu của ông ta đến nỗi cả một đoạn sau, chẳng còn ai nghe ông ta nói cái gì. Rõ ra là đồng bào hoan nghênh về sự kiện đã tới lúc chấm dứt phần nói chuyện vừa dài, vừa dài lại vừa dở của ông biên đạo. Ông ta có vẻ cụt hứng, lúi lúi đi vào hậu trường quên cả cúi đầu chào quan khách và khán giả.

Tại hậu trường.

Ông phó trưởng đoàn đứng chặn ngay lối đi vào của ông biên đạo. Hai người đứng đối diện ngay ở ngay bên cạnh lão kéo màn.

Ông Phó Trưởng Đoàn: Đồng chí nói thao thao nhưng đồng chí quên mất rằng đã dẫm chân lên cương vị của đồng chí Trưởng Đoàn.

Ông Biên Đạo: Đó là lý do ngoài ý muốn. Lúc có sự cố kỹ thuật về âm thanh, khán giả nhao nhao lên, mà ông ấy biến đi đâu, đâu có mặt để giải quyết. Trong tình huống ấy, tôi phải tranh thủ thời gian để linh động chờ !

Ông Phó Trưởng Đoàn: Đồng chí ấy ở quanh đây chứ có đi đâu. Mà sau đồng chí trưởng đoàn còn có tôi chờ đâu đến lượt ông, làm ăn lộn xộn theo kiểu xê lộn lên đầu, đâu có được !

Ông Biên Đạo: A! Đồng chí xỏ lá nhé. Đồng chí nói ai là xê lộn lên đầu. Tôi sẽ lôi đồng chí ra hội đồng liên tịch để kiểm thảo.

Ông Phó Trưởng Đoàn: Tôi sẽ kiểm thảo nhà anh trước. Để sau buổi trình diễn này anh sẽ hay !

Ông Trưởng Đoàn (hốt hải chạy tới): Chết chưa! Sao giờ này lão Bầy Đô vẫn chưa tới. Đã có ai cử người đi tới gọi lão ấy chưa ?

Ông Biên Đạo: Tôi đã cho người đi gọi rồi nhưng chưa thấy về. Đạp xe từ đây tới đây mất ít lắm cũng nửa giờ.

Ông Trưởng Đoàn: Sao lại đạp xe! Có xe gắn máy của cơ quan sao không lấy mà xài. Chuyện khẩn cấp.

Ông Biên Đạo: Trình đồng chí, cái xe hết xăng, bên tiếp liệu chưa cấp phát !

Ông Trưởng Đoàn: Sao mà hết xăng sớm thế. Mới xuất ra ba lít ngày hôm kia. Ô! Thế này thì tệ thật, tôi phải rà lại toàn bộ cung cách làm việc của các đồng chí. Làm ăn kiểu này thì đâu còn là tác phong của con người mới xã hội chủ nghĩa.

Ông Phó Trưởng Đoàn: Nếu lão ấy không tới, mình tước bỏ một vai được không ?

Ông Biên Đạo (la lên): Ông nói chuyện rỡ chơi! Tất cả các diễn viên gắn bó hữu cơ với nhau, bỏ đi một vai là toàn bộ vở kịch sụp đổ hết, đâu có thể thế được.

Ông Trưởng Đoàn: Ông cứ quan trọng hóa vấn đề, chứ lão Bầy Đô chỉ sắm có mỗi một vai phụ.

Ông Biên Đạo: Vai phụ có chức năng của vai phụ. Nếu vai phụ bỏ đi được thì còn ai dựng lên nhân vật ấy làm gì. Ở kia kia! Có ông tác giả đang tới. Ông hỏi ông ta coi bỏ đi một vai phụ có đáng không. Nếu đáng, tôi sẵn sàng đồng ý liền.

Ông Phó Trưởng Đoàn: Ấy là tôi góp ý để giải quyết vấn đề thôi. Nói cho ngay, phút chót mà lão Bầy Đô không tới thì ông có muốn giữ vai phụ cũng chả có ai mà giữ.

Ông Biên Đạo: Đây này, ông tác giả! Ý kiến ông thế nào về việc tước bỏ đi một vai trong vở kịch của ông.

Ông Tác Giả (nhún vai): Cái đó đâu thuộc thẩm quyền của tôi. Ông là biên đạo, ông chịu trách nhiệm hết.

Ông Biên Đạo (to tiếng): Ờ hay! Sao lại tôi nhỉ. Nhân vật do ông đẻ ra thì ông phải biết bảo vệ nó chứ.

Đ/c Bảo Vệ (ở đâu chạy tới, cố hạ giọng xì xào): Suyt, Suyt! Chuyện để đài ai lại đem ra ở đây. Các đồng chí to tiếng làm mất trật tự hậu trường ảnh hưởng đến diễn viên ngoài sân khấu. Xin im lặng giùm đi!

Ngoài sân khấu.

Vai Hồng: Má cứ bình tĩnh để con nói má nghe. Cái máy khâu khác với cái tủ lạnh. Cái tủ lạnh không làm ra của cải vật chất, còn cái máy khâu thì có thể làm ra sản phẩm. Vì thế cái máy khâu mới gọi là tư liệu sản xuất.

Vai má của Hồng: Chả tư liệu tư leo cái gì hết ráo. Hồi nào tới giờ, tao vẫn để cái máy khâu ở nhà, có chết ai đâu.

Hồng: Hồi xưa khác, hồi nay khác. Hồi xưa, chế độ tư bản bóc lột và bán cùng hóa nhân dân. Hồi nay, chế độ ta xóa bỏ bóc lột và các nguyên nhân sinh ra bóc lột để thỏa mãn nhu cầu ấm no hạnh phúc của nhân dân. Như má giữ làm của riêng cái máy may, một tư liệu sản xuất là một hình thức của nguyên nhân sinh ra bóc lột.

Má của Hồng: Của tao, tao không giữ thì đem ném nó ra đường à ?

Hồng: Ai biểu má ném ra đường. Má đem nó vô tổ hợp để cùng quản lý chung, điều hành chung. Đó là ý niệm làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Má của Hồng: Cha chung chẳng ai khóc. Điều hành kiểu đó thì chỉ có đói rã họng ra thôi.

Câu nói “đói rã họng” của người đối diện khiến cho diễn viên sắm vai Hồng vụt quay về với cơn lao đao, cào xé của mình. Nàng cảm thấy chóng mặt và có những vân hoa nháy múa trong cái nhìn của mình về phía trước. Nàng cố trấn tĩnh để giữ vững thế đứng của mình. Đáng lẽ ra ngay sau câu nói: “*Cha chung chẳng ai khóc. Điều hành kiểu đó thì chỉ có đói rã họng ra thôi*”

là nàng phải lớn tiếng để biểu lộ sự phẫn nộ trước lời phát biểu đầy tính cách phản động, tiêu cực của người sắm vai má của Hồng. Nhưng nàng cố vận thêm hơi sức mà sinh lực của nàng cứ tiêu tán đi tận đâu. Đã nhiều hôm nàng nhin đói, nhưng chưa bao giờ cơn đói lại vật vã nàng ghê gớm đến như lúc này. Có lẽ nàng đã vận dụng quá sức trong những buổi tập dượt. Có lẽ cơn hồi hộp, xúc động trước giờ ra sân khấu đã càng khiến cho nàng thêm kiệt lực. Nàng như một con quay sắp hết đà. Nàng tự nhủ không cố thêm một tí nữa thì chắc chắn mình sẽ ngã quỵ, ngay ở đây, trên sân khấu và tại thời điểm nàng phải diễn xuất một câu nói mấu chốt:

— Tư tưởng của má là tư tưởng mạnh mún, tàn mạn, xuất

phát từ sự bất rề lâu dài của nền sản xuất nhỏ trong chế độ thoát thai từ phong kiến, thực dân và tư bản bóc lột. Má phải thấy rằng Đảng đã mở ra cho nhân dân ta một chân trời mới, chân trời của một nền Đại Công Nghiệp xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở điện khí hóa, hóa học hóa, từng bước tiến lên tự động hóa và có khả năng sử dụng mọi thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật hiện đại...

Một câu nói dài như thế đòi hỏi ở nàng rất nhiều sinh lực. Nàng cố trấn tĩnh cơn cào xé của nàng để tập trung hơi thở. Hai tay nàng bấu lấy mép bàn. Mồ hôi đang vã ra ở những chân tóc. Nàng thấy rõ hai chân của mình rầy. Sự chậm trễ của nàng gieo vào vở kịch một khoảng trống. Một khoảng trống tai hại sau câu nói tai hại của diễn viên sấm vai má của Hồng. Cả rạp nín thở chờ đợi phản ứng của nàng. Để càng lâu sẽ càng tệ hại.

Một ý tưởng phản động phát ra từ miệng lưỡi một nhân vật, nếu không chặn lại kịp thời thì nó sẽ tác động như những mũi dao phóng vào tim khán giả.

— Cha chung không ai khóc. Điều hành kiểu đó thì chỉ có đối rã hòng ra thôi.

Gã nhắc vở tưởng nàng quên, vội vã đọc lên :

— Tư tưởng của má là tư tưởng manh mún, tản mạn...

Nhưng gã chưa kịp nhắc thêm thì người nữ diễn viên sấm vai Hồng đã buột ra mồm một câu nói hoàn toàn bất ngờ, hoàn toàn đi ra ngoài phần đối thoại của vở kịch :

— Má phản động lắm! Thôi con nhưc đầu lắm, con không thềm nói với má nữa...

Nói rồi nàng sầm sầm chạy ra và ngã quỵ ngay ở dưới chân lão kéo màn.

Ở chỗ lão kéo màn.

Ông Biên Đạo (sầm sầm chạy lại): Cái gì thế! Cô ấy diễn cái trò gì mà kỳ lạ như thế.

Ông Tác Giả (cũng hốt hải chạy tới): Sao lại thế! Sao lại thế! Phát ngôn như thế là chết mẹ thằng tôi rồi !

Nam diễn viên sấm vai Quý: Cô ấy xỉu...! Cô ấy xỉu! Không nói như thế thì làm sao mà rút ra khỏi sân khấu được.

Ông Biên Đạo: Thằng diễn vai bố của Hồng đâu! Đi ra! Đi ra tiếp nối vở kịch không thì chết mẹ cả lũ bây giờ.

Vừa nói ông ta vừa túm ngay được đúng người diễn viên đang đứng lơ quơ ở gần đó. Thế là ông ta đẩy phát người này ra sân khấu, mặc dù anh ta chả biết ất giáp cái gì cả. Thôi thì đành “cương” một đoạn chứ biết làm sao.

Ngoài sân khấu.

Bố của Hồng: Mẹ con bà cãi nhau cái gì mà nó sầm sầm bỏ ra đến té xỉu như chết rồi thế !

Mẹ của Hồng: Ơ! Nào tôi có làm cái gì đâu. Nó đang nói với tôi, chuyện chưa ra đâu vào với đâu thì nó kêu nhức đầu.

Bố của Hồng: A! Thế ra là tại nó nhức đầu! Nhà có thuốc men gì cho nó uống không.

Mẹ của Hồng: Thuốc men còn khỉ gì nữa mà cho uống. Bảo nó chịu khó gượng dậy ra y tế Phường mà xếp hàng...

Ở chỗ người nhắc vở.

Người nhắc vở: Vô đề trở lại đi! Tôi muốn nói với bà về chuyện cái máy may...

Trên sân khấu.

Bố của Hồng: Thôi chuyện dài y tế Phường hãy dẹp qua một bên đó. Nó nhức đầu vài ba bữa thì cũng hết. Tôi muốn nói với bà về chuyện cái máy may.

Mẹ của Hồng: A! Ông về mà coi đấy. Nó đang dụ dỗ tôi đem cái máy may ra cúng vào tổ hợp. Ông có biết rằng mất cái máy may là chết đói cả nhà hay không !...

Ở chỗ lão kéo màn.

Ông Biên Đạo (thở phào): Ôi chao! Nhờ ơn Bác, nhờ ơn Đảng, thế là chúng nó “nối” được với nhau rồi.

Ông Trưởng Đoàn: Bên Phường ủy họ không tha cho ông đâu. Diễn viên của ông đụng chạm đến y tế Phường.

Ông Biên Đạo: Ô hay! Sao lại là lỗi của tôi mà nói chuyện tha hay không tha. Những cái gì liên quan đến nội dung vở kịch thì ông phải hỏi đến tác giả kia chứ!

Ông Tác Giả: Sao lại là tôi nhỉ! Kịch bản của tôi đâu có cái vụ y tế Phường với y tế Phèo ở chỗ nào đâu.

Ông Phó Trưởng Đoàn (chen vào): Thôi, xin các vị hãy bớt tranh luận để lo chuyện trước mắt. Vai Hồng còn nguyên một màn nữa mà quí kiểu này chỉ có nước rã gánh. Mà ông biết làm sao không! Tại cô ấy đói.

Ông Tác Giả: Làm sao ông biết !

Ông Phó Trưởng Đoàn: Anh chàng đóng vai Quý cho tôi hay điều đó. Tôi đang chờ ông Trưởng Đoàn cho lệnh xuất ngân ra đằng trước cửa mua một tô mì cho cô ấy bồi dưỡng.

Ông Trưởng Đoàn: Một tô mì chớ mười tô mì tôi cũng chịu nữa. Con khỉ! Có mỗi chuyện đó mà cũng phải chờ lệnh xuất ngân. Ai có tiền túi ứng giùm ra trước đi.

Ông Phó Trưởng Đoàn: Vâng! Vâng! Tôi đi ngay! Mười tô thì không đủ chớ năm tô thì tôi có !

Ông Biên Đạo: Thế còn lão Bầy Đô đã tới chưa ?

Một anh lao công: Dạ thưa chưa! Chắc ông ta trốn biệt mất rồi.

Ông Biên Đạo: Thế là chết cha tôi rồi. Bây giờ lấy ai mà thay thế được đây.

Ông Trưởng Đoàn: Nhờ lão kéo màn được không?

Ông Biên Đạo: Hay! Ý kiến hay đó. Này Cụ kéo màn ời. Tôi nhờ cụ ra phía phòng hóa trang tôi nhờ chút.

Lão kéo màn: Rồi ai kéo màn cho tôi.

Ông Trưởng Đoàn: Tôi! Tôi đích thân kéo !

Trong phòng hóa trang.

Ông Biên Đạo: Như cụ thấy đó, lão Bầy Đô bỏ đi mất tiêu rồi !

Lão kéo màn (cười đắc ý): Tôi cũng đỡ chừng như vậy. Mà điều chưa chắc thì đừng đổ tiếng oan cho con nhà người ta.

Ông Biên Đạo: Nhờ Cụ thay thế cái vai đó được không ?

Lão kéo màn: Ới cha ời! Ông nói cái gì động trời thế vậy. Tôi mà thay thế lão để làm diễn viên.

Ông Biên Đạo: Có gì đâu! Vai này chỉ nói có mỗi một câu. Thế này này (*Ông đổi giọng sáng khoái*) *Đời tao, tao hy sinh đâu có phải cốt để tao hưởng, mà cốt để lũ con cháu chúng nó kia kia.*

Lão kéo màn: Nói một câu đó thì có gì là khó !

Ông Biên Đạo: Thì thế! Cũng như là trò giỡn thôi. Ông rán tập sự đi. Biết đâu lại chẳng trở thành diễn viên thực thụ.

Lão kéo màn: Thôi đi ông ời, từ thuở nào tới giờ, tôi vẫn chuyên nghề kéo màn.

Ông Biên Đạo: Nhưng ông cũng nhận cho chứ! Ít ra là hôm nay.

Lão kéo màn: Tôi nhận chớ sao không. Chả lẽ lão Bầy Đô làm được mà tôi không làm được.

Ông Biên Đạo nghe nói hớn hở đi ra. Trong khi ấy lão kéo màn soi mặt mình ở trong gương. Mặt lão đỏ kè. Xì rượu lúc chập tối đã cạn queo và lão đang nhấp nhồm muốn cưa thêm một xì nữa. Có ít tiền để dành dưỡng già, lão cứ bòn rút kiểu này chắc mai mốt nhăn rãnh ra mất. Nhưng bao giờ thì lão cũng tác lưởi buông một câu "Ồi thời buổi này ham hố cái gì mà sống tới già. Để nhường cơm lại cho lũ con cháu!". Thế là lão lại rút một tờ giấy

bạc để đổi lấy một chai cữ xá xị con cộp. Hôm nay lại có thêm cơ sự để lão muốn uống say mềm ra hơn nữa. Bởi lão Bầy Đô đã ra đi. Giờ này hẳn lão đã ngồi đâu đó trên một con thuyền đang chòng chành ra khơi. Chung quanh là biển. Chân trời tự do chắc chắn ở phía trước mặt. Như thế thì câu nói của lão lúc nãy đã là sai. Có những điều Bầy Đô làm được, mà lão làm không được. Lão thấy buồn xót xa trong lòng. Lão bèn bỏ ra ngoài cửa rạp để mua lén thêm một xị nữa. Sau đó lão trở lại căn phòng hóa trang, ngồi xếp xuống mặt sàn, ngựa cổ tu ừng ực.

Trên sân khấu.

Diễn viên lúc này đã xuất hiện hầu như đầy đủ các nhân vật. Cảnh bây giờ là quang cảnh của một khu vực trong Hợp Tác Xã. Cuộc đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Hợp Tác Xã đã đến hồi kết thúc. Dĩ nhiên phần thắng nghiêng về phe công đoàn cơ sở. Mọi tàn dư của nền sản xuất nhỏ thông qua những loại tư tưởng tiêu cực, manh mún, tản mạn đều bị đánh gục trước khí thế của những công nhân trẻ, những người chủ trương công cuộc cách mạng quan hệ sản xuất để làm bàn đạp đưa cả nước lên *Nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*. Ở một góc sân khấu, có hai chị công nhân đang giơ cao lá cờ tiên tiến trên một cái máy cày. Cái máy làm bằng carton, tuy có xê lệch méo mó nhưng cũng đầy đủ bộ phận chủ yếu. Có cần lái, có bánh xe, có cả một cái loa chạy bằng pin để thông tin, liên lạc. Riêng cái loa này thì là thứ thiệt, mượn của ông biên đạo. Tác giả vở kịch, muốn đẩy bầu không khí phấn khởi thêm một mức nữa nên đã dàn dựng thêm một xen cuối cùng, trong đó lão công nhân tiên tiến xuất hiện với một cái xe cút kít có càng đẩy. Lão chở đầy một xe đá gạch. Lão giơ tay vẫy chào đoàn công nhân lái xe máy cày đi qua, một biểu tượng của tương lai nền Đại Công Nghiệp Xã Hội Chủ Nghĩa. Và đó là lý do lão nêu câu phát biểu.

— Đời tao, tao hy sinh đâu có phải cốt để tao hưởng, mà cốt để lũ con cháu chúng nó kia kia.

Bây giờ thì đã tới phiên lão kéo màn xuất hiện trong vai trò của mình. Lão ngật ngưỡng bước ra trong bộ quần áo cũ kỹ cổ hủ. Một tay lắc phì phèo điệu thuốc rê. Tay kia lão xách cái cang xe chất đầy một đống gỗ với gạch thẻ. Lão thấy vui vui với cái trò chơi bất ngờ lý thú này. Lão liếc mắt nhìn xuống sân khấu. Cả rạp tối om om, nhưng vẫn gây cho lão cái cảm giác có cả trăm, cả nghìn con mắt đổ dồn về phía lão. Trong đám bà con khán giả này, có ít lắm thì lão cũng đã biết được hoàn cảnh của đám bầy chực gia đình. Nhà này có thân nhân đi cải tạo. Nhà kia bị đuổi về kinh tế mới, sống không nổi lại lục tục mò về mất nhà, mất cửa. Có đưa

đang phải bán thân nuôi gia đình. Có những đứa khác đã lên đường đi Kampuchia. Nói chung là ai cũng mất mát chỉ trừ một số phè phỡn ở ngay kia, trên hàng ghế đầu, những tên Quận Ủy, Phường ủy, những Thủ trưởng Hợp Tác Xã, những Chủ nhiệm các cơ quan quản lý của nhà nước. Lão bỗng nhắc trông thấy người nữ diễn viên sấm vai Hồng. Bây giờ thì nàng đã có vẻ tỉnh táo hơn và đang đứng trên một bục cao, tay phát phơ cầm một lá cờ. Lão tự nghĩ nếu không có một tô mì, chắc hẳn nàng đã gục hẳn ngay từ giữa vở kịch. Thế mà mĩ may thay, nàng vẫn phát ngọn cờ tiên tiến, vẫn gân cổ động viên mọi con người đi theo cái chế độ đã đem lại cho nàng những cơn đói triền miên, ngay cả trước giờ tiến lên sân khấu. Thật là kịch cỡm! Mọi sự xảy ra ở đây thật đúng là chỉ xảy ra ở một vở kịch, ngoại trừ cơn đói của Hồng và sự ra đi của lão Bảy Đô là sự thật. Nghĩ như thế, lão kéo màn thấy cơn giận bỗng ủa lên một cách mau chóng. Lão giận cái thằng tác giả ẩn gian nói dối về những sự thực xảy ra chung quanh mình. Tại sao đời sống cơ cực thế này mà nó không giúp nhân dân nói lên tiếng nói của mình mà lại chỉ đi chạy theo những nghị quyết, những chỉ thị, những chuyện trời trăng chẳng ăn nhập gì tới những nỗi khổ cùng của mọi người chung quanh. Lão giận tất cả những bè lũ xúm xít vây quanh một lũ cầm quyền để o bế, nịnh bợ. Xã hội sẽ trị trệ vì những phản động lực như thế đang còn xảy ra đầy rẫy ở khắp mọi nơi. Lão chợt thấy việc xuất hiện ở trên sân khấu này không phải là một thứ trò chơi như lão đã nghĩ. Nó chính là một công việc vinh danh cho chế độ, một hành vi phản bội những cơn đau khổ vì đói khổ, thiếu thốn, cơ cực của tất cả mọi người. Những ý nghĩ này khiến cho lão khựng lại ở giữa sân khấu. Lão ném cái mẩu thuốc rê xuống sàn và ngó ra chung quanh.

Tiếng người nhắc vở: Nói đi cha! Đời tao hy sinh đâu có phải cốt để tao hưởng...

Lão nhìn về phía Hồng, rồi nhìn về phía khán giả. Hơi men làm mắt của lão hơi hoa lên. Lão thấy đủ mọi hình ảnh chộn rộn liên tiếp hiện ra trong đầu. Những kẻ bần cùng. Những đứa bé thất học, còm cõi, vêu vao. Những công nhân khốn khổ, đói kinh niên mà vẫn phải gang miệng hò hét. Thế thì cả cái xã hội lam lũ thiếu thốn mà vẫn phải làm cật lực này sẽ tạo nên thành quả để cho ai hưởng? Câu hỏi thật cũng dễ trả lời. Nó ở ngay kia, trên hàng ghế đầu, với những khuôn mặt phè phỡn vừa uy quyền vừa hưởng thụ, chỉ nghĩ tới cũng đáng nổi giận rồi.

Cơn giận cứ theo đà suy nghĩ đó mà được đẩy lên cao hơn. Lão tự nhận thấy mình không thể đồng hoá với những kẻ nói dối như những gã tác giả, biên đạo, trưởng đoàn ca kịch. Lão phải chêm vào bầu không khí dối trá này một chút sự thực. Một câu nói

thôi, đâu có gì là nhiều. Thế là lão cất giọng trịnh trọng nói :

— *Đời tao hysinh đâu tao có được hưởng, đấy là cốt để cho lũ chúng nó kia kia...*

Cánh tay của lão hoa lên. Bàn tay của lão xĩa về phía hàng ghế đầu nơi có đầy đủ tai to mặt lớn của chế độ. Thế là cả rạp chột như muốn nổ tung lên về tiếng vỗ tay, tiếng reo hò, tiếng hoan hô của đám khán giả. Ở trên sân khấu, mọi sắp xếp theo thứ tự chỗ đứng cũng bỗng nhớn nhác cả lên. Hầu như tất cả mọi người đều bàng hoàng như vừa bị nghe một tiếng sét nổ giữa ngang đầu, lưng chừng trời. Ông Trưởng Đoàn tức tốc tự tay buông cái màn xuống. Ông biên đạo hò hét trong hội trường loạn xạ :

— Nhạc đâu? Nhạc đâu? Cho trỗi lên đi !

Chỉ riêng có ông tác giả là như một kẻ thất thần. Ông ta như một con bò mộng giữa đấu trường vừa bị đánh một đòn vào trúng chỗ nhược, lao đao đến muốn ngã quỵ. Rõ ràng là cả một vở kịch dàn dựng công phu như thế, nhiều ý kiến đóng góp của hầu hết các ban ngành liên quan đến lãnh vực sân khấu như thế, mà đem so ra chẳng có giá trị bằng một câu nói bậm trợn, đơn sơ của lão kéo màn. Điều này cũng dễ hiểu thôi, vì tuy câu nói có ngắn, gọn, nhưng nó chất chứa **SỰ THẬT**. Như một kẻ chiến bại, ông ta vút ngay tập bản thảo đang cầm trên tay và đi vào phòng hóa trang. Một phút sau, lão kéo màn cũng khật khưỡng đi vào. Lão quơ lấy xị rượu để cạnh tủ gương tu ừng ực.

Trong phòng hóa trang.

Lão kéo màn: Ông tác giả! Việc gì ông phải lo. Cái vụ này là tôi tự biên tự diễn mà !

Tác giả: Cụ kéo màn ơi! Chẳng có điều gì khiến tôi phải lo cả. Nhưng quả thực cụ đã đem vào vở kịch của tôi một sự thực, và chỉ cần có một sự thực thôi, là tất cả mọi công trình đều sụp đổ tan tành.

Lão kéo màn: Nhưng ông đâu có viết sự thực. Ông viết kịch để diễn chơi cho vui mà !

Tác giả: Vâng, tôi biết vậy. Nhưng trò chơi vui không bao giờ đồng nghĩa với dối trá. Có một kẻ cầm bút nào lại có thể tự hào được khi biết rõ là mình đang dối trá, phải không Cụ ?

NHẬT TIẾN

Santa Ana, Tháng 3, 1986

Nguyễn tất Nhiên
Trời đất yêu thương

Anh bỗng hồn nhiên trong sáng lạ như thời mới lớn như thuở mười mấy hai mươi, làm thơ yêu em , ngủ phượng phi trên nệm-gối-thơ mình. Anh bỗng hân hoan hy vọng lại như thời mới lớn như thuở mười mấy hai mươi, làm thơ yêu em , thức dậy trên thảm-cỏ-thơ mình, hướng mũi về gần một đoá hoa hàm tiếu hít căng đầy hai cánh phổi lành tươi luôn được tinh lọc bởi mỗi bình minh thơm tho nắng mới, rồi sau cơn ngáy ngất mê anh dỗi dào năng lực sống suốt hai mươi bốn giờ. Anh bỗng tin yêu thành tín lại như thời mới lớn như thuở mười mấy hai mươi ,làm thơ yêu em, quì hôn lên bóng người yêu ngã dài vào công-viên-thơ mình, rồi trong trạng thái chiêm ngưỡng triền miên anh hoàn toàn chẳng còn nghe bất cứ tiếng động nào từ chung quanh đường phố chợ người điệp trùng xe cộ ngoài tiếng rập rờn phoir phoir của các chú bướm vẩy màu thành bài ngợi ca các cô hoa nồn sắc đã hợp cánh chung cùng vẽ vờn nên ngón tay huyền nhiệm. Anh bỗng khiêm cung kiên nhẫn lại như thời mới lớn như thuở mười mấy hai mươi, làm thơ yêu em ,cặm cùi ngồi lựa từng cọng-rom-sợi-lát thơ mình, những mong dệt thành chiếc-đệm-mộc-mạc-tình-yêu dài trải đến cuối đường đời cho nhỏ nhắn đôi bàn chân em còn mềm mại mãi...

*

* *

Anh đừng uống rượu nữa, em không muốn giữ trong tim hình bóng một chàng say...Nghe em nói không ? Nghe...Sao anh im lặng? Anh đang say ! ...Sao anh im lặng ? Anh, em có tội lỗi chăng khi đã làm anh say ?

Trẻ thơ cười khi vui, khóc khi buồn, nô giỡn ban ngày, ngon giấc ban đêm. Em ơi, mình lẫn lộn chẳng khi khóc trong ngọt ngào và khi cười trong cay đắng ? Hay trẻ thơ chưa biết buồn nọ vui kia như đêm với ngày, mà ngày với đêm chỉ là do trái đất khéo cho thấy mặt trời như lặn xuống mọc lên ? Hay tại mỗi đứa người lớn chúng mình đã biết được mặt trời vẫn hằng yên nguyên vị nên hôn mê lúc ngày và trần trọc lúc đêm ?



Từ buổi chân hài em hút dấu, sầu tôi như lá thần thờ bay, ví dù lá ngập đường em bước, lá cũng xin đừng bận gót ai. Từ buổi chân hài em hút dấu, sầu tôi như bóng lạng lờ in, ví dù bóng đang đeo tròn kiếp, bóng cũng xin người cứ thần nhiên. Từ buổi chân hài em hút dấu, sầu tôi như bụi khắp không gian, ví dù bụi ố hoen màu trắng, bụi cũng xin đừng vương mắt xanh. Từ buổi chân hài em hút dấu, sầu tôi như lịch nhẩn nha rơi, mỗi ngày thiên hạ nhuần tay xé, lịch mới như tờ-thương-nhớ-tôi... Thế nên, tôi bảo nàng tình yêu sẽ sống mãi trong lòng những kẻ xa nhau, nhưng nàng cãi lại rằng khi người ta xa nhau sống không còn là sống nữa !

Buena Park

Nguyễn Tất Nhiên

Kiên Đạt

Tiểu-thuyết-gia Hoa-Kỳ hiện đại.

Khởi đầu một trào lưu tiểu thuyết mới.

Tiểu thuyết Hoa Kỳ được phổ biến, gây ảnh hưởng sâu rộng trên thị trường văn hóa thế giới, khởi đầu từ những thập niên đầu của thế kỷ thứ 20. Trong số các tiểu thuyết gia hàng đầu ở giai đoạn này, phải kể đến T.S. Eliot, Ezra Pound, Robert Frost, William Carlos Williams, Wallace Stevens, Gertrude Stein, Sherwood Anderson, John Dos Passos, Ernest Hemingway, William Faulkner, F. Scott Fitzgerald. Họ khai triển đủ mọi khuynh hướng: Thiên nhiên và Lịch sử, Cá nhân và Xã hội, Hư vô và Hiện thực. Hai trào lưu tiểu thuyết hồi đó là khuynh hướng Tượng trưng và Tình cảm đã chế ngự trên mọi tác phẩm dù là thi ca hay kịch bản.

Nhưng, sau thế chiến thứ 2, mọi giá trị cũ đã xáo trộn tận gốc rễ. Lúc này, các cuộc xung đột giữa văn chương và chính trị, tự-do và mát-xít đã diễn ra trong mọi thể tài. Chiến tranh tuy tàn rụi nhưng những ấn tượng từ Auschwitz đến Hiroshima và các vết thương khắp chiến địa vẫn còn. Chiến tranh cục bộ ở Cao ly, ở Việt Nam đã thu hút các nhà văn hiện thực khai thác. Tiểu thuyết mới bám lấy cuộc diện mới, từ mầm mống của cuộc chiến tranh lạnh đến phong trào Beat đang xâm nhập các đại học đường. Các vụ bạo động phản chiến, khủng bố đen, vụ ám sát TT. Kennedy, mục sư Martin Luther King, phong trào hội thảo ở Berkeley, các trào lưu thanh niên sống cuồng vọng như Hippies, Yippies, Freaks, Crazies đã được các tiểu thuyết gia khai thác triệt để. Chiến tranh Việt Nam tuy chấm dứt, nhưng dư âm của nó còn vang dội mãi trong lương tâm và thần trí con người.

Trên một bình diện khác, văn chương Hoa Kỳ đã chịu ảnh hưởng của các khoa: Tâm lý học, Xã hội học và Tôn giáo học.

* **Về tâm lý học**, những công trình khảo cứu và điều tra về tính dục (Sexual Behavior) của Alfred Kinsey gây bàng hoàng, thảng thốt về bản năng thú vật của con người. Thẳng đả, các nhà nghiên

cứu lẫn tiểu thuyết gia như David Riesman, C.Wright Mill, và William H. Whyte còn đi sâu vào sức bạo động dục tình. Các đồ đệ của triết gia phân tâm học Sigmund Freud, như C. G. Jung, Otto Rank, James Frazer đánh động những khám phá mới về các đề tài ẩn ức sinh lý, mặc cảm Oedipe, về tội lỗi tổ tông, mà sau này, các tiểu thuyết gia như Eliot, Joyce và Mann đã rơi vào vòng hắc ám đó (nói theo Erik Erickson).

* **Về xã hội học**, việc thẩm định lại chân tướng con người trong xã hội gây nhiều tranh luận. Thoạt đầu, giáo sư J.K. Galbraith trong cuốn *The Affluent Society* (1958) tố cáo sự lạm dụng khối quần chúng (mass society) của các tay hoạt đầu chánh trị theo thời cơ. Dựa vào đó, Max Lerner phân tách chánh trị Hoa Kỳ, David M. White phơi trần bộ mặt thực của các tay lãnh đạo văn hóa (trong *Mass Culture*), Skinner thì dựa vào cái “phản ứng Pavlov” để đánh giá lại ý nghĩa tự do và lương tri con người (trong *Freedom and Dignity*).

* **Về tôn giáo**, hấp lực cũng không kém. Ảnh hưởng tư tưởng thần học của Gabriel Marcel, Nicolas Berdyaev, Martin Buber cổ vũ một cuộc canh tân tôn giáo. Trong khi R. Niebuhr say sưa thuyết lý về một cuộc dẫn thân Thiên Chúa giáo, thì Karl Barth đòi hỏi tái tạo đạo Tin Lành.

Trào lưu *Tân hiện sinh* (Beat Generation) giữa thập niên 50 lại khơi đầu tại miền Bắc tiểu bang Cali như San Francisco, Venice West và Greenwich Village. Hai nhà văn hóa cầm đầu là Jack Kerouac và Allen Ginsberg. Họ thường bàn về thiền (do D.T. Suzuki và Alan Watts) nhạc Jazz, ái tình, bạch phiến và hô hào một nền chánh trị vô chánh phủ. Hưởng ứng trào lưu tân hiện sinh, có các nhà văn: C. Brossard (sinh 1922) R.V. Cassill (sinh 1919) J.C. Holmes (sinh 1926) A. Trocchi (sinh 1925). Ba tác phẩm hàng đầu của trào lưu Beat là: *On the Road* (1957) *The Dharma Bums* (1958) và *The Subterraneans* (1958).

* **James Jones (1921-1977).**

James Jones sinh tại Robinson Illinois, năm 1921, trong một gia đình sùng tín từ nhiều đời trước. Thân phụ ông tốt nghiệp bác sĩ nha khoa tại Đại Học Đường North-Western. Cuộc sống chỉ êm đẹp trong bước đầu, đến khi gặp phải giai đoạn suy thoái (Depression 1929-1934) những đổ vỡ cũng đã xảy ra. James Jones phải kiếm việc phụ để làm trong thời kỳ còn ở bậc trung học, và sau đó, theo khuyến khích của thân phụ, James Jones xin gia nhập quân đội thường trực quốc gia. Trong thời gian đệ nhị thế chiến, sư đoàn của ông trú đóng tại căn cứ Hickam Field vùng Hawaii và đã hứng chịu cuộc tấn công bất thần của đội Thần Phong Nhật Bản

vào Trân Châu cảng vào ngày chủ nhật, 7 tháng 12 năm 1941, trên 2,400 người lính Mỹ thiệt mạng. Biển động đó được James Jones nhắc lại trong *From Here to Eternity* (1951). Những sáng tác đầu tay sống động của ông được khơi dậy từ những quan niệm của Thomas Wolfe, hay nói đúng hơn từ những bài học rút ra trong gia đình và quân ngũ của mình.

Trong những tác phẩm lừng danh của James Jones suốt trong 20 năm (1951-1971) phải kể đến *From Here to Eternity* (1951) tác phẩm được chọn làm Book of the Month và chiếm giải thưởng Tác phẩm Hay Nhất nước Mỹ (1952), cuốn *The Pistol* (1959), *The Thin Red Line* (1962) *Whistle* (1978) *Some Came Running* (1958) và *In the Merry Month of May* (1971). Hầu hết đều lấy bối cảnh chiến tranh thế giới với thứ triết lý sức mạnh và qui luật cạnh tranh sinh tồn. Ở ông, ta thấy hình ảnh người chiến sĩ dưới ngọn bút của Ernest Hemingway.

Chiến tranh là thể tài phong phú và đa dạng dưới ngọn bút James Jones. Chẳng hạn như trong cuốn *From Here To Eternity*, anh chàng Prewitt là hình ảnh của một người hùng bất đắc dĩ. Prewitt là một võ sĩ không chuyên nghiệp làm thợ mỏ tại vùng đồi núi Harlan, thuộc Kentucky. Chiến tranh bùng nổ, Prewitt xin vào quân đội, nguyện làm một người lính gương mẫu, bỏ hẳn chuyện đấm đá của mình. Nhưng éo le thay, mọi chuyện không như ý muốn. Tại đạo quân Schofield Barracks, anh ta được chọn làm lực sĩ tham dự vận động hội. Trong một cuộc tranh tài, viên đại úy chỉ huy của anh ta, tên Holmes bị hạ đài, và mong anh ta phục thù cho mình, hạ cho được viên trung tá của đội khác. Anh ta đem vinh dự cho toàn đội. Rồi những điều không may lại đưa đẩy. Trong một cuộc xung đột với Ike Gulovitch, tên này rút dao định hạ anh ta thì cũng bị đá văng. Prewitt bị cáo là một binh sĩ vô kỷ luật, nên bị nhốt vào một trại cải huấn những tay dao búa. Các vụ đâm chém nhau xảy ra như cơm bữa. Prewitt cố nhẫn nhục, cho đến khi một tên trung sĩ Judson cố tình làm nhục anh ta. Thế rồi cuộc đấu dao lại xảy ra và Judson mất mạng dưới những nhát chém kinh hồn của Prewitt. Prewitt trốn đi, ẩn vào nhà một cô gái điếm, Alma Schmidt, là nhân tình cũ. Chiến tranh khủng khiếp, sau vụ Nhật Bản tấn công Trân Châu cảng. Prewitt ra trình diện, để được phục vụ trong đội quân tiên phong. Triết lý của tác phẩm là: Phải luôn luôn đứng thẳng, trước những bất công của sự đối xử xã hội. Nếu Hemingway dùng đến ý chí con người để thắng nghịch cảnh, thì James Jones lại xông pha vào nghịch cảnh để bảo vệ cuộc sống chính mình. Cái đạo lý của Hemingway đưa ra là phải cương nghị trước cảnh ngang trái, còn cái triết lý của James Jones thì xông pha trước ngang trái cho đến khi trở thành anh hùng.

Như vậy, James Jones chính là hình ảnh của một Hemingway đối với thế hệ trẻ Hoa Kỳ vào thời hậu chiến. Dư âm chiến tranh và chiến thắng còn vang dội trong ý hướng sáng tác của ông Ảnh hưởng đó đã tan đi, khi xã hội Mỹ gặp biến động mới. Cuộc biến động dưới bầu không khí chiến tranh lạnh, của bạo động, của tình dục, của khoa học giả tưởng.

*** Saul Bellow (1915-).**

Năm 1976, khi Hàn Lâm Viện Thụy Điển trao giải thưởng Nobel về văn chương cho nhà văn Saul Bellow có nhấn mạnh rằng: “Sự tưởng thưởng vinh dự cho ông vì sự nghiệp văn chương đã đưa con người gần gũi nhau hơn và kết tinh giá trị văn chương hiện đại”. Nhìn chung các nhà văn học nghệ thuật Hoa Kỳ, ngoại trừ thi sĩ Robert Lowell ra, chưa một nhà văn nào ở thời hậu chiến lại nhận được nhiều phần thưởng danh dự như Saul Bellow.

Ông trở thành điển hình cho văn học thời đại ở Mỹ, nhất là màu sắc của hai đô thị miền Bắc là Chicago và New York.

Saul Bellow sinh vào ngày 10 tháng 7 năm 1915, tại thị trấn Lachine, ở vùng ngoại ô Montréal trong tỉnh Québec, Canada, trong một gia đình người Do Thái lưu vong, từ Nga sang. Họ theo Do Thái chính thống, và chính tôn giáo đó ảnh hưởng không ít trong nguồn sáng tác của Saul Bellow.



Vào đầu năm 1924, vì sinh kế, gia đình ông dời sang Chicago, và sau này, Saul Bellow đã vào học tại Đại Học Đường Chicago (1933). Hai năm sau (1935) ông chuyển sang học ngành khảo cổ học và xã hội học tại Northwestern University, và đỗ tiến sĩ ưu hạng, và theo ông, hai ngành học đó đã giúp “con người đi tìm kiếm lại những nét đơn thuần của nguồn gốc mình”. Năm 1939, khi thế chiến bùng nổ, ông giúp việc cho một hãng tàu, “Gugenheim Fellow”, đi khắp Âu châu. Học vấn và cuộc sống đã giúp ông sáng tác những tập truyện đầu tay: *Dangling Man* (1944) *The Victim* (1947) *The Adventures of Augie March* (đoạt giải thưởng văn chương quốc gia 1953) *Seize the Day* (1956) *Henderson the Rain King* (1959) *The Noble Savage* (1960-61). Cuốn tiểu thuyết *Herzog* chiếm giải thưởng Văn Chương quốc gia lần thứ hai (1964). Ông luôn hướng về thế hệ các nhà văn trẻ, và, nổi thao thức đó khiến ông khởi xướng Hội Nhà Văn Trẻ thuộc Đại Học Princeton. Năm 1966, Bellow đi vào lãnh vực giáo dục, nhận làm giáo sư tại Đại Học Đường Chicago và thành lập Hội

Những Nhà Nghiên Cứu Tư Tưởng Xã Hội. Ông là chủ tịch Hội này hiện nay. Trong nguồn sáng tác của Saul Bellow, luôn luôn thể hiện ba đặc tính (1) chủ nghĩa thiên nhiên (2) chống bạo lực (3) Nguồn thi hứng. Chủ nghĩa thiên nhiên rút ra từ những cuộc du hành phiêu bạt ở Chicago, Mexico và Phi Châu, trong đó, ông có những khám phá về âm thanh, màu sắc, thiên nhiên và cảm xúc. Trong mọi tác phẩm đó, hình ảnh con người hùng, lý tưởng kẻ ham sống, yêu đời là nổi bật nhất.

Năm 1965, Saul Bellow đặt lại vấn đề căn bản tư tưởng, qua tập tiểu luận "*Where Do We Go From Here*" trong đó, ông phân tích bốn văn tài thế kỷ 19 là Emerson, Thoreau, Whitman và Melville, mà theo ông "họ đã chỉ đạo cho lớp thanh niên và dân chúng Mỹ". Trên đà tưởng tượng đó, Saul Bellow vừa bảo vệ giá trị truyền thống, vừa khai thác chiều sâu cuộc sống hiện tại, như chiều hướng của Dostoyevsky, D.H. Lawrence và nhất là Joseph Conrad. Trong cuốn *Herzog*, Bellow hình dung một nhà trí thức theo chủ nghĩa lãng mạn, rồi chuyển sang chiều hướng canh tân, chuyển hướng nền văn học mới.

Những cuộc bạo động ở Mỹ cuối thập niên 60 đã đi sâu vào tác phẩm ông. Chẳng hạn như cuốn "*Mr. Sammler's Planet*" (1969) ông nói về người da đen nổi dậy, lớp thanh niên phản chiến, người Do Thái phản nộ, trên các đường phố ở khu Harlem, Broadway và đại lộ 96th. Với ông, các lớp người này "thèm khát một linh hồn, một hoài bão". Thanh niên Mỹ hồi đó thường tự vấn "Ta là ai? Sẽ làm gì? Phụng sự cho ai? (trích tác phẩm). Cùng lúc đó, Saul Bellow ấn hành tập truyện ngắn "*Mosby's Memoirs*" viết về những mẫu sống của người Do Thái lưu vong. Tác phẩm đoạt giải thưởng "*B'nai B'rith Jewish Heritage*". Người ta bàn nhiều đến tác phẩm đoạt giải Nobel, cuốn *Humboldt's* (1975), kể lại cuộc đời của thi sĩ *Delmore Schwartz*, cô đọng nhiều kinh nghiệm nghệ thuật của Bellow. Trước đó, tác phẩm cũng đoạt giải Pulitzer.

(còn tiếp kỳ sau)

Định Nguyên
Ngày tháng hạ

Trong anh còn chút mặt trời
Nắng quê hỏi có nhớ người ra đi
Sớm mai Hạ bỗng dậy thì
Xôn xao đôi mắt chim gì gọi mùa
Vàng bay trên cánh mưa thưa
Nhớ nhau hừng giọt sầu xưa để dành
Mai đời lỡ có buồn tênh
May còn đôi giọt long lanh để cười
Cúc xưa đứt chỉ khâu rồi
Vẫn còn thơm ngón tay người thừa khuy
Tóc xưa em lỡ vai thề
Chắc còn hơi ấm mùa Hè quê hương
Nắng về cây lựu đơm bông
Gối thêu phơi lại bông bòn nhớ nhau
Lòng anh vội thăm lá trầu
Em ngoan tình cũ buống cau được mùa
Cho dù cách mấy đời mưa
Mộng dư cổ tích, mơ thừa ca dao
Hồn anh mát trận mưa rào
Giếng trong anh vẫn mức gầu nhớ thương
Trăng về xoa tóc soi gương
Anh nghe cỏ nội hương đồng chiêm bao
Đêm hồng Hạ tím vì sao
Ngủ đi ! Em vẫn gối đầu tay anh.

Định Nguyên

Võ Đình
Lô cầu
Truyện ngắn.

Ông Tư nghĩ cái tiếng Anh cũng thật kỳ: *locust*, ai không biết là con châu chấu. Thế mà chẳng hiểu tại sao dân bản xứ thiếu gì chữ lại lấy nó để gọi một thứ cây rất được yêu chuộng. *Locust* cây lớn, vỏ sù sì, cành khẳng khiu, lá nhỏ li ti như lá me đất, gỗ cứng, rất cứng. Cứng đến nỗi đinh bốn phân Anh -- tức mười phân tây -- đóng vào chỉ lút khoảng một nửa, rồi như đục phải đá, queo tức khắc, queo một cách tức tưởi. Vùng tây-bắc tiểu-bang Maryland là miền đất *locust* nhiều nhất. Đi đâu cũng thấy nó. Đó cũng là vùng ông bà Tư đến định cư.

Gặp lô-cầu (ông Tư đã vội vàng Việt hóa cái tên của nó). Ông yêu lô-cầu ngay, hơn thế, ông mê lô-cầu. Ở đâu xa thăm mịt mù trong tiềm thức, ông đồng nhất mình với loại cây gỗ cứng này ở vùng Nam Hoa-Kỳ. Mới an cư vài ba tháng ông đã học lóm được của mấy người hàng xóm lắm điều hay lạ nữa của cái cây lô-cầu độc đáo. Không những gỗ nó cứng mà lại còn chịu đựng giỏi các thứ sâu mọt: cột lô-cầu trồng ngoài trời năm này qua năm khác vẫn trơ như đá vững như đồng. Nếu nhiều năm sau tình cờ phải rút cột lên sẽ thấy phần gỗ chôn dưới đất chỉ lỏm lểm mục đi một tí ti thôi bên ngoài, như thế các thứ sâu mọt gặm nhấm chút đỉnh, ngán gỗ quá cứng cắn không xuể, phải bỏ cuộc rút lui.

Mùa đông năm ấy, bà Tư rên lạnh chịu không thấu. Ông Tư cười, chê vợ nhát. Nhưng rồi ông cũng để ý tìm mua được một cái lò đốt củi người ta đã dùng đâu đó 20, 30 năm, nay bán lại có 10 đồng. Lò gan đúc, dày ngót một phân tây, tha hồ cho ông Tư đốt lô-cầu. Cái gỗ này đã cứng, đã chịu đựng sương tuyết sâu mọt giỏi, đem đốt sưởi nó lại cháy thật đều, không cháy bùng bùng như tùng, phong, mà cũng không âm ỉ như dương, liễu. So với sồi, kẻ tám lạng, người nửa cân. Cả hai thứ cháy với nhiệt độ cao nhất

trong các loại thảo mộc, mà than hồng lại vuông vắn chững chạc, sáng như vàng nước, rồi khi cháy thành tro, thì màu tro lại xám nhạt đến gần như trắng, óng ánh như bạc, không xỉn như tro các thứ gỗ tầm thường khác.

Có lần, khách đến chơi mùa đông, ông Tư đốt củi, uống rượu. Ngà ngà, ông đưa tay vỗ vỗ một tảng lô-cấu nằm sẵn bên lò, rồi bảo rằng: Nói cho cùng, lô-cấu còn trên sồi! Lô-cấu là một thằng nhà quê, một thằng cô-bồi chính hiệu. Sồi là dân trưởng giả! Sồi để làm sàn nhà, làm bàn ghế cho dân nhà giàu, có làm củi chằng cũng là để đốt lò sưởi xây đá hoa, đốt trang trí, đốt làm điệu thôi. Sồi để đóng tủ đựng rượu, đóng *quầy* rượu trên mấy chiếc tàu du lịch. Còn lô-cấu? Hà hà, lô-cấu chỉ để làm cột, căng lưới thép nuôi gia súc. Và để giữ ấm cho qua mùa đông những ai không chịu nổi cái giá hiện tại của dầu ma-zút và khí đốt. Sồi tốt thật, quý thật. Nhưng Lô-cấu, tôi yêu lô-cấu...

Một khi đã nói như vậy rồi, ông Tư thấy mình có quyền dùng lô-cấu làm một chuyện khác. Ông cưa, ông bảo, ông đục, ông khoan, ông làm cho bà Tư một cái hộp độ lớn 15x15x30 phân. Để đựng mấy thứ kiền, vòng, dây chuyền, bông tai, tràng hạt gì đó của bà. Lô-cấu cứng quá khi ông cưa hay khoan lưới thép nóng đến độ gỗ cháy xém bốc khói. Ông Tư hít cái mùi thơm thơm mà khét khét đó. Ông chịu lô-cấu quá sức: bên ngoài, ngay cả khi vỏ đã được đẽo đi, gỗ màu xám nâu rất nhạt, một màu quê mùa, phong sương, nhưng bên trong nó lại vàng rực, tươi hơn nghệ, một màu vàng rất đông phương, một màu vàng thiêng.

Chiều đó, trời đã chạng vạng khi ông Tư làm xong cái hộp, và bắt đầu dọn dẹp lại các đồ nghề. Bỗng ông Tư ngừng tay quét, ngồi chồm hồm, tay quơ lấy một nắm mặt cưa rồi đưa lên mũi. Ông thoáng nghĩ e cái thứ này có thể trộn triếc làm sao đó dùng làm nhang được. Nhưng ông không nghĩ tiếp; ông chỉ từ từ mở nắm tay ra, và đám mặt cưa màu vàng từ từ trôi từ mấy ngón tay ông xuống nền xi măng của cái ga-ra, từ từ trôi xuống một giòng suối bụi hoàng kim.



Ông Tư nhìn giòng bụi vàng và nhớ đến Jack, người hàng xóm Mỹ. Chính ông Jack là người đã dạy cho ông Tư nhiều điều về cái cây lô-cấu, kể cả kỹ thuật, ông Tư muốn nói *nghệ thuật*, cưa lô-cấu với cưa dây chuyền và bửa lô-cấu bằng búa lưới cán dài. Biết nhau từ thuở ông bà Tư mới đến định cư ở làng này, vậy mà hai bên vẫn còn giữ kẻ như mới quen nhau. Ông Tư nghĩ cái giống người Yang-ki này thật lạ. Vui vẻ niềm nở đó, mà vẫn có cái gì xa

cách lạnh nhạt. Không bác bác tui tui vỗ vai vỗ về như người Việt mình với nhau. Nhưng ông Tư thấy mình rất ưa ông Jack. Mặc dù Jack lớn hơn ông đến sáu tuổi, ông Tư vẫn có cảm tưởng mình già hơn. Tóc Jack đã bạc phơ, nhưng khuôn mặt ông đầy đặn hồng hào, ít đường nhăn. Mùa đông thì áo *windbreakewr*, quần *jeans*, mùa ấm thì *overall* trắng, loại thợ sơn thợ hồ thường mặc, Jack có dáng điệu trẻ trung, tự nhiên. Ông Tư nghĩ tuổi tác mình thua Jack nhưng đã có cái cung cách của một ông cụ. Một ông cụ Việt Nam ngoài ngũ tuần! Đông Tây thật khác nhau.

Mười năm về trước, mới dọn đến vùng này, ông Tư đã thấy ông Jack hì hục một mình xây nhà. Ông hỏi thăm làm quen, nhưng người đàn ông cao lớn tóc bạc ít nói, có vẻ xa cách, nên ông thôi. Ông chỉ ngấm phọc cái chàng già. Trên khoảng đất khá rộng, gần quận lộ, ngôi nhà đá cổ hai tầng bỏ hoang đã từ lâu, nay được Jack mua lại, không phải chỉ để trùng tu, mà để xây lại, và xây thêm cả một phần sau ba tầng, kể thêm *basement*, mà phần thêm vào lại lớn rộng hơn cả phần đã có sẵn. Điều đặc biệt là Jack xây nhà bằng đá. Những tảng đá lớn, đủ cỡ, đủ hình thù, mỗi bề ngang dọc chừng hai ba bộ, dày cỡ một bộ, nặng năm sáu trăm “pao”. Một mình, Jack khuôn, Jack đẩy, Jack trục bằng một hệ thống “pu-li” chính ông chế tạo ra. Ngày qua, tháng qua, năm qua, và từ từ, từ từ bức tường đã từ dưới *basement* nhô lên, nhô lên. Mười năm, một mình, ông Jack xây lên được mấy dãy tường, từ đáy hầm lên đến đỉnh nhà, với một hệ thống lò sưởi đốt củi và ống khói cao bốn mươi mấy bộ. Có lần ông Tư xoay hai chân bê thử một tảng đá, tảng nhỏ nhất, nó nằm trơ trơ. Bê không nổi, ông đẩy thử, nó không xê xích được một li.

Thoai thoải lưng đôi, phía dưới thửa ruộng bắp, ngày ngày một chiếc “van” trắng queo vào đường cong rải đá, và người đàn ông sáu mươi tuổi bước ra, hai tay chấp đít, ngửa mặt nhìn ngôi nhà đã xây cất dang dở năm này qua năm khác. Rồi từ tình sương cho đến xẩm tối, Jack làm việc, một mình. Tiếng đình bốn phân Anh đóng vào gỗ dày vang lên tận đỉnh đồi, dội lại, lừng cả vùng thung lũng. Từng tảng đá, từng tảng đá, Jack lăm li khuôn khuôn vác vác, xây lên từng cấp một, đến đâu thì trét và nhồi hồ xi măng trộn với vôi và cát đến đó, gọn ghẽ, chắc nịch như khắc. Thiếu đá, ông phá vỡ cả một dãy tường đá xưa cổ dân nô lệ da đen xây lên ngót hai trăm năm về trước. Rồi dùng *tractor* nhỏ, ủi về chân đồi. Công việc lấy đá đó kéo dài cả tháng, mà kết quả chẳng là bao: chỉ chừng nửa bộ tường nhà thôi.

Những trưa hè nóng gần 100F, ông Tư mệt mỏi ngã lưng trên chiếc chiếu mỏng trải lên nền nhà gạch, chính tay ông xây lấy, như ở Việt Nam, một tay còn cầm cái tẩu thuốc, tay kia phe phẩy chiếc

quạt giấy, ông nghe tiếng búa inh inh vọng lên từ chân đồi. Ông thấy Jack mặt mũi vai cổ đỏ như mớ hôi nhễ nhại, Jack cầm chiếc búa một “pao” như ông cầm cây bút chì, Jack leo lên mái nhà, một tay níu thang, một tay nâng xấp *shingles* nặng cả chục kí... Rồi mùa đông, trước sau gì mùa đông cũng trở lại. Những sáng mùa đông lạnh 10, 15F, tiêu điều đến nỗi ông Tư chỉ muốn biến thành một con vật nhỏ để chui vào một hốc cây, hốc đá nào đó mà ngủ li bì cho đến khi lác đác đây đó những nụ *crocuses* vàng, hay tím, hay trắng vạch tuyết chui lên báo hiệu Xuân về, những sáng mùa đông nức nẻ chết ngất, ông Tư nghe tiếng gỗ, tiếng đá, tiếng búa, tiếng xẻng của Jack con người Yang-ki, con cháu của Paul Bunyan, Jack cao ngót một thước chín, Jack tươi tỉnh mà lăm li, niềm nở mà im lặng, Jack người hàng xóm làm việc như một sức mạnh thiên nhiên. Và ông Tư cảm thấy như có một sự bất an kỳ lạ trong lòng.

Ông cảm phục sức mạnh, sự quyết tâm và kiên trì của Jack, đồng thời ông thấy có một cái gì không ổn, ông bức mình thấy cả một hố sâu chia cách cái công phu thăm thẳm và dữ dội của Jack với cái mệt mỏi chán nản nhỏ nhoi của chính mình. Mà đâu phải ông Tư là người lười biếng, “bach diện thư sinh” gì cho cam. Xưa nay ông vẫn tự hào là kẻ siêng năng làm việc chân tay, ở cái tuổi của ông, một người có “đầu óc” như ông. Ấy thế mà từ ngày quen biết với Jack, thấy Jack làm việc, thông thả làm việc, lăm li, hơn thế nữa, *lăm lũi* làm việc, ông Tư không tránh được cái cảm giác trống trải của một người áo mặc phong phanh khi trời trở mùa se lạnh bất thần. Ông nghĩ rằng cái cảm giác ấy là một thứ mặc cảm tự nhiên của những người đàn ông còn quá nặng nề “nam tính” một cách vô lối. Cớ gì ông lại phải cứ nhìn với qua cái “nam tính” của Jack mà ông nghi ngờ chỉ là một thứ nam tính đang còn ở trạng thái hỗn mang, thô sơ, chưa được đãi lọc! Ông lý luận thế đó với chính ông, nhưng ông vẫn thấy bất an. Ông thoáng có một ý nghĩ khác, nhưng ông gạt phắt nó đi ngay. Ông gạt phắt nó đi, nhưng nó cứ luẩn quẩn đâu đó quay về với ông, càng trần trụi hơn, càng nham nhở hơn. Rõ ràng ông thấy bất an là thấy bất an với Jack! Đâu đó đằng sau khuôn mặt trầm tĩnh hồng hào của Jack, và bên trong cái thân hình dềnh dàng lực lưỡng của Jack, chàng *Titan* già đã thấy suốt cái mong manh và cái mệt mỏi của chính ông mà xưa nay ông tưởng ông che đậy rất tài tình, tài tình đến nỗi những kẻ đồng hương của ông cũng không nghi ngờ gì cả. Ông Tư cư ngụ ở Mỹ đủ lâu, đã quen biết người Mỹ đủ nhiều, để biết rằng thật ra người Á-đông đâu có độc quyền về sự kín đáo và tinh tế như người Á-đông vẫn thường tưởng.

Sau mấy năm đầu chỉ chào hỏi nhau vừa đủ xã giao thôi, hai người đàn ông đã quen nhau khá “thân”. Mỗi tháng đôi lần, ông Tư dừng xe ghé lại ngôi nhà đá xây dở dang đã mười năm trời. Thấy ông, Jack dừng tay làm. Ông Jack cao hơn ông Tư đến hơn cái đầu, bề ngang thì dềnh dàng đến gấp ruỡi. Ban đầu, ông Tư lễ phép hay ngược lên nhìn ông Jack khi hai người trò chuyện. Nhưng sau mỗi cổ quá, ông thôi. Và đến lượt ông Jack cúi xuống thật thấp để nói chuyện ngang hàng với ông Tư. Hai người luôn luôn *đứng* nói chuyện, chung quanh là đá, là bao xi-măng, bao cát, gỗ ghiếc chất đống.

— *Hi, Neighbor*, lâu quá không thấy ông ghé, ông Tư ?

— Cũng khá bận, ông Jack. Ông khỏe thường chứ ?

— Tạm tạm vậy thôi. Dạy này hình như cái bả vai phải của tôi bị một chút tê thấp ông ạ. Ông thì sao? Trẻ hoài vậy đó hả ?

— Thôi đi ông bạn Jack! Này, tôi nói cho ông biết, thật tôi không thể hiểu được làm sao... Một mình ông...

— Có gì đâu, ông Tư. Ông cứ nói vậy hoài. Lại rai làm hoài rồi cũng xong. Ông thấy cái chái đá phía Bắc chưa ?

— Không, không phải thế. Một cái nhà như thế này, thôi đừng có nói chuyện tốn kém làm gì, chỉ mỗi vấn đề kỹ thuật cũng mệt chết người rồi. Mà đâu phải nhà gỗ cho cam, đây là nhà đá, nhà đá lối cổ, với bên trong lại đầy đủ tiện nghi tân thời... Ngày xưa dân Incas xây Manchu Picchu còn có cả bộ lạc với nhau, ngày nay ông Jack láng giềng của tôi xây nhà chỉ một mình. Này, mấy tầng đá xây tường này, mỗi tầng nặng độ bao nhiêu ông nhỉ ?

— Ờ, ờ, năm, sáu trăm “pao”, lối đó... Lắm lúc tôi mệt, tôi chán quá ông ạ, tôi thấy tôi khùng quá trời, có khùng mới mười năm loay hoay với cái nhà này. Tôi năm nay năm chín, bà xã năm tư rồi, mười năm tốn kém cả tiền lẫn sức, hy sinh không biết mấy mà nói, mà chưa hưởng cái nhà được một phút! Một mình tôi trộn hết một ngàn bao xi-măng đó ông! Bao nhiêu “xê-vinh” trút cả vào vật liệu. Lại nợ cả nhà băng... Ông khen tôi hoài, tôi sốt cả ruột !

— Không, ông Jack, tôi không nói chuyện đó. Tôi nói chuyện cái tài của ông kia, cái sức của ông kia. Hôm nọ tôi trộn nửa bao xi măng trét lại cái lối đi nhỏ sau nhà ấy, mà đã mệt đứt hơi, đã phí đi có đến một phần năm hồ rớt vung vãi, chẳng ra làm sao cả...

— Nói gì thì nói chứ tôi, tôi làm xong cái nhà này tôi chết là vừa. Thằng con trai tôi năm nay ba mươi rồi, nó đâu có màng, nó bảo tôi khùng mới đeo lấy cái nhà ác ôn này, con dâu tôi cũng bảo tôi khùng, bà con láng giềng ai cũng bảo tôi khùng, mới hôm nọ có một thằng, cha căng chú kiết nào không biết, lái chiếc *Camaro* đồ rục chạy qua như bay, nó thắng một cái tóe lửa, thò đầu ra hỏi lớn “Ê, ông đó, khi nào xong cái nhà đó?” Tôi giận quá, tôi giơ búa lên

hăm, nó rồ xe chạy mất. Ai cũng bảo tôi khùng, chỉ có bà xã tôi là không nói tôi khùng, bà ủng hộ tôi, Lisa khuyến khích tôi!...

— Và tôi, tôi nữa, tôi hoan hô ông !

...

— Tôi hoan hô ông, tôi phục ông. Ông nhớ từ hồi mới dọn đến đây, mười năm rồi, gặp ông lần đầu đang còn đào cái *basement* đó, tôi đã ngán ông rồi, tôi đâu ngờ ông làm thiệt, ông làm cho tới bây giờ... Bọn mình mỗi đứa thêm cả giáp ông ời !

— Có vậy mới khùng, ông Tư.

— Không, Jack, ông không khùng. Ông là một nhà mạo hiểm, một kẻ phiêu lưu, một nghệ sĩ... Ai tôi không biết, chứ dưới mắt tôi ông mới thật là một người Mỹ. *An American.*

...

— Ông biết không, một ngày Trời cho tôi trở về Việt Nam, biết đâu tôi đã là một ông lão râu tóc bạc phơ rồi, có ai hỏi tôi, này cụ, người Mỹ họ ra làm sao cụ, tôi sẽ trả lời, người Mỹ há, rồi tôi sẽ nói về ông, về ông Jack hàng xóm của tôi đó, ông xây cái nhà ba tầng bằng đá, mỗi tầng năm trăm “pao”, ông trộn một ngàn bao xi-măng, ông xây một mình, xuân hạ thu đông cứ nhìn xuống chân đồi là tôi thấy thấp thoáng cái “van” trắng của ông, ...

— Ừ, ông Jack khùng, *crazy Jack! You would tell them that old Jack, he's crazy, wouldn't you ?!*

— Không, ông Jack không khùng, mà dù ông có khùng tí xiu thì tôi cũng biết thưởng thức cái khùng của ông. Ông biết không, xin lỗi ông chứ nếu không có một lũ khùng khùng điên điên như tổ tiên ông, tôi e đã không có cái Hiệp-Chúng-Quốc này. Cái khùng của ông, nếu có, chẳng qua cũng chỉ là một truyền thống... Ông không khùng, tôi nói thật đó.

— Ông Tư, ông nói cái gì lạ thế? Cái gì mà “thưởng thức cái khùng”? Nếu tôi biết công việc nặng nhọc tốn kém như thế này, năm này qua năm khác như thế này, tôi đã không xúc tiến việc xây cái của nợ này...

— A, Jack! Ông tiếc hả ?

— Không, tôi đâu có tiếc.

— Không tiếc thì bây giờ làm sao? Mười năm, một ngàn bao xi-măng, hàng trăm tấn đá, hàng ngàn thước gỗ dày hai “inh”... Ông tính sao bây giờ ?

— Tính sao nữa? Làm tiếp chứ tính sao nữa. Làm xong thôi.

— Đó, ông thấy chưa, Jack, ông đâu có khùng.

Jack im lặng. Hai tay đút túi quần, lắc lư tới lui, đầu nghiêng về phía trước. Ông Tư nhận thấy tóc Jack đã bạc phơ, nay lại thưa hơn trước nhiều. Thấy cả da đầu trắng hồng, những đốm đồi mồi trên trán và thái dương.

Gần như lần nào ghé lại nói *hello* với người láng giềng, ông Tư cũng chỉ quanh đi quẩn lại nói và nghe chừng ấy câu. Thoạt đầu, ông thấy tức cười. Nhưng sau quen đi, ông bắt được chính ông cũng chỉ biết nói chừng ấy chuyện, như Jack nói chừng ấy lời. Có khi nọ nói chuyện thời tiết, đôi lúc cũng có một vài nhận xét “chính trị” (Jack rất bảo thủ, cái đó dễ hiểu), những than phiền về thuế má, về mấy cái lon bia rỗng bóp bẹp vất bên lề đường, v.v... Nhưng rồi hai người đàn ông, một người tóc bạc mà không râu, một người tóc xanh mà râu bạc, lai rai thế nào rồi cũng quay về chuyện cái nhà, cái nhà đá sừng sững đứng quanh quẻ với những vách đá đồ sộ, và cái mái tạm thời che mưa nắng, còn bên trong hoàn toàn trống rỗng, một bộ xương với một vài bắp thịt đây đó mà bên trong chưa có ruột gan phèo phổi...

Mùa lạnh năm đó dài lê thê dai dẳng, người người mệt mỏi buồn bã. Rồi bỗng nhiên, trời ửng nắng, băng tuyết rậm rộ tan thành nước, chảy miên man xuống chân đồi. Lái xe ngang qua ngôi nhà đá của Jack, ông Tư thấy người hàng xóm chạy ra quơ tay lên trời. Ông quẹo vào đường rải sạn.

— Này ông Tư, vô đây coi !

Hai người đi bên nhau ra phía đông ngôi nhà đá. Ông Jack thụp xuống vạch vạch mớ tuyết đang lún dần xuống đất: hai nụ hoa *crocuses* màu tím thắm ló dạng, hồn nhiên, ngạo nghễ, vô úy, đúng là vô úy! Ông Tư bỗng thấy lòng vui rộn rã, một nỗi vui bất thần, bất ngát... Ông đứng dậy, cười bảo người hàng xóm :

— Này, ông Jack...

Jack cũng đã đứng dậy, cao vút như một cây tùng.

— Gì thế ông Tư ?

— Tôi nói ông nghe. Tôi thấy ngay trước mắt tôi bây giờ đây này. Ông thấy cái hiên đá kia không? Bây giờ mới có nền và vách thôi, vách với một khoảng trống thật lớn để dành cho cửa *bay window*. Tôi thấy những ô kính thật lớn bao quanh cái hiên rồi đó. *A glass-enclosed porch! A stone porch!* Một chiều xuân êm ả. Một chiều xuân ở Tây Bắc Maryland, trời quang nhưng có chút sương mù ở những lưng thấp. Yên tĩnh đến nỗi không có cả tiếng chim. Ông và Lisa ngồi trong hiên đó, uống cà phê...

— Tụi tôi không uống cà phê.

— Không uống cà phê à, trà vậy nhé. Ông và Lisa ngồi uống trà. Mỗi người một ghế xích đu. Ngồi uống trà nhìn ra vườn, nhìn qua mặt hồ Mentz, nhìn về rặng núi Fountaindale, bên kia Thurmont. Một chiều xuân và ngôi nhà đã hoàn thành, ông và Lisa ngồi uống trà trong hiên kính...

— Được thế đã thích rồi...

— Một chiều xuân... Thế kỷ thứ 19 có một đại thi hào Việt

Nam tả cảnh xuân tuyệt đẹp, ông muốn nghe không ?

— Nghe.

— Ông thi sĩ đó tả cảnh xuân như vậy, ông và Liza ngồi nhâm nhi tách trà, nhìn ra ngoài, và hai người thấy *cỏ non xanh tận chân trời*, xanh tận chân núi vậy, ờ, ờ, ông thấy cảnh lê trước sân không, ở đây ông có những ba cây lê lặn, ông thấy *cành lê* đã có *một vài bông hoa*, trắng điểm trên cành không ?

— Cảnh xuân bên Việt Nam như vậy đó hả ông Tư ?

— Vâng, như vậy đó, mà có không như vậy cũng chẳng hề gì, ông đại thi hào nói sao thì mình biết vậy thôi. Tôi thấy cỏ non xanh như vậy đó, bông hoa lê trắng trên cành như vậy đó, và ông và Liza ngồi ở cái hiên này đây này, có kính bao xung quanh, ngồi ghế xích đu, uống trà...

Jack im lặng một hồi lâu. Ông Tư sắp sửa chào ra về thì Jack mở miệng:

— Này, ông Tư, cái ông thi sĩ nào đó của ông ấy mà, thơ ông hay thật. Cỏ non, hoa lê trắng... Để ông xem, Liza và tôi sẽ ngồi đây uống trà, sang năm, hay năm nữa...

*
* *

Rồi bằng đi một dạo thật lâu, để chừng hơn hai tháng, ông Tư mới có dịp ghé lại thăm ông Jack. Chiếc “van” trắng đứng trong đường cong rải sỏi như nó đã đứng trong mười năm trời từ ngày ông Tư đến định cư tại vùng này.

Từ lần cuối ghé tán gẫu với Jack, ông Tư bỗng thấy cái cảm giác bất an của mình đối với Jack bay biến đâu mất. Cái sức lực, sự can đảm và kiên nhẫn của Jack, ông thừa biết là có đó, có thật đó, ông khâm phục và yêu mến. Nhưng lần cuối nói chuyện với Jack, ông nghĩ ông cảm thấy được một nỗi xúc động, một nỗi hoang mang nào đó bất ngờ ở người láng giềng “khùng”. Không, ông không lầm. Khi ông tả lại cho Jack nghe cái cảnh xuân ngày chị em Kiều đi tảo mộ, và ông tưởng tượng cảnh Jack cùng vợ ngồi ghế xích đu, uống trà trong cái hiên nhà đã xây cất xong xuôi tất cả, ông đã thấy trong một thoáng nét mặt Jack chùng hẩn xuống, và đôi mắt xanh lơ, đôi mắt Yang-ki chính cống, bỗng như mờ màng xa xôi... Lần đầu tiên với Jack, lần đầu tiên với một người Mỹ, sau mười năm trời, ông có cảm tưởng gần gũi, thân thuộc, như với một người anh em.

Có tiếng động phía sau nhà, phía mặt hầm đi xuống *basement*. Ông Tư bước vội ra sau :

— Jack, ông đấy hả ?

Người đàn ông Mỹ tóc bạc, cao ngất ngưỡn, áo ca-rô xanh và lục, quần trắng thợ hồ, ủng da cao, đang loay hoay sắp thẳng

một hàng cây.

— *Hi, Neighbor*, lâu quá không thấy tâm hơi ông đâu cả! Jack chìa bàn tay vĩ đại ra nắm lấy bàn tay nhỏ bé của ông Tư. Phản ứng tự nhiên, ông Tư gồng lên cho bàn tay mình thật cứng thật mạnh, như để chống đỡ lại cái thân ái vô tâm của ông Jack nghiền nát tay mình lúc nào không hay.

— Ông Jack, ông xếp đâu mà nhiều lô-cầu thế này?

— Ừ, tôi sửa soạn trước, tôi đồn tụi này từ năm ngoái trên rừng, ngót một trăm năm chục cột đấy. Bây giờ đem xuống đây, cua đồng đều, đẻo vỏ, để đó cho thật khô rồi trồng cột, căng hàng rào sắt. Tụi tôi sẽ nuôi một ít gia súc, vài con dê, cừu... Máy cắt cỏ thiên tạo đó ông. À, mà ông cũng biết lô-cầu đó hả? Bên Việt Nam có loại cây này không?

Ông Tư cười :

— Chính ông là người dạy cho tôi biết nhiều thứ về lô-cầu đó, ông quên rồi hả? Tôi bây giờ chịu nó lắm rồi. Không, Việt Nam có khá nhiều loại gỗ tốt, nhưng lô-cầu thì không. Hình như bên Âu châu cũng không có. Chỉ Mỹ mới có...

Rồi ông Tư nhớ lại trời đã chạng vạng khi ông làm xong cái hộp bằng gỗ lô-cầu cho bà Tư. Ông nhớ lại khi ông quét dọn mặt cửa, ông quơ một nắm đưa lên mũi thì thấy có mùi thơm rất dễ chịu như mùi trầm. Ông nhớ lại đám mặt cửa từ từ trôi xuống từ mấy ngón tay ông, bụi mặt cửa óng ánh như bụi hoàng kim trong tia nắng chiều thoi thóp còn rớt lại sau nhà. Bây giờ, đã dọn đi xa rồi, ông Tư cũng còn nhớ hôm ấy ông nảy ra ý kiến rủ Jack lên xe về nhà ông --cách đấy chỉ chừng một dặm-- ăn cơm trưa với ông. Bà Tư đã qua đời: ông chỉ làm hai cái xanh-guýt cá mòi hộp kèm với rau xà lách xon và một lát hành. Ăn xong, ông Tư pha hai tách trà thật đậm, rồi hai người đàn ông ngồi uống trà hút thuốc ở hiên nhà, nhìn xuống đồi. Sau những lùm cây thấp thoáng ngôi nhà đá đang dở của Jack. Xa hơn, một đám ngồng trời từ bên kia núi bay qua, hàng ngũ thật chỉnh tề. Rồi chơi vơi trên không trong một khoảnh khắc, mấy trăm con ngồng Gia-Nã-Đại nhất loạt hạ xuống nước, tiếng kêu inh ỏi vang lừng mặt hồ Mentz.

Ông Tư vào nhà một lúc. Khi bước ra, ông lễ mễ bưng theo một vật gì khá nặng, bên trên choàng một chiếc khăn nhung tím xẫm. Jack trợn mắt :

— Trời, cái gì thế này, ông bạn ?

Ông Tư không nói, chỉ mỉm cười, môi còn ngậm chặt tẩu thuốc.

Jack lắc đầu :

— Ừa, gỗ lô-cầu đây mà! Ông làm đó hả? Hộp đồ nữ trang! Trời, ông khéo quá. Tôi chưa bao giờ thấy ai dùng gỗ này mà làm

hộp nữ trang cả đấy !

Ông Tư gật gù nhả khói :

— Này Jack, ông dạy cho tôi dùng lô-cấu làm cột, làm rường, làm củi, dùng tro đốt mà bón hoa hồng... Nhưng ông đâu có dạy cho tôi dùng lô-cấu làm hộp đựng nữ trang. Nữ trang bà xã tôi chẳng có gì, nhưng tôi khoái cái màu vàng và những đường vân của loại lô-cấu này quá...

Jack vắt tàn thuốc ra xa, đưa cả hai tay nâng cái hộp nặng lên ngắm nghía. Rồi ông đặt nó xuống, mở nắp ra, nhìn thật kỹ bên trong, hai cái lập lờ thau, những cái đinh vít vàng tí xíu... Ông lắc đầu, nhìn qua ông Tư, mặt thật nghiêm, nhưng ánh mắt như chế riễu :

— Ông Tư, *Sir*, tôi vẫn bảo tôi khùng, ông không bao giờ chịu. Bây giờ tôi mới biết tại sao ông không chịu. Ông không chịu vì chính ông mới thật là khùng. *It's you who are crazy, my friend !*

Lái xe đưa Jack về lại ngôi nhà đá dưới chân đồi, ông Tư tùm tùm cười :

— Này, ông Jack.

— *Yes*, cái gì thế ông Tư ?

— Ông nhớ hôm nọ tôi nói ông nghe chuyện một đại thi hào Việt Nam tả cảnh xuân không? Cỏ non xanh và hoa lê trắng ấy mà...— Nhớ, nhớ chứ, mà sao ?

— Ấy, tại chúng ta hay nói chuyện về cây lô-cấu, tốt thế này ích thế kia cho nên tôi muốn kể ông nghe một câu chuyện của người Tàu, cũng là chuyện cây chuyện gỗ vậy thôi. Tôi nghĩ là ông sẽ thích lắm.

— *Sure*, ông kể đi, tôi nghe đây.

— Thế này nhé. Mấy trăm năm trước khi chúa Giê-su ra đời, có ông nọ người Tàu tên là *Chuang* kể rằng một hôm đi chơi trên núi, ông gặp đám tiều phu đang đốn cây. Bốn bề cây nằm la liệt, duy có một đại thụ cành lá xum xuê thật đẹp còn đứng thẳng. Ông *Chuang* mới hỏi người tiều phu: "Tại sao cây này không đốn xuống, lợi biết bao nhiêu?" Tiều phu đáp: "Cây này to lớn đẹp đẽ, nhưng gỗ không tốt, làm cột thì mục, làm rường thì gãy, làm củi thì cháy không đều, làm bàn ghế thì không thẳng, không chắc. Thành thử chẳng ai thèm ngả nó xuống cả. Nghe nói nó sống mấy trăm năm rồi." Đó, một chuyện Tàu cho ông bạn Jack. *A real Chinese story for you...*

Ông Tư còn nhớ, khi ông và Jack xuống đến nơi thì trời bắt đầu lấm tấm mưa, mưa xuân nhỏ hạt, mưa lâm thâm ướt đầm lá hẹ. Hai người đàn ông đứng một chốc dưới tàng cây lê lớn, không nói. Hồ Mentz sáng óng ánh. Đám ngỗng trời ngọ nguậy tới lui trên mặt nước, những chấm đen di động lạng lờ. **Võ Đình**

Vô Ngã

Qua muôn vòn ước kiếp...

*Sương chiều bay lướt-thướt,
Lờ-lững tiếng chuông trầm ;
Từ sao đêm vọng xuống,
Từng đợt hải-triều-âm.*

*Xạc-xào trăm cánh gió,
Tự nơi nao bay về.
Rùng mình cây kéo-kẹt,
Chập-chờn trong tỉnh, mê.*

*
* *

*Đóm lửa soi Phật điện,
Quần-quai khói hương trầm;
Thấy hàng-hà sa-số,
Nương về, gột phiền tâm.*

*Lá đề rơi lác-đác,
Tà áo sương phất-phới :
Chân Ai đó ?
Có về vượt mê tân ?...*

Văn Học 56

Bao nhiêu niềm oan-khổ,
Bao nhiêu nỗi muộn-phiền,
Theo ánh trăng tròn nở,
Bên thềm trở hoá duyên.

Những đoá hoa oan nghiệp,
Xin rụng cội bồ-đề.
Những hoa tình đầy lệ,
Xin gửi bến si-mê.

Muôn ước, vô số kiếp,
Cởi gút của luân hồi.
Tàn hương âm-thầm rụng,
Thần-thờ sương lệ rơi.

*
* *

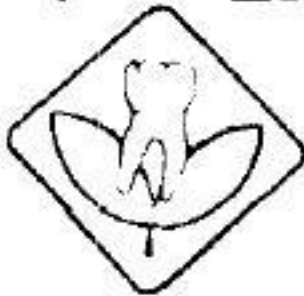
Trăng soi nghiêng vách đá,
Còn chưa khô nước mắt,
Mai ngát chín tầng trời,
Qua muôn vàn ước kiếp.

Vô Ngã

Santa Ana , Giêng 1986.

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.



9251 Bolsa Ave.
Westminster, CA. 92683

(714) 895-1264

Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Bảy 10am - 7pm

- Khám răng định kỳ, làm sạch, trám và nhổ răng.
- Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải phẫu nướu răng.
- Nha khoa thẩm mỹ với phương pháp Bonding.
- Nha khoa nhi đồng - Kiên nhẫn với trẻ khó tính nhất.
- Ngăn ngừa và điều trị răng mọc lệch lạc, chỉnh hàm.
- Răng giả các loại, gắn dính và tháo lắp - Bền và đẹp.

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - CHU ĐÁO

UNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN VÀ KỸ THUẬT NHA KHOA MỚI NHẤT

Phạm Duy

Thời kỳ thành lập

Xu hướng nhạc tình.

Nam Định: Đặng Thế Phong

Nam Định là một tỉnh nhỏ, so với Hà Nội và Hải Phòng, nhưng lại là nơi sinh trưởng của những đại văn hào của Việt Nam như các Cụ Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương... Trong lĩnh vực Tân Nhạc, Nam Định cũng là nơi sinh ra một thiên tài nhạc sĩ tài cao mệnh yếu Đặng Thế Phong, người độc nhất trong thời kỳ thành lập của ngành nhạc mới này, đã làm cho mọi người thấy được cái ma lực của âm nhạc qua ba ca khúc tuyệt vời: Đêm Thu, Con Thuyền Không Bến và Giọt Mưa Thu.

Tiểu sử của ông đã được ghi lại trong ấn bản Con Thuyền Không Bến phát hành tại Sài Gòn vào năm 1964 :

“Nhạc sĩ Đặng-thế-Phong sinh năm 1918, là thứ nam của cụ Đặng-hiển-Thế, thông phán sở Trước Bạ thành phố Nam-Định. Ông là người con thứ hai của một gia-đình có sáu anh em, hai trai, bốn gái.

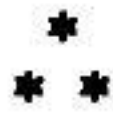
Thân phụ ông mất sớm, gia đình thiếu thốn nên ông phải bỏ dở học vấn khi đang học lớp 2ème Année P.S. (bây giờ là lớp Đệ Lục bậc Trung Học phổ thông).

Ông có lên Hà-Nội theo học trường Cao-đẳng Mỹ-thuật với tư cách Bằng thính viên. Trong một kỳ thi, ông đã vẽ một bức tranh cho báo Học Sinh (chủ bút là ông Phạm-cao-Củng) như tranh các truyện “Hoàng Tử Sọ Dừa”, “Giặc Cờ Đen”... để lấy tiền ăn học.

Mùa Xuân năm 1941 ông có đi Sài Gòn rồi Nam Vang. Ở Nam Vang ông có mở một lớp dạy Nhạc. Đến mùa Thu năm 1941 ông lại trở về Hà Nội. Lúc sinh thời, Đặng-thế-Phong là một nhạc sỹ rất nghèo nên cuộc sống của ông thật là khổ cực, chật vật. Ngoài tài sáng tác, ông còn là một ca sỹ, tuy chưa hẳn được là Ténor nhưng giọng hát cũng khá cao, đã có nhiều lần ra sân khấu, mà lần đầu

tiên ông hát bài “Con Thuyền Không Bến” tại rạp chiếu bóng Olympia (phố Hàng Da Hà-Nội) năm 1940.

Đến đầu năm 1942 thì ông từ giả cõi đời tại nhà, trên một căn gác hẹp ở phố Hàng Đồng, Nam-Định vì bệnh lao (tuberculose péritonique). Ông hưởng thọ được 24 tuổi.”



Trong khi các nhạc sĩ trẻ khác trong khoảng đầu mùa của Tân Nhạc chỉ đưa ra những nhạc phẩm có tính chất thiên nhiên thì Đặng Thế Phong đi thẳng vào lòng người và đặc biệt là đã dùng Tân Nhạc để nói lên cái *Lãng mạn tính* của thời đại!

Thời đại của những năm cuối thập niên 30 là thời đại Giọt Lệ Thu của bà Tương Phố trong phạm vi thơ và Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách trong phạm vi tiểu thuyết còn rớt lại, và là thời đại của các thi nhân, văn nhân lãng mạn đang nổi tiếng như Lưu Trọng Lư, Nhất Linh, Xuân Diệu, Khái Hưng, Thế Lữ, Lê Văn Trương... Nếu đã có người nói rằng bất cứ một người Việt Nam nào cũng có thể là một thi sĩ, thì tôi cũng có thể nói rằng bất cứ một nhạc sĩ nào, vào lúc Tân Nhạc mới thành hình cũng đều là lãng mạn cả! Miền Bắc nước Việt Nam là nơi có đầy đủ bốn mùa, và mùa Thu ở đây thì nên thơ không thua gì Mùa Thu Paris hay Mùa Thu Đông Kinh, Nam Kinh, Bắc Kinh gì đó !

Trong ba nhạc phẩm đầu tiên của Đặng Thế Phong và cũng là ba bài đầu tiên của nền Tân Nhạc Việt Nam, ta đều thấy mùa Thu hiển hiện một cách rất lung linh, rất bàng bạc, rất quyến rũ! Bài Đêm Thu được soạn với thủ pháp Tây phương, dùng nhịp valse chậm để diễn tả lòng người trước cảnh mùa Thu trong đêm vắng:

ĐÊM THU

Nhạc và Lời: ĐẶNG THẾ PHONG

Andante



Vừa khuya trăng rồi, hoa đứng im như một buồn.

Lòng ta sao buồn lắng nghe lời hoa. Cảnh hoa vương buồn trong

gió. Hương yêu nhẹ nhàng say. Gió lay

Cảnh trong lòng như ru bóng êm trong ánh vầng. Mìn đêm buồn

Văn Học 59



Với một nét nhạc mineure rất đẹp, Đặng Thế Phong dẫn chúng ta vào một vườn trống trĩ, cũng như Lê Thương, tình tự với loài hoa. Nhưng nhạc sĩ họ Đặng có lẽ đã tiên tri được cái mệnh yếu của mình cho nên như muốn mở lòng mình ra, mở hồn mình ra để thu lại tất cả cảnh vật chung quanh, kể cả tiếng côn trùng trong gió hay ánh sao trong vũ trụ! Ca khúc có hai phần: phần đầu theo âm hưởng mineure của Tây phương nhưng phần sau thì nghiêng hẳn về âm giai ngũ cung Re Mi Sol La Si :



Văn Học 60

Nhưng bài Đêm Thu chưa làm cho mọi người bị ám ảnh bằng bài hát thứ hai của Đặng Thế Phong, cũng nói đến mùa Thu! Đó là bài Con Thuyền Không Bến! Người nghệ sĩ bây giờ không còn đứng trong khu vườn nhỏ của mình nữa, người đã bước ra trước cảnh Thu về trên một dòng sông rộng :

CON THUYỀN KHÔNG BẾN

ĐẶNG THẾ PHONG

CHẠM

Đêm nay thu sang cùng heo may / Đêm nay sương lam mờ chân
mây. / Thuyền ai lơ lững trôi xuôi dòng. / Như nhớ thương ai trùng
khô. / Trong cây hơi thu cùng heo may. / Vì vu qua muôn cảnh mờ
say. / Miền xa lời gió vang thông ngàn. / Ai oán thương ai tàn mơ
vâng. / Lướt theo chiều gió một con thuyền theo trăng trong.
Trôi trên sông / Thương nước chảy dài dòng / Biết đâu bờ
bến? / thuyền ơi! thuyền trôi nơi đâu? / Trên con sông / Thương nào ai biết nông
sâu. / Nhớ khi chèo sương cùng ai thức / In tâm lòng. /
Biết bao buồn thương thuyền mơ buồng trôi xuôi dòng / Bến mơ dù thiết tha thuyền
ơi đừng chờ mong... / Ánh trăng mờ chiều. / Một con thuyền trong đêm thu.

Văn Học 61



Trên sóng bao la Thuyền mơ bến nơi đâu ? Đèn nay thu sang cùng heo... đầu.

Dường như Đặng Thế Phong đã nói đúng được tâm trạng của thanh niên nam nữ Việt Nam trong thời đại: bơ vơ, lạc lõng như con thuyền không bến! Nhưng phải là một con thuyền trôi trên con sông Thương của dân tộc, và quan trọng nhất là phải trôi trong một mùa Thu Việt Nam có gió heo may, có sương lam ở chân mây, có gió van thông ngàn và có ánh trăng Thu mờ chiếu!!! Nếu là con thuyền trôi trong mùa Hè thì chưa chắc bài hát đã có thể quyến rũ và ám ảnh chúng ta từ lâu và mãi mãi được !

Bài Con Thuyền Không Bến có một ưu điểm là được soạn với một thủ pháp rất Việt Nam: giai điệu hoàn toàn ra đi từ “ngũ cung” với “dạng” *Re Fa Sol La Do* rất gần gũi với chúng ta, nghe như một câu “kể Kiều” hay một điệu “sa mạc” được canh tân vậy! Chẳng hạn câu nhạc này :



Nhạc sĩ Pháp Debussy, trong khi đi tìm chất liệu mới trong ngũ cung, cũng có một câu nhạc tương tự như câu nhạc của Đặng Thế Phong trên đây. Trong bài Con Thuyền Không Bến, còn có một đoạn giống như điệu “*Làn thắm*” trong Hát Chèo :



Trôi trên sông Thương nước chảy dài dòng

Khi tôi xuất thân làm kẻ hát rong, trong hành trang mới chỉ có khoảng năm, ba bản Tân Nhạc, tôi đã hát đệm hai chữ “*ai ơi!*” vào câu nhạc này, sau hai chữ Sông Thương, khiến cho bài hát tăng thêm dân tộc tính.

Bài Con Thuyền Không Bến lại còn có thêm một ưu điểm nữa là có những nhịp “*chỏi*” (syncopes) ở mỗi một câu nhạc, một đặc tính mà ta vẫn thường thấy trong các bản Hát Chèo.

*
* *

Từ khu vườn nhỏ ra tới sông dài, sông rộng... Đặng Thế Phong bây giờ còn đi xa hơn nữa, đi tới cuối cuộc đời của mình qua một ca khúc mà ông định đặt tên là *Vạn Cổ Sầu* (theo lời Bùi Công Kỳ là người cùng hợp soạn với ông trong ca khúc này)! Đó là bài Giọt Mưa Thu... Bây giờ mùa Thu đối với ông là sự chia ly, sự

Văn Học 62

chết chóc, dương thế trong mùa Thu bao la sâu, gió sẽ thổi về, mưa sẽ giăng mù lê thê, chim non trên cành hay vợ chồng Ngâu sẽ mãi mãi khóc vì Thu:

GIỌT MƯA THU

ĐẶNG THẾ PHONG (1919-1942)

Lời ca: BUI CÔNG KỶ

Thong Thả



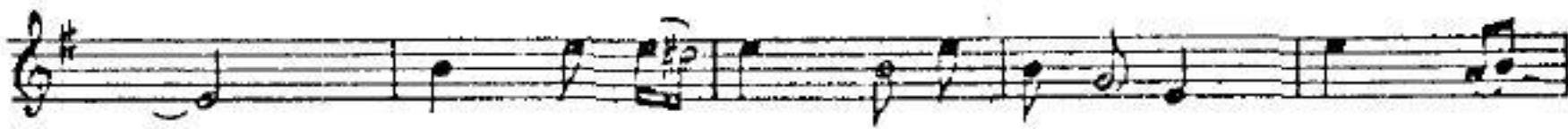
Ngoài hiên giọt mưa thu thanh thót rơi Trời



lắng u buồn mây bất hủ ngừng trôi



Nghe gió - thoảng mơ hồ trong mưa thu ai khóc ai than hồ,



- Vài con chim non chiêm chiếp kêu trên cành như rủ



- trời xanh Gió ngừng đi mưa buồn chỉ cho cõi lòng làm



lơ Hồn thu trôi nơi đây rơi buồn lây Lòng



vàng muôn hũ không liếp cho gió về Ai nức -



nở thương đời châu buồn mau dương thế bao la sâu



Người mong mây tan cho gió bủa bực là h mây uổng - trời xanh



- Chắc gì vui, mưa còn rơi, bao kiếp sầu ta người

Văn Học 63



Trong bài này, Đặng Thế Phong dung hợp cả hai âm giai thất cung Tây Phương và ngũ cung Việt Nam để nói lên cái hắt hiu, cái lâm ly, cái bao la, cái xa xôi của mùa Thu ngoài đời và trong đời mình! Mùa Thu sẽ còn được xưng tụng nhiều lần trong *Nhạc Sĩ Việt Nam*, khi thì làm cho một cuộc Cách Mạng có thêm chất lãng mạn (Cách Mạng Mùa Thu), khi thì để nói đến cái chết của một cuộc tình (Mùa Thu Chết), nhưng vào buổi bình minh của Tân Nhạc ta đã có một bài hát sâu sắc, thâm trầm, tề tể như bài *Giọt Mưa Thu* này, thì ta chỉ còn biết tiếc thương cho người nghệ sĩ tài hoa bị thần bệnh cướp đi khi tuổi còn thanh xuân !

Về phương diện nhạc ngữ, với bài *Giọt Mưa Thu*, Đặng Thế Phong còn có thể dạy cho chúng ta một bài học về cách soạn ca khúc Việt Nam! Lối hành âm từ giọng *Mi mineure* qua *La majeur* mà ông đưa ra trong ca khúc chẳng khác chi lối chuyển giọng từ *Sa Mạc* qua *Bồng Mạc* nếu chúng ta nghiên cứu kỹ càng nhạc cổ truyền! Nếu nghiên cứu theo lối nhìn Tây Phương thì ca khúc được xây dựng trên "*mode dorian*" rất gần gũi với nhạc ngũ cung Á Đông! Âm vực của bài này cũng rất là rộng, nét nhạc đi từ nốt Si trầm, vọt lên tới Sol cao, cốt ý diễn tả cái sầu thiên cổ trong mùa Thu có mưa rơi không bao giờ ngừng !!!

*
* *

Tôi có thể đoán chắc rằng dòng *Nhạc tình lãng mạn* sau này, với những nhạc phẩm bất hủ của Văn Cao (*Buồn tàn thu, Thu cô liêu*) Đoàn Chuẩn, Từ Linh (*Thu quyến rũ, Lá đổ muôn chiều: Thu đi cho lá vàng bay*) Tô Vũ (*Tiếng hát chiều thu*) vân vân... đều khởi sự từ ba ca khúc mùa Thu của Đặng Thế Phong! Tình khúc Việt Nam sẽ còn vươn tới Nhạc Tình Cảm Tính (sentimentale, Nhạc Tình Não Tính (cérébrale), Nhạc Tình Nhục Tính (sensuel), nhưng trong dòng Nhạc Tình Lãng Mạn (romantique), ta phải minh định

rằng người đầu đàn của dòng nhạc này, chính là Đặng Thế Phong vậy !

Đa số trong chúng ta, những người viết nhạc hay những người nghe nhạc, đều chỉ biết có ba bài ca bất diệt của Đặng Thế Phong là *Đêm thu*, *Con thuyền không bến*, *Giọt mưa thu*! Nhưng trước khi giã từ chúng ta vào năm 1942 để về nơi vạ cổ sâu, nhạc sĩ họ Đặng còn đóng góp vào loại Nhạc Hướng Đạo là loại nhạc khởi nguồn cho loại Nhạc Hùng, Nhạc Thanh Niên Lịch Sử sau này, một bài hát tươi vui lạ thường, khác hẳn với tính chất bi quan của ba bài hát mùa Thu của ông! Đó là bài *Sáng rừng* mà tôi sẽ đề cập tới trong phần sau.

Ngoài ra, dường như ông còn soạn hai bài mà tôi chỉ biết nhan đề: *Sáng trăng* và *Săm sơn*. Một bài có lẽ đi theo cảm hứng của *Đêm Thu* và một bài nhắc đến ngọn núi mang tên Núi Săm...

Nam Định còn là nơi sinh trưởng của các nhạc sĩ khác như Đan Thọ, Hoàng Trọng, Đỗ Thế Phiệt... là những người sẽ đóng góp công lao vào việc phát triển của nền Tân Nhạc Việt Nam sau này...

Trong giai đoạn thử thách và với thành quả đầu tiên của nền Tân Nhạc, dường như chỉ có những nhạc sĩ trẻ ở miền ngoài là có nhiều sáng tạo, dù rằng người nổi tiếng sừng đầu tiên cho sự *thành hình* của "*nhạc cải cách*" là Nguyễn Văn Tuyên, người Huế cư ngụ ở Thị Nghè, miền Nam! Các nhạc sĩ khác ở Huế, Tourane và Faifoo (tức là Đà Nẵng và Hội An), Quảng Ngãi, Sài Gòn... chỉ là những người hưởng ứng phong trào và đi theo những xu hướng mà các nhạc sĩ ở miền ngoài đưa ra !

Chỉ khoảng hai năm sau khi Tân Nhạc được đem ra thử thách và thành công với *Xu hướng nhạc tình*, đã có một xu hướng khác được tung ra trong giới viết nhạc ở miền Bắc! Đó là *Xu hướng nhạc hùng* mà tôi xin trình bày kỳ sau...

ĐÍNH CHÍNH

Xin quý bạn đọc sửa lại giùm những lỗi sai quan trọng sau đây trong bài *Thời kỳ thành lập, xu hướng nhạc tình* : *Lê Thương* của nhạc sĩ Phạm Duy trên số Văn Học 2 :

trang 82 dòng thứ 3 từ trên xuống : *đàn cả nửa lời* xin sửa ra *đàn ca nửa lời*

trang 83 dòng 5 : 1039 xin sửa thành 1939

trang 84 dòng 10 : *đền Đông kinh* sửa thành *tên Đông kinh*

trang 89 : câu thứ tư, chữ đứng thay vì chữ nghiêng.

Xin cáo lỗi cùng nhạc sĩ Phạm Duy và quý bạn đọc.

Bùi Vĩnh Phúc
**Một đoạn thơ
ba mươi ba tuổi**

Sáng sớm nay tôi 33 tuổi
Ngồi trên đồi nhìn đám vó ngựa chạy cuồng
Những vó ngựa chạy cuồng trong mây
Mây trắng mây đỏ pha lẫn mặt trời xanh như trái non mới nhú
Còn tôi,
có những sợi tóc bây giờ đã mệt mỏi
không còn phơ phất như những cánh chim đen kỳ lạ dịu dàng
bay trong trí tưởng hai mươi
Những sợi tóc trắng
(mọc lẫn trong đám tóc đen như một khu rừng chằng chịt)
đã trở thành những con đường dẫn tôi đi đến một chỗ hoang
vu
Ở đó, tôi ngồi xuống
Những cơn gió thốc tới
mở tung lại những cánh cửa đời
Và những ngày tuổi trẻ tuổi thơ tuổi đại
và những hòn bi lăn tròn vào lỗ
và con diều rơi mắc trên cây
và những quyển sách đã được mở ra một hai chục năm về
trước
Ôi, những chùm mây trắng lang thang
bay đầy trong những trang sách vào những buổi sớm tinh mơ
một mình trên sân thượng vắng
Cũng có lúc khi một trang sách lật qua
là lúc bóng chiều cũng vừa ập xuống

Văn Học 66

Và những con chim bay đầy trong sách
cũng mất hút theo những dòng chữ nhoà dần như một cánh
rừng thăm thẳm mênh mông
Ngày tuổi nhỏ đi chơi đi học
Có ai ngờ lớn lên phải đi biệt khỏi quê nhà
Những cơn mưa chập xuống
Mưa rơi ướt tim
bên này một đại dương vũ loạn
Những con cù và những hòn bi
những con đẽ than đẽ lửa và những con cá lia thia
bây giờ đã trở về hư không
Những tủ sách cũ ở nhà,
nơi cất giấu hộ tôi những chùm mây lênh đênh viễn mộng,
chắc bây giờ cũng đã thành khói
Những cụm khói đã bay vào không gian và thời gian
vô biên vô tận
Còn lũ mây thì theo tôi trôi xuôi về biển
Buổi sáng hôm nay
chúng để rơi xuống lòng tôi một cơn mưa muộn tám năm
Những giọt mưa của nỗi thống khổ lặng im
Những giọt mưa ướt tim,
ướt đầm trí nhớ
.....

Không còn một điều gì
Buổi sáng, buổi chiều, buổi tối
đã lặng lẽ rơi vào tịch mịch
Nỗi tịch mịch xanh lu màu khói vô-sở-trú
Chỉ còn một mái nhà
cháy đỏ vào thời gian nổ dòn lách tách
mười một năm.

Bùi Vĩnh Phúc

7.3.1986.

Phạm văn Hải

***Chữ viết của người Việt
trước thời bị Tàu đô hộ.***

Công việc chứng minh người Việt đã có chữ viết từ thời cổ xưa đã được tóm tắt trong cuốn *The Influence of Tang Poetry on Vietnamese Poetry Written in Nôm Characters and in the Quốc ngữ Writing System* (Ảnh hưởng Thơ Đường trong Thơ Việt viết bằng Chữ Nôm và chữ Quốc Ngữ) (Washington, D.C.: Georgetown University, 1980). Ba năm sau, lại được trình bày trong dịp lễ khánh thành Tàng-Văn-Viện tại Chùa Giác Hoàng, Washington, D.C.

Toàn thể vấn đề, nhìn lại, cũng khá đơn giản. Tài liệu khảo cổ đã được nhiều người nghiên cứu kĩ lưỡng từ mấy chục năm nay. Tài liệu lịch sử được dùng là lịch sử của một dân tộc lúc nào cũng chỉ tìm cách tiêu diệt văn minh và văn hóa Việt. Mỗi lần nói tới người Việt và nước Việt đều dùng những từ trịch thượng và xấu xược. Tuy nhiên, bên cạnh những tiểu tiết đó, sẽ thấy kẻ thù của người Việt đã phải nhận người Việt xưa kia rất văn minh và có chữ viết.

Việc chứng minh thành tựu, một phần vì tài liệu tuy hiển nhiên và dễ tìm, nhiều người đã dùng đi dùng lại, nhưng được nhìn qua khía cạnh riêng biệt về tiếng nói và chữ viết.

Trong bài này, một lần nữa, vấn đề chữ viết của người Việt ở thời đại cổ xưa, ở thời-kì chưa bị người Tàu đô-hộ, được nhắc lại qua hai phần:

- Người Việt ngày xưa rất văn minh, và
- Người Việt có chữ Việt.

**Nền văn minh rực rỡ
của người Việt ở thời đại đồ đồng.**

Căn cứ vào sách vở và báo chí, có lẽ chưa có thời nào người Việt lại coi rẻ người Việt như một số nhà cầm bút vào nửa trước thế-kỉ 20. Những người này gồm nhà báo, nhà văn, người viết sử, v.v... Có người là bậc thầy của mấy thế hệ. Mỗi câu nói, mỗi dòng chữ được học trò rấm rập rập khuôn.

Dương Quảng Hàm, trong cuốn *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* (Sài-gòn: Trung tâm Học liệu, 1968), viết :

“Dân tộc ta, sau khi chiếm lĩnh đất Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ và tự tổ chức thành xã hội — lúc ấy dân ta còn ở trình độ bán khai — thì bị nước Tàu chinh phục và đô hộ hơn một nghìn năm...” (tr. 1)

(Căn cứ vào đâu Dương Quảng Hàm dám nói “dân ta còn ở trình độ bán khai”?).

Trong *Việt-Nam Sử-lược — Quyển I* (Sài-gòn: Trung tâm Học liệu, 1971), Trần Trọng Kim viết :

“... Khi người một xã hội đã văn minh như người Tàu mà đi mở đất chưa khai như đất Giao Châu lúc bấy giờ...”

(Một lần nữa, cùng một câu hỏi được nêu lên: căn cứ vào đâu Trần Trọng Kim dám nói đất Giao-Châu là “đất chưa khai” trong khi đề cao Tàu là “người một xã hội đã văn minh”?).

Bậc thầy coi rẻ người Việt thừa xưa như vậy, học trò khinh-chê tổ tiên cũng không có gì đáng ngạc nhiên.

Cùng thời với các tác giả này, trên báo chí, nhan nhản những bài, những truyện, những tranh vẽ chế-giễu, đả-kích, bài-bác phong tục và truyền thống của người Việt. Một vài bài, một vài đoạn có ý tốt, chỉ đả kích hủ tục, nhưng số đó rất ít. Còn lại, toàn là những bài a-dua, theo thời, đả-phá tất cả những gì họ cho là cổ xưa, những gì họ chê là nhà quê (dù rằng hầu hết người Việt sống gần ruộng vườn), những gì của ông cha tổ tiên để lại. Họ đả-phá cả cách ăn mặc, cách nói, cách cười... của người Việt.

Cố ý hoặc vô tình, những người này, những người chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp, đã tiếp tay với người Pháp tiêu diệt văn hóa Việt.

Về phía người nước ngoài, nhất là người Pháp, hầu hết đều nói xấu người Việt, miệt-thị văn hóa Việt. Chỉ có một số rất nhỏ nghiên cứu và tìm hiểu đúng đắn hơn một chút.

Sự thực ra sao?

Khi bị quân Tàu cướp nước, người Việt có còn ở trình độ bán-khai như Dương Quảng Hàm nói không? Đất Giao-Châu (tên người tàu đặt cho đất nước người Việt năm Quý-Mùi (203) có phải là đất chưa khai như Trần Trọng Kim viết không?

Công cuộc nghiên cứu của ngành khảo cổ và tài liệu lịch sử sẽ được dùng để giải đáp vấn đề này.

Khi nói tới ngành khảo cổ, đồ đồng — đặc biệt là trống đồng — là bằng cứ vững chắc nhất.

Trống đồng đã được thế giới biết tới từ lâu; nhưng vì không rõ xuất xứ nên ít người chú ý. Đến năm 1889, tại Hội chợ Đấu xảo Quốc-Tế Pa-ri (Exposition Universelle de Paris), một trống đồng trên đất của người Việt đã làm cho bao nhiêu người ngạc nhiên và thán phục. Cái trống này mang tên Moulié, một người Pháp làm phó sứ tỉnh Hòa Bình (phía bắc nước Việt) lấy ở nhà một vị quan Lang người Mường tại vùng Sông Đà, tỉnh Hòa-Bình. Sau đó, rất nhiều người nước ngoài đổ xô tới miền bắc nước Việt để tìm trống đồng. Tới năm 1900, hơn 150 cái đã bị khám phá. Cho đến ngày nay, số trống đồng nổi tiếng khá nhiều. Trong đó, hai cái được đề cập tới luôn luôn là: trống đồng Ngọc-Lũ và trống đồng Hoàng-Hạ.

Trống đồng Ngọc-Lũ do dân Làng Ngọc-Lũ, huyện Bình-Lục, tỉnh Hà-Nam đào được vào khoảng 1883-1884, và để ở đình Làng. Năm 1902, qua sự dàn xếp của viên công sứ Phủ-Lí, được đưa về nhà Bác-cổ Viễn-đông Hà-Nội. Sau này, làng Ngọc-Lũ còn đào được mấy cái trống đồng nữa, nên cái trống đồng kể trên được gọi là trống đồng Ngọc-Lũ I.

Trống đồng Hoàng-Hạ do dân Làng Hoàng-Hạ, huyện Phú-Xuyên, tỉnh Hà Đông đào được năm 1937.

Vào khoảng giữa thời gian tìm được trống đồng Ngọc-Lũ I và trống đồng Hoàng-Hạ, Pajot điều động cuộc khai quật ở khu mộ cổ Đông-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa từ năm 1924 đến năm 1929. Đồ đồng Đông-Sơn là bằng cứ của một thời đại rất văn minh, được gọi là văn minh Đông Sơn.

Ngoài miền bắc nước Việt, còn có nhiều trống đồng ở vùng Hoa-Nam (phía bắc Việt Nam, ở Miến Điện, Lào, Miên, Thái Lan (phía tây) ở Phi-Luật-Tân (phía đông), ở Mã-Lai và Nam-Dương (phía nam).

Mỗi trống đồng một khác. Khác về hình dáng, kích thước, hình vẽ; khác về tuổi tác, kĩ-thuật, mĩ-thuật... Những người nghiên-cứu tạm đồng ý chia trống đồng ra làm bốn loại. Trong đó, loại I trội nhất. Trội hơn về mọi lĩnh vực. Loại này gồm các trống đồng đa số tìm thấy trên đất của người Việt xưa và nay (miền Bắc nước Việt ngày nay).

Trống đồng loại I là chứng tích sự huy hoàng của văn minh Việt vào thời đại đồ đồng. Không ai chối cãi điều đó. Tuy nhiên về năm tháng (niên đại), những người nghiên cứu ước đoán khác nhau. Thí dụ, năm 1937, Goloubew cho là những năm đầu đời Hậu Hán (Đông Hán '25-220') bên Tàu. Đến năm 1944, Paul Lévy cũng vậy, dựa vào tiền đồng đời nhà Hán bên Tàu (sự thật là tiền Vương

Mãng) lẫn với các đồ đồng Đông Sơn, cho rằng trống đồng loại I làm vào khoảng đầu kỷ-nguyên dương lịch. Năm 1942, Bernhard Karlgren cho là đồ đồng Đông Sơn chịu ảnh hưởng đồ đồng thung lũng sông Hoài ở bên Tàu, và bảo rằng đồ đồng Đông Sơn có trước niên đại do Goloubew ước đoán vào khoảng hai hay ba thế-kỷ.

Cả hai lối ước đoán đều dựa vào những điểm liên hệ với văn minh Tàu.

Tác giả lối ước đoán thứ nhất (Goloubew và Lévi) không để ý tới một điều rất thực tế và rất tự nhiên. Khi chôn giấu, không phải toàn là những đồ vật làm cùng một thời gian. Có thứ xưa lắm, có thứ xưa vừa vừa. Trong lúc vội vàng (vì phải chạy giặc, sợ bị tịch thu, lúc tang ma, sợ trộm cướp, v.v...), thấy cái gì tưởng là quý cũng chôn. Vì thế các đồ vật có từ một vài trăm năm trước, một nghìn năm trước, hay xưa hơn, có thể được chôn lẫn với vài đồng tiền và mấy đồ vật khác (của Tàu) thấy ở trong nhà. Người chôn có thể gồm cả những người không biết vật nào xưa ít vật nào xưa nhiều, vật nào của người Việt, vật nào của Tàu (vào khoảng từ năm 9 đến năm 23) và vài đồ vật của Tàu mà bảo đồ đồng của người Việt được làm vào khoảng những năm đầu đời Hậu Hán (Đông Hán '25-220') hay khoảng đầu kỷ-nguyên Dương Lịch thì chưa đủ vững để thuyết phục mọi người.

Tác giả lối ước đoán thứ hai (Bernhard Karlgren), mang nặng một thành kiến: Văn minh Tàu phải hơn văn minh Việt và có trước văn minh Việt. Thấy vài điểm giống nhau giữa đồ đồng của người Việt và đồ đồng thung lũng sông Hoài bên Tàu mà bảo đồ đồng của Việt ảnh hưởng đồ đồng của Tàu và có sau đồ đồng của Tàu thì giá trị lối ước đoán này cũng chẳng khác gì lối trên.

Vài điểm tương tự giữa hai loại đồ đồng chưa đủ để kết luận loại nào có trước loại nào, loại nào chịu ảnh hưởng loại nào. Có thể đồ đồng thung lũng sông Hoài bên Tàu chịu ảnh hưởng đồ đồng Đông-Sơn và có sau đồ đồng Đông Sơn (I). Nhiều phát minh khoa học đã chứng tỏ điều đó. Hai người ở hai nước khác nhau, không vay mượn, không ảnh hưởng nhau, đã nghĩ ra những cái giống nhau.

Năm 1975, Nguyễn-Văn-Huyền và Hoàng-Vinh trong cuốn *Những Trống Đồng Đông-Sơn đã phát hiện ở Việt Nam*, sau khi kiểm điểm và tìm hiểu kỹ lưỡng các công cuộc nghiên cứu có trước và căn cứ thêm các trống đồng mới tìm được đã cho rằng: "Thời gian xuất hiện và phát triển rực rỡ của trống đồng Đông sơn là từ thế kỷ VII trước Công nguyên đến cuối thế kỷ XI trước Công nguyên" và "...quá trình biến dạng của nghệ thuật trống đồng diễn ra dưới thời kỳ thống trị của đế quốc Hán trên địa bàn tương ứng

với miền Bắc Việt Nam hiện đại” (tr. 115)

Xem thế, văn minh Đông sơn (hay văn minh trống đồng loại I là một nền văn minh huy hoàng ở thời đại đồ đồng. Hầu hết trống đồng loại I đều tìm thấy trên đất của người Việt từ thuở xa xưa cho tới nay. Như vậy, văn minh Đông sơn chính là văn minh Việt.

Về niên đại, đến nay chưa được rõ ràng. Thời cực thịnh kéo dài bao lâu cũng chưa chắc chắn. Sách vở thời cổ xưa của người Việt đã bị Tàu tiêu hủy. Tài liệu lịch sử của Tàu tuy có viết về trống đồng và người Việt, nhưng chỉ thấy lác đác từng đoạn ngắn ngủi.

Qua các tài liệu chúng tôi thấy tận mắt và qua sách vở của người Việt, tài liệu sử và sách vở của Tàu đề cập tới hai điểm có ích cho việc tìm hiểu :

1. Trống đồng là sản phẩm của người Việt
2. Người Tàu, khi chiếm đất của người Việt, đã tìm đủ cách tiêu diệt văn minh và văn hoá Việt.

Một đoạn bao gồm cả hai điểm trên được ghi trong cuốn 後漢書 (Hậu Hán Thư: Sử đời Hậu Hán (25-220) của Tàu, do 范曄 (Phạm Việp có nơi phiên âm là Phạm Hoa) sưu tập (nhà Trung Hoa 中華 xuất bản, không đề rõ nơi và ngày tháng, trang 840). Đoạn đó như sau:

援好馬奇,善別名馬,於交趾
得駱越銅鼓,乃金壽為馬式

(Viện hiếu kỳ, thiện biệt danh mã, ư giao chỉ đắc Lạc Việt đồng cổ, nãi chủ vi mã thức)

(Viện thích cưỡi ngựa, giỏi phân-biệt ngựa nổi tiếng. Khi ở Giao-Chỉ, lấy được trống đồng của người Lạc Việt, bèn đúc thành hình ngựa)

Viện, tức là Mã Viện, người thắng Hai Bà Trưng.

Cuối đời nhà Triệu, nước Việt (lúc đó tên là Nam Việt) bị nhà Tây Hán (của Tàu) chiếm (năm 111 trước Dương Lịch), đổi tên là Giao-Chỉ-Bộ. Các thái-thú và thứ-sử người Tàu vô cùng dã man và tàn-bạo. Người Việt nổi dậy khắp nơi nhưng không thành công. Đây là thời-kì Bắc thuộc lần thứ nhất. Mãi đến năm 40 sau dương lịch, Hai Bà Trưng (Bà Trưng-Trắc và em là Bà Trưng-Nhị) mới đánh đuổi được quân của thái thú Tô Định về Tàu. Hai Bà xưng vương, đóng đô ở Mê-Linh (nay thuộc tỉnh Phúc Yên). Ba năm sau, nhà Hán sai Mã Viện sang đánh. Hai bà thua trận, tự trầm ở sông Hát (năm 43).

Mã Viện vô cùng tàn ác và xảo quyệt, tìm đủ cách để tiêu diệt văn minh và văn hóa Việt.

Ngoài hành động tịch thu trống đồng để đúc ngựa, Mã viện

còn đúc một cây trụ, khắc sáu chữ 同柱析交趾滅 (Đồng trụ chiết Giao Chỉ diệt : Cây trụ đồng này gãy thì Giao Chỉ bị mất). Dân Việt tức giận, không muốn thấy mấy chữ xác lão đó, mỗi lần đi qua đều ném một cục đất hay một cục đá. Chỉ ít lâu sau, trụ đồng bị lấp.

Trong cuốn 後漢書 (Hậu Hán Thư) vừa dẫn trên, ghi thêm nỗi lo âu của Mã Viện: Dù đã bị đô hộ 150 năm (111 trước D.L. — 39 sau D.L.) người Việt vẫn còn theo lẽ lối luật lệ của người Việt. Vì thế, chính Mã Viện đứng ra lo việc tiêu diệt :

越律與漢律異者十餘事，
與越人申明舊制以約束之，
自後駭越奉行馬將軍故事。

(Việt Luật dị Hán Luật bất giả thập dư sự, dĩ Việt nhân thân minh cựu chế dĩ ước thúc chi. Tự hậu, Lạc Việt phụng hành Mã tướng quân cố sự)

(Luật lệ của người Việt và Luật lệ của người Hán khác nhau hơn mười điều, (Mã Viện) tự mình giải thích luật cũ cho người Việt để bắt ép họ (phải theo mình). Từ đó về sau, Lạc Việt theo lối của tướng quân họ Mã).

Ngoài mặt phải theo, nhưng ở xóm làng và trong gia đình, ít bị nhòm ngó, lại là việc khác.

Văn minh và văn hóa khác nhau, luật lệ khác nhau là sự đương nhiên. Nếu người đứng đầu, tuổi đã già, công việc bận rộn mà phải đích thân đôn đốc, nhất định phải là việc rất quan trọng. Hành động của Mã Viện chứng tỏ sự vững vàng của Lệ-Luật Việt và sự tiến bộ của văn minh Việt.

Để đối phó với sự tàn ác thâm độc của Mã Viện, người Việt phải chôn giấu trống đồng. Nhờ vậy, trống đồng còn lại một số. Cũng trong thời-kì này, nhiều người Việt không chịu nổi sự hà khắc của quân Tàu, đã trốn ra nước ngoài. Người lên phía bắc, người xuống phía nam, người sang phía đông, phía tây. Có người đem theo trống đồng. Có người biết đúc trống đồng. Ở nơi đất khách, người Việt lại đúc trống và truyền dạy cho con cháu và học trò. Thế hệ trẻ, tài nghệ chưa được bằng thầy, nên trống đồng không còn đẹp như trước nữa. Các trống đồng loại này chính là trống đồng loại II, loại III và loại IV.

Những đoạn, những câu trong sách vở Tàu viết về trống đồng và người Việt còn nhiều. Vài ba đoạn đã được trích dịch trong nhiều tác phẩm của người Việt (2).

Đến khi người Việt giành lại được độc lập vững vàng (từ năm 939 trở về sau), vai trò quan trọng của trống đồng trong đời sống

của người Việt vẫn còn. Đời nhà Trần, vào thế-kỉ 13, trống đồng được dùng trong các trận đánh giặc Nguyên (3). Trống đồng được dùng làm nhạc khí (đời Lê 'đời Lê sau', đời Nguyễn Tây Sơn) và dùng làm đồ thờ (làng Thượng-Lâm, huyện Mĩ-Đức, tỉnh Hà-Đông, v.v...).

Sau khi tìm hiểu sơ lược về văn minh trống đồng Việt qua tài liệu khảo cổ và tài liệu sử, vấn đề niên đại (= năm tháng / tuổi / tuổi-tác) của văn minh trống đồng Việt có thể tính ngược lại như sau:

Trong thời-kì bị lệ thuộc Tàu lần thứ hai (bắt đầu năm 43), trống đồng bị tịch thu. Đây là thời kì xuống dốc của văn minh trống đồng Việt. Như vậy, thời cực thịnh phải có trước năm 43.

Hai Bà Trưng giành lại được độc lập ba năm (40-43). Ba năm chưa đủ để hồi phục sau 150 năm bị áp bức. Ba năm này không thể là thời cực thịnh của văn minh trống đồng Việt. Hay nói một cách khác, thời cực thịnh phải có trước năm 40.

Trong thời-kì bị lệ thuộc Tàu lần thứ nhất (111 trước D.L. đến 39 sau D.L.), tịch thu trống đồng có lẽ không phải là chính sách của thực dân Tàu, nhưng người Việt bị ngược-đãi, bị bóc lột đến tận xương tủy. Khắp nơi nổi lên chống lại quân thù và bị đàn áp dã man. Thời-kì này không thể là thời cực thịnh của văn minh trống đồng Việt. Các hình ảnh trên trống đồng mô tả cuộc sống phồn thịnh và đầy đủ về nhiều lĩnh vực: Kinh-tế, nghệ-thuật, kĩ-thuật, tôn giáo... Nhất định những trống quan trọng phải được chế tạo khi dân no ấm, đất nước giàu mạnh, còn trong thời kì bị lệ thuộc Tàu, có thể một số trống đồng được đúc theo khuôn mẫu cũ rồi biến đổi đi (một hình thức tưởng nhớ quá khứ huy hoàng). Như vậy, thời cực thịnh của trống đồng Việt phải có trước năm 111 trước Dương lịch.

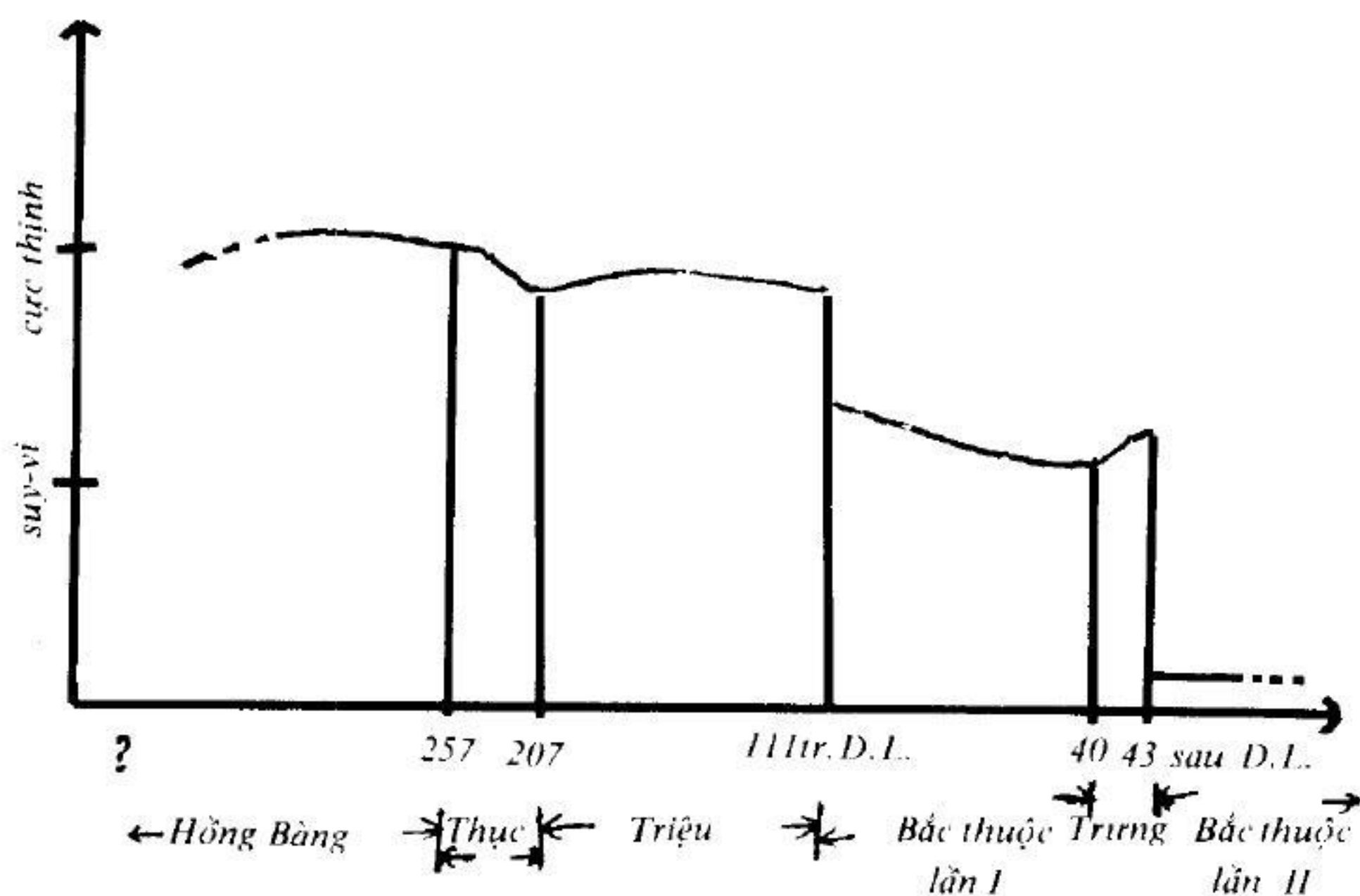
Trước đó là nhà triệu. Vị vua đầu tiên là Triệu-Đà. Tuy là vua nước Nam Việt, nhưng không phải là người sinh đẻ trên đất Việt, Triệu Đà quê ở Chân Định 眞定 bên Tàu, làm tướng dưới quyền quan-úy Nam-Hải là Nhâm Ngao. Dù không phải là quân của nhà Tần (Tàu) nhưng khi nhà Tần thịnh đã phải thần phục một thời gian. Nhâm Ngao nuôi mộng lập một nước riêng.

Giấc mộng đó, năm 207 trước D.L., Triệu Đà đã thực hiện được. Triệu Đà đặt tên nước là Nam Việt. Như vậy, Triệu Đà tuy không sinh đẻ trên nước Việt nhưng đã sống chết vì nước Việt và ở trên nước Việt. Triệu Đà đã trở thành người Việt. Chính văn minh và văn hóa Việt đã làm cho Triệu Đà trở thành người Việt. Nếu người Việt còn ở trình độ bán khai, Triệu Đà đã không có cái hãnh diện được làm vua của nước Việt ở phía nam, có nghĩa là Triệu Đà đã không đặt tên nước là Nam Việt. Cũng chính vì người Việt và nước Việt, Triệu-Vũ-Vương (Triệu-Đà) xưng là Nam Việt Hoàng

Đế, sai quân đánh quận Trường Sa 長沙 của Tàu (nay là tỉnh Hồ-Nam) làm cho vua quan nhà Hán bên Tàu lo sợ cuống cuống. Nói một cách khác, thời cực thịnh của văn minh trống đồng Việt đã có từ trước khi Triệu Đà đặt tên nước là Nam Việt.

Trước nhà Triệu là nhà Thục. Có thể đời nhà Thục là thời kì văn minh trống đồng Việt đang thịnh. Chính vì nền văn minh văn hóa Việt ở thời kì này đã làm cho Triệu Đà lật đổ nhà Thục. Đời nhà Thục quá ngắn, chỉ kéo dài 50 năm (257 trước DL. đến 207 tr DL.), lại phải xây thành hình tròn ốc (cổ loa) và đúc tên đồng để phòng bị... Như vậy, tuy đời nhà Thục là thời-kì thịnh đạt của thời đại đồ đồng nhưng không phải là thời cực thịnh của trống đồng. Nói khác đi, thời cực thịnh của văn minh văn hóa trống đồng Việt có trước năm 257 trước dương lịch, tức là dưới đời nhà Hồng Bàng.

Đúc kết lại toàn thể vấn đề, trước khi đất nước của người Việt bị Tàu xâm chiếm, văn minh trống đồng Việt đã phát triển rực rỡ. Thời cực thịnh bắt đầu từ đời Hồng Bàng. Năm 111 trước dương lịch, dưới chế độ hà khắc và dã man của quân xâm lăng, nền văn minh ấy đột ngột suy vi. Ba năm độc lập dưới triều đại của Hai Bà Trưng (40-43) chưa kịp hồi phục, lại bị Mã Viện tận lực tiêu diệt. Năm 43 là khởi điểm của những ngày đen tối nhất. Dần dần người Việt bị bắt buộc phải tiếp nhận ảnh hưởng Tàu.



Quá-trình văn-minh văn-hóa trống đồng Việt.

(1) Trong bài "New Light on a Forgotten Past" (Tia Sáng mới rọi vào quá khứ bị lãng quên) trên tờ National Geographic ở Mỹ, số 3 tập 139, tháng 3 năm 1971 (Vol. 139, No. 3 - March 1971), từ trang 330 đến trang 339, Wilhelm G. Sotheim II dùng phương pháp Các-bon 14 (Carbon-14) để định niên đại, đã đồng ý với một số học giả khác về trung tâm văn hóa Hòa Bình (trung tâm văn minh và văn hóa của người Việt tồn tại trước Đông Sơn) như sau :

- Trung tâm văn hóa Hòa Bình biết trồng trọt đầu tiên trên thế giới (vào khoảng 15.000 năm trước DL.)

- Ảnh hưởng văn hóa Hòa Bình lan sang phía Bắc châu Úc (20.000 năm trước DL.), Nhật Bản (10.000 năm trước DL.).

- Người Hòa Bình phát minh ra cách làm đồ gốm (10.000 năm trước DL.).

- Hai trung tâm văn hóa Lungshan và Yangshao của Tàu đều phát triển từ gốc Hòa Bình.

Nếu công cuộc nghiên cứu này đúng thì vấn đề trước sau và sự ảnh hưởng giữa văn minh văn hóa Việt và văn minh văn hóa Tàu đã rõ ràng.

(2) Thí dụ:

Lê-Văn-Siêu trong Việt-Nam Văn-minh Sử-lược Khảo (Tập Thượng - Từ Nguồn Gốc Đến Thế Kỷ X) (Sài-gòn: Trung-tâm Học-liệu, 1972), tr. 67 trích dịch một đoạn trong sách Tùy Thư Địa Lý Chí: "Từ núi Ngũ Lĩnh đến hơn hai mươi quận phía Nam, các rợ đều đúc đồng làm trống lớn. Khi mới hoàn thành để ở giữa sân, đặt rượu mời đồng bào. Người đến dự có trai gái nhà giàu lấy vàng bạc làm chiếc thoa lớn cắm đánh vào trống, xong rồi để lại cho chủ nhân, gọi là thoa đồng cổ. Chúng hay chém giết nhau gây thù oán. Muốn đánh nhau thì đánh vào trống ấy, người kéo đến cuộn cuộn như mây văn. Kẻ nào có trống là Đô Lão. Quần chúng đồng tình suy tôn và từng phục" v.v...

Nguyễn-Văn-Huyền và Hoàng Vinh trong Những Trống Đồng Đông Sơn đã phát hiện ở Việt Nam (Hà nội: Viện bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam, 1975) tr. 111-112 trích dịch mấy đoạn trong Hậu Hán Thư, Quyển 54, tờ 8b; Thủy Kinh Chú, Quyển 14; mấy cuốn dẫn trong Đồng Cổ Khảo Lược của Trình Sư hĩa (Thượng-Hải, 1937), bản dịch của Viện Mỹ-Thuật Mỹ-Nghệ, tr 6-7.

"Cửa (sông) ấy thông với Đồng Cổ, bên ngoài vượt đến cửa Hoàng Cương tâm khẩu huyện An-Định. Nhờ cửa sông ấy mà (quân đội) tiến vào Đồng Cổ, tức là đất Lạc Việt. Vì đây có trống đồng nên gọi là (đất) "Đồng Cổ". Mã-Viện lấy trống ở đó để đúc ngựa đồng" (Thủy Kinh Chú, Quyển 14)

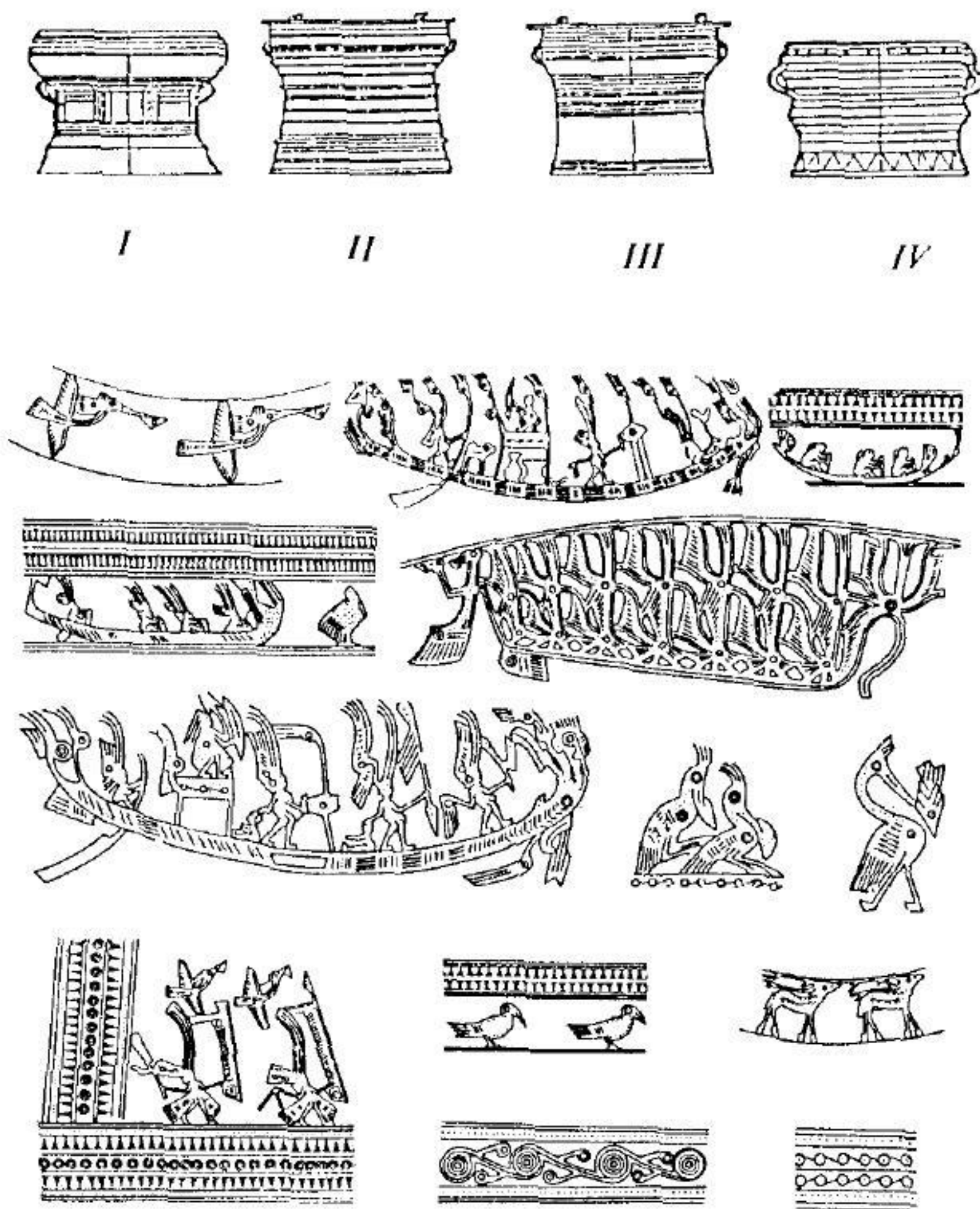
Phạm-Thành-Đại đời Tống trong sách Quế hải ngu-hành-chí cũng viết: "người Man-di xưa sử-dụng trống đồng, thường đào được ở miền đất phương nam, tương truyền đó là của Mã-Phục-Ba để lại: Trống giống như một cái đôn,, phía dưới hổng; trống trang trí đầy hoa văn nhỏ, rất khéo-léo, tỷ-mỷ, bốn góc có những tượng cóc nhỏ. Hai người vừa khiêng vừa lấy tay vỗ vào, tiếng nghe hoàn toàn giống như tiếng trống da vậy". (Trình Sư Hĩa, Đồng Cổ khảo lược. Bản dịch, tr. 7), v.v...

Văn Học 76

(3) Trong một bài thơ của Trần Phu, sứ-thần nhà Nguyễn tại nước Việt (lúc đó tên nước là Đại-Việt) có hai câu:

Kim qua ảnh lí đàn tâm khổ,
Đồng cổ thanh trung bạch phát sinh.
(Trong bóng giáo vàng, lòng đau đớn,
Giữa tiếng trống đồng, tóc bạc phơ).

Các loại trống đồng



Hình vẽ trên trống đồng

Lê thị Hiền

Kính lễ

*Chuông chiều ngân mây trời xuống thấp
Mơ vang đều tiếng niệm vẳng lên
Đâu khoảng cách giữa trời và đất ?
Tiếng kinh dịu ý thức lâng lâng...*

*Khói trầm toả thơm lừng đạo vị
Hoa dâng hương ngát tự tâm hồn
Tay búp sen khép chào kính cẩn
Niềm khinh an toả khắp hư không*

*Gọi đau khổ về trong hạnh phúc
Gọi phân ly về họp một nhà
Gọi ảo tưởng về cùng chân thực
Gọi đam mê về với phối pha*

*Chiều chiều kinh tụng
Chiều chiều hương hoa
Chiều nay lòng mở hội
Trời đất cũng hiệp hoà*

*Giòng sinh tử
Nước triều dâng
Thuyền giác ngộ
Đã về gần*

*Đất trời
Một khoảng
hư không
Mất còn
phân biệt
gương trong
Soi
MÌNH*

Hồ Trường An
Tạp chủng.
Truyện ngắn.

Tôi có một người dì lấy chồng Chệt Quảng Đông . Dì sanh hai con, một trai và một gái. Trai tên Phá Lương (Hoa Lương), gái tên Phá Yục Lìn (Hoa Ngọc Liên). Dượng rể tôi làm tài phú cho một chành lúa ngoài Cầu Dài, đối diện với Chợ Cá tỉnh Vĩnh Long, cách chợ bởi dòng rạch Long Hồ... Dì tôi là cô trưởng nữ, má tôi là cô gái út cách nhau mười bảy tuổi. Khi má tôi sanh ra tôi thì anh Lương của tôi bắt đầu đi hỏi vợ...

Chị Lìn thì mới sanh ra đời đã ngu khờ, câm điếc. Ba tôi khuyên dượng tôi nên đưa chị đi lên trường câm điếc ở Lái Thiêu, nhưng dì tôi không đành lòng. Người điếc thì không nghe tiếng thị phi, lại còn câm thì chẳng mắc khẩu nghiệp... Chị Lìn tôi đẹp, thần sắc rạng rỡ như gương. Má tôi xót xa cho phận cháu, nên lãnh chị Lìn về nhà dạy chị thêu đan, làm bánh, đem hết tài khéo léo để truyền cho cháu. hai chị tôi ít giống má tôi bằng chị Lìn... Nếu trời ban cho thần thái chị sáng láng, trong trẻo, thì lại ban cho má tôi tài ăn nói, tài nhứt hô bá ứng. Bởi đó, bà làm cho bên chồng phải nề nang, ba tôi phải khiếp phục, vì bà “hoàn toàn” quá, cư xử hợp tình, hợp lý, miệng dù có cười mà ánh mắt thật oai nghiêm.

Nhà chúng tôi ở gần Đình Khao. Từ Cầu Dài, ven theo sông Cổ Chiên đi thêm hai cây số là tới ngôi nhà từ đường của ba tôi. Nhà gồm năm căn rộng, phía sau, cách cái sân lót gạch tàu là dãy hậu viện, nhà bếp, có hai dãy bên hông nối liền với dãy nhà trên... Khi tôi lớn lên ông nội, bà nội tôi qua đời. Ba má tôi có căn buồng phía trái (từ ngoài nhìn vào). Ông anh kế tôi chiếm căn buồng bên mặt. Hai chị tôi có một căn ở dãy hậu viện. Còn chị Lìn thì có căn buồng hẹp gần nhà bếp. Còn tôi, năm đó mới lên tám, không được ngủ chung với mẹ, phải ở chung buồng với ông anh kế, hễ tôi lỡ làm ảnh phật ý, ảnh cứ

hăm đợi tôi ngủ, khiêng tôi bỏ ra ngoài vườn cho ma xé xác...

Chị Lìn lớn hơn tôi mười tuổi, hiền hậu, học thêu đan làm bánh kiên nhẫn, khéo léo. Mỗi khi dì dưỡng tôi tới thăm, má tôi than :

— Em có thể dạy con Lìn tài làm khéo, chớ làm sao dạy nó chuyện đạo lý được? Đây rồi rồi nó lỡ đại bị tụi ôn linh đâm tặc làm ầu... thì biết sao đây? Nó thanh cao trong trắng như bông sen, lại khờ khạo có hiểu phải trái ra sao, nếu lỡ mang bầu, mang cái thứ tạp chủng trong bụng thì...

Má tôi rung rung nghẹn lời, không dám nói tiếp, không dám vẽ thêm ác mộng... Dì tôi lấy khăn chấm nước mắt, mà nước mắt cứ tuôn:

— Chị van vái trời Phật cho nó một là đi tu được, còn hai là có thằng nào hào hiệp chịu đi cưới nó, chị sẽ ăn chay trường.

Sau này, chị Hai, chị Ba tôi kể lại, vừa khi chị Lìn bắt đầu có kinh nguyệt, mỗi tháng má tôi bắt chị phải trình đồ lót cho bà xem. Đồ lót đó thường ngấm trong chiếc vòm sành, ra nước đỏ ối. Má tôi sợ chu kỳ đỏ hằng tháng của chị Lìn lỡ bất ngang thì đổ nợ ra...

Điều má tôi sợ vậy mà ứng nghiệm hai năm sau.

Tôi thương yêu chị Lìn của tôi như thương thương yêu bà mẹ thứ hai của mình. Những lúc tôi lầm lỗi, chọc ba tôi nổi sùng là roi mây ông quất tôi túi bụi. Những lúc đó chị Lìn liều mạng giựt roi ông, bằng không chị nai lưng ra hứng... Sau đó, khi kéo tôi ra nhà sau, chị cởi áo, cởi quần tôi ra, lấy dầu phộng xúc lên lần roi, vừa xúc vừa khóc thầm tã... Tuy nhiên, chị không phát biểu một cử động nào để “nói” với tôi. Chị kéo tôi vào phòng chị, cho tôi xem những bức tranh chị đã thêu, những mặt gối, những chiếc khăn tay... Tôi không ưa những thứ đó, nhưng phải chăm chú xem cho chị vui lòng.

Và cũng một hôm tôi làm bể chiếc đĩa vẽ mai hạc của ba tôi. Sợ ăn đòn, tôi trốn vào buồng chị Lìn. Chị ngồi ở khung cửa sổ, mắt chăm chú nhìn qua bên kia con rạch, nhà chú Tâm xưởng mộc. Thợ mộc về buổi chiều, sau khi nghỉ việc, xúm xít ở sân nước, lấy gáo sọ dừa, lấy gàu tre múc nước tắm. Thiệt ra khuôn viên nhà tôi có bọc một lớp rào tre. Nhưng vào năm 1945, Phong Trào Thanh Niên Tiền Phong nổi lên. Tre, tấm vông đều đốn, vạt nhọn để làm khí giới, nên rào tre trở nên thưa, bên này và bên kia có thể trông thông thoáng lẫn nhau. Má tôi quên đời buồng chị Lìn, có lẽ vì mắc nhiều công chuyện nên bà quên việc đề phòng cơ bản đó chăng? Lúc đó trời hơi nhá nhem. Nhưng ánh trăng mọc sớm cũng đủ rọi từng tấm thân thể trần trụi vạm vỡ đắm nước, lấp lánh ánh bạc. Tôi táy máy thấp ngọn đèn Hoa

kỳ đặt trên bàn kê gần cửa sổ. Chị Lìn không bằng lòng, thổi tắt đèn. Dù sao, tôi vẫn thấy rõ mắt chị sáng kỳ dị, đôi má rạo rực, vẻ mặt bất an...

Tuần sau, là ngày tựu trường. Anh tôi phải qua Mỹ Tho học trường Trung học. Còn hai chị tôi thì cũng lên Sài Gòn, chị Hai học nữ công ở trường Mỹ Ngọc, chị Ba học trường Áo Tím... Tôi quên mất cử chỉ kỳ lạ của chị Lìn dần dần...

Ba tôi có nuôi con chó Vá mình trắng đốm đen. Chị em tôi có vẻ lơ là với nó, trong khi đó chị Lìn săn sóc nó chu đáo. Má tôi thấy ba con chó Vện đực ở lối xóm mà đâm ra lo cho cái chó mỳ miều của mình. Cứ vào gần tháng 7 là bà buộc nó trong nhà, sợ nó leo tẹo với ba con đực Vện xấu xí mà đẻ con lộn giống chẳng? Chó cái rượn đực mà bị xiềng trong nhà cứ tru, cứ hú thảm thiết quá, nên tôi len thả nó ra. Lúa chó con năm ngoái chỉ có một con cò, còn toàn là năm con Vện con. Má tôi cho hết lũ Vện nhỏ, chưa con cò đem tặng dì Hai tôi. Gần lối tháng năm, lườn sông, lòng rạch quê tôi đã có đầy ốc hến, thì con Vá của tôi có một chứng bệnh gì không biết mà mồm nó có nổi hai mục lớn cỡ hột ngọc trai ửng màu hường. Má tôi lấy thuốc đỏ, thuốc bôm mát lưu huỳnh xức cho nó mà hai mục ghề ấy không chịu lặn. Tuy nhiên, chị Lìn của tôi vẫn săn sóc, tắm rửa nó đều đặn như tự bao giờ.

Một bữa trưa, tôi vào vườn hái ổi rồi đem ổi vào buồng chị Lìn để tặng chị. Tôi đi từng bước nhẹ, đẩy cửa nhẹ vào căn phòng đã mở rộng cửa sổ và chan hòa ánh nắng. Chị Lìn ngồi ở chiếc ghế đặt bên cửa sổ, ngó trần trời qua bên kia con rạch. Ba anh thợ mộc trẻ cũng nhìn chị như muốn đấu nhãn. Chợt thấy tôi xuất hiện sau lưng chị, họ bỏ vào trong xưởng. Ba anh thợ mộc này ở miệt Cái Sơn Lớn hay An Hương, Hòa Mỹ gì đó lên đây học nghề từ bốn tháng nay. Trai ruộm thì thường có bắp chân chắc, đùi to. Nay làm nghề thợ mộc, họ đều có ngực nở, tay cuồn cuộn bắp thịt. Tôi không để ý lắm khuôn mặt của họ, chỉ biết anh nào cũng có vẻ láu lỉnh. Vào những đêm trời trong, trăng tỏ, họ lấy đèn kim ra dạo, rồi thay phiên nhau ca vọng cổ mùi mẫn... Chị Lìn dù không nghe được gì, nhưng đêm trăng cùng mùi dạ lý thường làm chị bút rứt, xốn xang.

Một hôm, dì tôi từ Cầu Dài lội bộ xuống thăm, mặt mày lo lắng. Má tôi cùng dì vào buồng chị Lìn đóng cửa lại. Có tiếng ghế xô ngã. Tôi chạy lại áp tai vào vách ván. Má tôi can:

— Bây giờ làm sao ngăn ngừa là tốt hơn. Nó có biết nghe, biết nói gì đâu. Lỗi tại em ráo trội.

Dì tôi vẫn vừa tát con gái vừa rên rĩ:

— May mà nó câm, nó điếc. Nếu nó “được” như người

thường thì nó còn đi ngựa giàn trời mây.

Chị Lìn lí nhí rồi khóc hu hu. Tôi còn nhỏ chẳng hiểu gì hết. Sau buổi trưa đó, Chị Lìn tỏ ra ghét bỏ con Vá. Nó cứ đứng ngoài rào tre sữa luôn. Có đêm, tôi đang ngủ mơ màng thì nghe con Vá sờ ra sữa thật hăng và hình như nó đâm bổ vào một vật gì để cắn xé. Rồi thì tiếng chân chạy thịch thịch ngoài hè. Tôi nhảy xuống giường. Con Vá rượt đuổi một ai đó về phía rạch. Quả nhiên có nhiều tiếng lồm bồm lội qua rạch. Trời đêm tối thui.

Má tôi chợt hiểu nên bắt chị Lìn dời buồng và cho rào chặt dọc theo rạch. Vậy mà có lần tôi cầm ná thun đi bắn chim trong khu vườn làng, tức là vườn thuộc về chính quyền địa phương, không ai sẵn sóc. Đi sâu vào chỗ trồng toàn cây dâu miền dưới, tôi đã gặp chị Lìn trong bụi rậm đi ra, tóc tai xụ xọp, áo hơi nhều, chiếc nút ở gần cổ quên gài... Chợt thấy chị từ xa, tôi nép vào đám cỏ song chẳng để trốn. Chị men theo con đường mọc lau cỏ rỗng chân đi về phía bờ sông... Mãi một lúc sau, có tiếng hút gió từ trong bụi rậm tiến về phía tôi. Tôi càng giấu mình thật kỹ. Trời ơi, té ra ba anh thợ mộc trẻ, ở trần trùn trục, quần xà lỏn sơ sài... Tôi biết là họ đã làm chuyện ám muội với chị Lìn tôi, nhưng không thể tưởng tượng sự ám muội ra sao. Tôi sức nhớ cái hôm dì tôi vừa đánh vừa chửi chị Lìn, đoán mang máng là sự việc hôm đó cũng liên quan với sự việc hôm nay chứ chẳng không.

Chị Lìn có chữa. Chị Lìn ôm hoang thai. Phong Trào Thanh Niên Tiền Phong cùng Việt Minh lên nắm chánh quyền đã lôi kéo ba anh trai tở ra khỏi xưởng mộc. Họ đi đâu biệt tăm, biệt tích. Những miệng độc ác đổ hô ba tôi là tác giả cái bào thai chị Lìn. Nhưng tội chẵn trâu, tội con nít lại quyết chắc thủ phạm là ba anh thợ mộc vì chúng đã bắt gặp cả bốn trong vườn làng. Dì tôi than thở với má tôi:

— Thằng tía nó, thằng tài phú Phá Cấm Xạch (Hoa Kim Thạch) đó, cũng bởi hấn ta lường tro đái trấu mới có đứa con gái báo đời. Con nhỏ mặt mũi ngây ngô như vậy mà dám “thiêm xực” một hơi ba trụ. Biết ai là cha đứa nhỏ đây? Con gái tui khờ khạo mà sao Trời đành cho nó mang cái thứ tạp chủng trong bụng vậy cả?

Má tôi nói:

— Chị à, nó có biết cái gì là phải, cái gì là trái đạo lý luân thường đâu? Hoặc cái gì là làm điểm nhục gia phong đâu? Thôi thì mình phải chịu nuôi con dùm nó, để sau này nó có chỗ nương tựa lúc tuổi già. Coi vậy chớ lảm rảm cái may ư nằm trong cái rủi đó chị.

Dần dà, tôi mới hiểu tại sao dì tôi đánh và chửi chị Lìn tôi vào bữa trưa. Số là má tôi đã bắt gặp chị mấy lần lảng vảng trước xưởng mộc, mắt ngó lăm lét vào bọn thợ trẻ. Má tôi đã nhấn mạnh, mắt tuy lăm lét, nhưng là mắt mời, mắt gọi, mắt đẩy đưa của con Thị Mầu... Nhưng có ai nhét được vào đầu óc chị Lìn tôi rằng liếc trai như vậy là bậy, là xấu? Làm sao chị hiểu được cái giáo dục dành cho phụ nữ phải như thế nào? Chị tới tuổi thèm khát yêu, yêu đơn giản như con chó Vá cái đi tìm ha con chó Vện đực. Không ai dạy chị liếc, dạy chị tạo cặp mắt mời gọi, đẩy đưa hết. Chị chỉ làm theo bản năng, hoặc có thể được, theo cái trực giác thâm sâu của mình.

Vậy mà khi khám phá được chị có thai, dì tôi chồm tới, nghiêng rằng, ghệt đầu chị, nguyên rủa:

— Con đi thôi thầy lầy lưa !

Làm sao chị nghe được mấy tiếng đó? Chị ngỡ ngác như tự hỏi tại sao mình bị đòn, bị ghệt tóc? Chị không hiểu gì hết. Dì tôi vừa tát chị vừa chỉ cái bụng chị, có thể chị hiểu tại có cái biến chuyển trong bụng chị nên chị bị đòn, nhưng chắc chị vẫn không hiểu tại sao người ta có thể đánh người khác về cái biến chuyển đó? Nét mặt trong sáng, ánh mắt loáng gương và hiền dịu của chị hiện rõ vẻ hải hùng, bi thảm như ánh mắt đứa trẻ thơ bị xô ngã. Chị Lìn tôi chỉ thông minh (tuyệt vời là khác) khi ngó qua đường kim mũi chỉ do má tôi dạy là chị có thể làm y chang. Nhưng về thói đời, về phong hóa, lễ thói, lễ giáo chị mù tịt. Dì tôi đã thấy ba anh thợ mộc trẻ là quân thô tục... Cũng như ba con chó Vện đực kia, dưới nhãn quan má tôi quá xấu xí. Chị Lìn không thấy những gì xấu mà dì tôi đã thấy ở ba anh thợ mộc. Con chó Vá cái dĩ nhiên là hoàn toàn không cùng một ý nghĩ về cái đẹp xấu của loài chó đực như má tôi nên nó luân phiên hết giao hoan từ con Vện thứ nhất, sang tới Vện thứ ba...

Đó là những ý nghĩ khi tôi lớn lên, lúc đó chị Lìn đã qua đời khá lâu. Hôm chị bị đòn, tôi nhào tới để hứng đòn cho chị, cũng như chị đã từng hứng đòn cho tôi. Tôi khóc tới trời mù đất, cảm thấy cuộc đời, không riêng gì dì tôi sao có thể tàn nhẫn như vậy? Dì tôi thật ra chẳng phải muốn đánh con mình, dì muốn đánh cái bất hạnh của mình dù nó đã thể hiện qua đứa con tàn tật. Đánh xong, dì tôi khóc ngất.

— Thà trời đày tôi xuống chín tầng địa ngục mà cho con Lìn nói được, nghe được, để nó hiểu cái gì phải, cái gì trái.

Chị Lìn vẫn ở nhà chúng tôi chớ không về Cầu Dài. Dì tôi không muốn ở chỗ buôn bán đông người mà chị lại mang cái bụng chứa bèo hình bèo dạng thiên hạ. Khi mùa mưa thoảng xa thì nước dòng sông Cổ Chiên xanh trong. Cây điều, cây lựu trong vườn nẩy lá non mỏng, tươi ngăn ngắt, đột chiết phớt hồng, đột lựu màu lá

mạ. Hôm chị Lìn lật lá bốn cây mai trong sân thì anh tôi ở Mỹ Tho cùng chị Hai, chị Ba tôi ở Sài Gòn hẹn tháp tùng về nhà ăn Tết. Không ai tỏ vẻ gì trước biến cố của chị Lìn. Anh chị tôi thường xem sự hiện diện của chị Lìn như không có, từ bao lâu họ thỏa hiệp (có thể coi là quen thuộc) bóng dáng cần mẫn và yên lặng của chị Lìn vì chị Lìn không làm phiền lụy ai, luôn luôn làm lụng tận tụy, gương mặt tươi tỉnh, thản nhiên, cái nhìn lúc nào cũng trống vắng, vô hồn. Má tôi yêu chị Lìn như yêu một tác phẩm của mình. Sự hiện diện của chị Lìn làm bà vun vãi được tấm lòng từ bi nhân đạo của mình. Mới khi nhìn những mũi thêu tinh vi của chị trên nền vải lụa, bà tỏ vẻ hả hê vì mình đã ra công biến cái một con *ngốc* nghịch, tàn tật thành “một kẻ không đến nỗi nào”. Có thể là cha tôi si tình chị Lìn tôi, đôi lúc tôi thấy ông nhìn chị hơi lâu, lúc má tôi vắng nhà. Năm đó ông đã *ngoại* tứ tuần, còn tươi, còn rắn chắc. Nhưng vốn cầu an, quen sợ nể vợ nhà, lại không thích chuyện phiền phức nên ông không thích làm chuyện *phiêu lưu* đó thôi. Ông đành chọn vị trí người *đượng* rể, vui trong sự săn sóc và hiện diện cả dì lẫn cháu. Còn tôi, tôi yêu thương chị như một bà mẹ thứ hai. Lúc tôi bị *đòn*, lúc tôi buồn là luôn luôn có chị. Những lúc đó, chị đến bên tôi nhẹ nhàng xoa đầu tôi, đôi mắt không còn trống rỗng nữa, cái nhìn buồn và “có hồn”. Khi chị qua đời, suốt quãng đời *hoa niên* của tôi, cái bóng ma và cuộc đời chị ám ảnh tôi không ngớt. Tôi cứ tự hỏi chị Lìn tôi *hiểu* cuộc đời như thế nào? Chị nhìn cuộc đời như nhìn qua một cuốn phim câm. Cả nhà dì *đượng* tôi, cả nhà tôi ai cũng làm biếng khoa chân múa tay để trao đổi ngôn ngữ tay chân với chị, dù có vun výt hoạt động song đó vẫn là ngôn ngữ câm thì làm sao để chị hiểu trọn vẹn? Bộ óc của chị do đó mà lười hoạt động, cái nhìn thường trống vắng, vô hồn. Phải chi chị được học ở trường câm điếc, chị có một ngôn ngữ riêng để trao đổi với bạn bè đồng cảnh ngộ thì tâm hồn chị sẽ phong phú hơn.

Nhưng dù ba anh thợ mộc vốn “*phường tạp chủng*”, đen *điu* thô bạo, *kệch* cộm (theo quan niệm của má tôi) lại chơi trò *đoản* hậu đánh trống bỏ dùi, nhưng họ đã nhóm trong mắt chị một ánh sắc rạng ngời hơn, truyền cảm hơn. Cái nhìn của chị không còn vô hồn nữa. Chị có vẻ suy nghĩ hơn, có vẻ buồn rầu uể oải hơn. Mỗi chiều chị men về dòng rạch, ngó qua xưởng mộc, nước mắt chị ứa ra, ướt *đấm* má.

Hai mục ghê trên mồm con chó Vá không chịu lặn mất. Rồi tuần tự những mụn ghê nổi tiếp mọc lên kết thành một miếng thịt dày nổi cộm hột tròn tròn, miếng thịt quái ác lớn dần thành một bàn tay. Dù nó không chảy nước vàng, nhưng trông nó dễ *khấp*. Má tôi sau một thời gian suy nghĩ, bà nhất định cột đá vào cổ con chó, chở nó bằng xuồng ra sông Cổ Chiên để bỏ nó chìm luôn

trong đáy nước.

Hôm đưa “thủy táng” con chó chỉ có chị Lìn và tôi. Nước lớn đầy sông, sóng vỗ ào ào, nhưng trời lại ngập tràn nắng đẹp. Con chó ngồi gần tôi, thỉnh thoảng liếm vào tay tôi... và trời ơi, trời đất ơi! Nước mắt nó chảy ròng ròng, dù tôi chưa tròng vào cổ nó cái bị có đựng cục đá xanh thật lớn. Khi tới giữa sông, tôi vừa khóc vừa tròng cái bị vào cổ con chó, nó không dấy dựa gì hết, chỉ ngoắc đuôi. “Ừm” một tiếng, con chó và cái bị đựng cục đá quăng vào nước. Sóng lấp xấp tràn tới xóa mọi dấu vết. Hình ảnh ghê tởm đã được con sông chôn vùi. Chị Lìn vừa bơi xuống về bến nhà vừa khóc nức nở.

Sau buổi thủy táng đó, tôi bị trúng gió (có thể như vậy chăng?) ngã bệnh liệt giường. Trong những cơn mê, tôi thấy con chó ngoi lên từ mặt nước rập rờn sóng, lội qua bên kia sông, chỗ bãi cồn An Thành mọc đầy cây tràm thủy như cây bần, cây muối, cây vạt sành. Lại có lúc, tôi thấy thân nó nổi phình lên tấp vào những giỏ rau mác, rau lục bình trở hoa tím. Lại có lúc, tôi chỉ thấy cái lưỡi nó liếm vào tay tôi, hoặc chỉ thấy cái đuôi nó ngúc ngoắc. Và cái ấn tượng mạnh nhất đã xâm vào ký ức tôi là đôi mắt tuôn lệ của nó. Đôi mắt đã lũng vào từng cơn chiêm bao của tôi.

Tôi nằm bệnh suốt tuần. Cả chị Lìn nữa. Nhà tôi không ngớt bà con họ hàng tới thăm. Dượng tôi đưa thầy Chín Đăng tới chẩn mạch cho hai chị em. Má tôi thì nghĩ rằng oan hồn con chó ám ảnh hai chị em nên bà xuống chùa Sơn Thắng ở làng Cái Sơn Bé cách nhà từ đường của ba tôi tụng kinh Cầu An cho hai chị em và tụng kinh vãn sanh cho con chó luôn.

Sư Cô Diệu Pháp lúc đó sáu mươi ngoài, mặt hồng hào. Bà tu phép môn Tịnh Độ, vốn là người dì họ của ba tôi. Nghe nói hồi còn nhỏ, bà ở trong nghề đao búa, trôi nổi từ Cái Vồn (tỉnh Cần Thơ) rồi lên miệt Tân Châu, Hồng Ngự, Nam Vang. Bà đã từng chèo lính tàu tuần Pháp khi tụi nó ve vãn sàm sỡ với bà.

Trong thời gian sư-cô Diệu Pháp ở nhà tôi, má tôi dành cho bà một gian phòng sạch sẽ, có giường cây trái nệm có tú áo, tú “com mốt”, bàn cây dài chất đầy lọ thuốc, hộp thuốc, lọ dầu, đĩa cam, hộp trà, ấm chén và cái rề-sô để sư-cô tự tay pha trà. Sư cô đem cuốn Kinh Quán Vô Lượng Thọ Quang chỉ cho cả nhà tôi xem hình vẽ thế giới Cực Lạc do Phật A-Di-Đà cùng hai vị Bồ Tát là Đức Quan Thế Âm và Đức Đại Thế Chí trông coi. Chị Lìn lúc đó cũng nổi hứng xấp lại. Đôi mắt chị như van nài sư-cô giải thích. Sư-cô sau lúc giảng kinh cho mọi người nghe xong, kéo chị Lìn ngồi xấp lại gần cuốn Kinh. Bà lật từng trang hình vẽ bằng nét tỉ mỉ, rồi bà khoa tay múa chân để “nói” với chị Lìn. Kỳ lạ, đôi mắt chị không có vẻ trống rỗng ngơ ngác như sau cơn bệnh nữa, trở nên

sùng mộ vô biên. Sư-cô và chị cứ múa tay. Cả hai cùng gật đầu từng giai đoạn. Từng trang kinh cứ lật. Hai người đàn bà, một trẻ một già, một tục một tu cứ trao đổi ngôn ngữ bằng cách khoa tay, đôi lúc múa chân. Ai dám bảo là chị Lìn không hiểu những gì trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Quang? Ai dám bảo sư-cô không dìu dắt được chị Lìn vượt qua khỏi thế giới cảm điếc để đi vào trang Kinh? Lúc đó, có vài người chị họ (con của các cậu tôi) cùng vài bà hàng xóm. Lúc đầu, ai cũng tưởng sư-cô giống với cô gái khờ khạo, dễ thương kia. Nhưng họ quên rằng một nhà tu làm sao có thể trắng giống như kẻ phàm phu thế tục được? Nét mặt sư cô có vẻ cảm động, mắt có ngấn lệ trong khi nét mặt của chị Lìn càng phơi phới và trong sáng hơn.

Khi quyển Kinh lật tới trang cuối, bỗng dừng chị Lìn đổi sắc mặt, buồn rủ xuống và ôm mặt khóc, rút lui về buồng.

Cậu Sáu, người anh kế của má tôi từ Nha Môn lặn lội lên thăm hai cháu. Má tôi thuật hết tự sự cho cậu nghe. Cậu trầm ngâm một lúc lâu rồi trách:

— Em Bảy à, chị Hai và em thương con Lìn không phải cách. Thay vì em đưa nó vào trường câm điếc để nó học “nói”, học văn hóa để hiểu đạo lý, đằng này em bắt nó ở nhà học thêu, trong khi đó nó tiếp xúc cuộc đời chỉ bằng mắt, ngoài mũi lưỡi, miệng nếm đồ ăn. Nếu con Lìn hiểu rằng bị dụ dỗ làm chuyên đâm uế là nhục thì nó đâu có để cho ba thằng quỉ “xên” nó? Còn con chó, thay vì đem đến Sở Thú Y lúc đầu, em cứ trị nó bằng thuốc xúc ghẻ thông thường...

Má tôi buồn lắm, dù sao bà cũng đã nuôi chị Lìn lâu năm, tấm lòng người dì cũng đổi dần thành tấm lòng người mẹ. Bà nói:

— Con Lìn để xong, em cho nó vào trường câm điếc.

Sư-cô Diệu Pháp trước khi về chùa Sơn Thắng, có tặng cho ba má tôi bức tranh A-Di-Đà Tam Tôn. Ba tôi cho đóng khung và lộng kiếng bức tranh, lập bàn thờ ở trung đường bức tranh ấy. Chị Lìn cứ thấp nhang, trải chiếu quỳ khá lâu, tay chấp lại, thành kính chiêm ngưỡng. Nhưng ở trung đường thường có khách đến viếng. Ba tôi đành gửi người quen mua bức tranh A-Di-Đà khác rồi treo ở trong một căn phòng nhỏ, dành cho chị Lìn thấp nhang cúng nước và ngồi chiêm ngưỡng. Quả thật tôi chưa thấy tấm lòng sùng mộ của ai hơn tấm lòng sùng mộ của chị. Chị có thể quỳ hoặc ngồi tĩnh tọa mắt nhắm hờ lên tranh Phật, và lâu lắm mắt chị mới chớp. Cái nhìn của chị từ hôm sư cô Diệu Pháp đến tụng giảng Kinh Quán Vô Lượng Thọ Quang trở nên rục rịch kỳ lạ, giờ đây mỗi khi mừng tượng lại, tôi có cảm tưởng nó có ngôn ngữ tha thiết để nhắn nhủ người đối diện: *“Các người hãy xem đây, tôi cũng có một đời sống nội tâm. Mà bầu tâm cảnh của tôi đã thấp được một thứ*

ánh sáng lạ!" Nhưng cũng chính giờ đây làm sao tôi cất nghĩa nổi sự sùng kính và niềm tin người con gái tàn tật kia? Ai cũng thương xót cho chị Lìn bị ba tên thợ mộc trể làm hư hỏng nhưng có ai hiểu ý nghĩa hai dòng nước mắt của chị như thế nào vào lúc chiều chiều chị nhìn qua xướng mộc? Và làm sao tôi hiểu thấu cuộc đàm thoại giữa sư cô Diệu Pháp và chị Lìn? Nhưng tôi nhận thấy từ lúc chị quỳ trông lên tranh Phật, chị như sắp biến thành pho tượng: mắt hầu như không chớp, trông như mắt của pho tượng, gương mặt như lắng vào phút giây sùng kính ngưng đọng và im lặng dần dần như gương mặt pho tượng.

Hầu như chị Lìn không để ý đến cái thai gần ngày lâm bồn. Chị cứ thích chiêm ngưỡng tranh Phật. Có đêm tôi thức giấc, đi vòng ra sau hậu diện, đến dây bồn, ăng, lu, kiệu, khạp, chóc nơi dây nhà mới để tìm nước mưa uống giải khát, thì thấy trong buồng đặt bàn thờ Phật nhỏ còn thấp ánh đèn. Tôi uống nước xong, chạy lại khe vách dòm vào. Trên bàn Phật, cây nhang đang cháy, tuồng khói; còn chị Lìn quỳ trước bàn Phật, chiếc gối tai bèo kê trên đầu gối.

Kỳ sanh nở, chị Lìn bị chứng nhau chằng, đau đớn từng cơn mệt lả... Suốt tám tiếng đồng hồ mà đứa con chưa chịu chui ra. Cô mụ hương thôn lấy mủ cây đu đủ phết lên gang bàn chân chị, mà vẫn không hiệu quả. Túng thế, má tôi đưa chị đi nhà thương. Cái nhau chằng vừa gỡ ra là chị sanh dễ dàng, chuyện đơn giản mà cô mụ không biết, để đến nỗi chị Lìn bị hành thân hoại thể khá lâu...

Bốn tháng sau, chị Lìn qua đời. Không rõ chị bệnh gì? Chị không nằm liệt, không lên cơn sốt gì hết. Trong tuần lễ cuối đời, chị cứ hết thêu đan là chiêm ngưỡng tranh Phật. Từ khi chị sanh nở, không hiểu sao chị không có sữa. Dì tôi đành đem đứa nhỏ đi ở nhà người vú. Lâu lâu chị Lìn tháp từng mẹ đi thăm con, mắt chị rưng rưng, chị hôn hít con như bao người mẹ khác. Trước khi ra về, chị cầm hai tay đứa nhỏ chấp lại và bắt nó xá xá...

Một sáng nọ, không thấy chị nấu nước cúng Phật, má tôi liền vào buồng tìm chị. Chị đã chết, nằm ngay ngắn, bức tranh Phật áp trên ngực, tay chị còn chấp lại. Dù thương tiếc chị, dì tôi và má tôi tỏ vẻ bằng lòng vì nét mặt của chị lúc chết êm đềm, hiền dịu như ngủ, mà có phần đẹp hơn ngày bình thường. Nụ cười của chị dù chỉ mỉm nhẹ nhưng lại tươi thật là tươi, môi mọng thắm. Vì đầu chị còn nóng rực, nên mãi tới ba ngày sau, má tôi mới cho tắm liệm chị.



Mười lăm năm sau, tôi được chuyển từ trường Tổng Phước Hiệp ở Vĩnh Long lên dạy học ở trường Trương Vĩnh Ký ở Sài Gòn. Tôi đã cưới vợ khi bắt đầu vào đời. Vợ tôi là xẩm rặc tên Siêu, làm việc trong một tiệm uốn tóc ở ngoài chợ Vĩnh Long.

Nàng kêu dưỡng Hai tôi bằng cậu. Trai Việt lấy gái Tàu là chuyện hi-hữu. Bên vợ tôi phản đối kịch liệt, nhưng Siêu đã có bầu thì họ đành chịu phép. Mẹ vợ tôi chỉ có Siêu là con một, nên phải ở chung với rể. Bà giúp đỡ cho gia đình tôi rất chí tình chí tận, nhưng không bao giờ bà quên cái “tội” của tôi đã làm cho bà mất mặt với họ hàng.

Đứa con của chị Lìn ở chung với vợ chồng tôi. Nó tên là Hoa Giải Ngữ. Hồi nó mới sinh ra, ai cũng sợ nó giống chị Lìn câm và điếc, nhưng vào hai tuổi, nó biết sợ khi nghe sấm sét, hoặc nghe tiếng máy bay hạ xuống thấp, ào ào như làm tróc nóc nhà. Cả nhà tôi mới yên bụng, nó “biết nghe”. Hễ nghe được thì nói được. Dưỡng tôi mới đặt cho nó tên là Hoa Giải Ngữ — hoa biết nói. Thế nhưng hoa này không trắng trẻo, đẹp đẽ gì hết. Mãi tới 12 tuổi, nó hãy còn đen mốc, ốm tong teo, không ai có thể tin rằng mai sau nó sẽ trở mã xinh đẹp được. Dì tôi chắc lười khi nhìn đứa cháu ngoại. Cái thứ tạp chủng của bọn nhà quê ác ôn ra đời để làm gia đình dì điểm nhục đây này. Giải Ngữ lại còn liếng thoắng như con sóc, tinh ranh như ma. Nó lang bang, bê bối, vậy mà học cũng khá. Má tôi muốn nó ở với tôi, vận động cho nó thi đậu vào trường Bác Ái ở Chợ Lớn. Dù sao, vợ tôi cũng có họ hàng với Giải Ngữ vì bà nhạc mẫu của tôi vẫn là em ruột của ông ngoại nó. Má tôi cầm tay bà suôi dặn dò:

— Chế chế (thư thư) à, xin nị coi chừng con Ngữ dùm ngộ.

Bà má vợ vui vẻ:

— Hà, cái lầy tại tại (thái thái) lừng có lo. Con ló là cháu tui ló, tôi không kèm nó để nó bị tui cao bồi xáng cho nó cái pụng lớn như cái thùng “tôn lô” lấy à?

Tôi dọn về đình Phú Thạnh, gần Tòa đại sứ Cao Miên, xéo Chợ Đũi. Giải Ngữ kêu vợ tôi bằng ý (dì). Vợ tôi cũng có vẻ thương yêu nó, tức là dễ dãi với nó, nó xin gì nàng cũng cho, xin đi đâu cũng được.

Tôi khuyên:

— Em phải coi chừng nó chớ.

Vợ tôi nói xuôi:

— Thì đã có má em lo răn dạy nó. Nó còn nhỏ, xấu hoắc, khó mà hư. Bộ anh tưởng đàn bà con gái xấu muốn hư dễ lắm à. Hồi xưa, nhờ có anh giúp, em mới có dịp hư...

Hết nói nổi cái con vợ tốt bụng mà cà chớn, cynique này!!! Siêu quên rằng Siêu đẹp, hồi xưa, bà nhạc tôi giữ Siêu khích rìm

như giữ hột xoàn, giữ bùa hộ mệnh. Nhờ tôi liều mạng bày kế cho Siêu từ trên gác tối tối thả dây luộc cho tôi leo lên để tôi gieo vào bụng nàng cái “tạp chủng”, để cho bà nhạc tôi tuy sống nhờ rể mà bền lòng thù dai rể, dù bà thương mến gia đình suôi gia của mình.

Nhà tôi có gác lửng, mái lợp fibrociment, trưa nóng, không ở nổi trên gác. Trên gác, má vợ tôi thờ Phật. Thờ luôn Đức Quan Thánh Đế Quân cỡi ngựa xích thố, có Châu Xương vác Thanh Long Dao, Quan Bình cầm hộp ấn đứng hầu. Tối tối, bà cùng Hoa Giải Ngũ và đưa con trai lớn của tôi lên bảy tuổi ngủ ở đó. Tầng dưới dành cho vợ chồng tôi và hai cô con gái kế. Nhưng hai cô bé thích ngủ trên gác với bà ngoại hơn. Xóm tôi là xóm Tứ đồ tường. Từ đồng rác cạnh bên “phông tên” nước có con hẻm đi dọc theo bờ tường cao để vào xóm là đến chỗ tiệm hút mà chủ nhân là một ông ký giả người Bắc di-cư. Cũng từ con hẻm đó, rẽ về phía tay trái là tới miếu thờ Ngũ Hành Thánh Mẫu, kế bên miếu, cách xa cây đa hai chục thước là động nhền nhện, chiều thứ bảy xe Vélo Solex, xe mô-tô đậu ngoài “phông tên” dập diu, khách tìm hoa rút vào động gồm dãy nhà gạch năm gian, và hành lạc xong, họ có thể ung dung lại dãy quán cóc bày bán đủ món nhậu. Chủ nhân là tay danh cầm, chuyên gảy đàn kiêu, hồi xưa nổi danh ở giới cầm ca, từ khi đưa con trai độc nhất chết đi, ông không theo gánh hát nữa, và ông sống bằng cái quán nhậu. Và khắp nơi trong xóm, sòng bài tứ sắc, xập xám tứ giảng. Dưới thời đệ nhất Cộng Hòa, dù tứ đồ tường bị cấm ngặt, nhưng lính cảnh sát quận ba bị trảm hòng bằng tiền, nên nhắm mắt làm lơ. Lại nữa chủ chứa, chủ sòng bạc, chủ tiệm hút còn kết thân với nhóm du côn lửa ở rải rác từ chợ Vườn Chuối thả dài theo đường rầy xe lửa cho tới tạp Long Vân ở đường Phan Thanh Giản.

Bởi vợ chồng tôi ở nhăm chỗ nghiệt, bà má vợ tôi cứ phập phồng lo cho Hoa Giải Ngũ. Vừa khi Ngũ nhổ giò lên cao thì mẹ vợ tôi sấm thêm cái vìm sành, mỗi tháng bà nhắc:

— Mày có “lường kinh” chưa?

Ngũ phải kéo bà vào phòng tắm chỉ cái vìm sành đang ngâm đồ lót dính đầy máu đỏ lôm. Từ khi trở mã, Ngũ mơn mớn, nong nân, kêu gọi. Nó nhổ giò dài sọc, ngực dãn cao làm mấy tên du côn lửa cứ lượn qua lượn lại trước nhà tôi luôn. Đã vậy, Ngũ hay đánh đôi đánh đọ với mấy cô bạn gái trong xóm, tối tối lớn vồn ở “phông tên” nước. Từ đó, nó ló mòi biếng học. Mẹ vợ tôi đâm lo. Bà dạy nó bằng lời tục tằn, bằng tát tai. Có đêm, tôi vừa thiu thiu ngủ thì nghe ở ngoài hàng ba có tiếng lôi kéo, tiếng khóc rấm rứt. Bà mẹ vợ tôi hét:

— Con lĩ chó! Mày có lường kinh, mày lớn đôi. Mấy cái thằng cao bồi chó lẽ muốn dụ dỗ mày, tụi nó “lụ” cho mày ôm cái bầu

lớ... Mấy cứ li da “phông tên” hoài li, mấy liệu hồn lớ.

Mới mười lăm tuổi, Ngừ có cặp môi^{môi} mắt gọi. Nó là thứ lẳng lơ, trong khi hồi xưa vợ tôi là thứ lẳng ngầm. Môi nó đầy đặn, răng hơi to nhưng khít khao và trắng nuốt, da mơn và mịn hồng. Gân quán cốc, từ sáng tới chiều bày đầy hàng rong. Ngừ được dì tôi và má tôi dấm dúi tiền, nên nó ăn hàng thả cửa, lại còn cúp cua để đi ngồi hết rạp hát bóng thường trực này tới rạp thường trực khác. Nó bộc trực nghĩ gì nói nấy. Bà má vợ tôi giữ gìn nó để mai sau bà hy vọng gả nó cho một thương gia ba tàu vừa giàu vừa trẻ trong Chợ Lớn. Đó cũng là lối trả thù tôi, cái “thằng Duyệt Năm chó lể” (thằng Việt Nam chó đẻ, lời bà chửi tôi thuở tôi ve vãn con gái bà)... Hoa Giải Ngừ một hôm tuyên bố với vợ chồng tôi:

— Con cao lớn như vậy khó chọn chồng lắm. Đàn ông Việt, đàn ông Chệt lơ mơ đứng tới háng con. Con lấy chồng Tây, chồng Mỹ đẹp như Alain Delon, như Rock Hudson hê.

Bà má vợ tôi đang lật rau, liếc ngưỡng đầu lên:

— Hà, con lể chó, nói tầm pây lớ. Tụi Tây, tụi Mỹ là tụi Phiên Pang lớ, không pằng cái gót chân trai Pa tàu lớ.

Hoa Giải Ngừ cười:

— Trai ba Tàu anh nào cũng xấu. Gái ba tàu chị nào cũng xinh. Mất thằng kếp Triệu Lỗi nếu lác ra cầu lấy cái rổ mới đựng hết thịt mỡ.

Vợ tôi đặc ý nhìn qua tôi cười ngật ngoẹo. Hoa Giải Ngừ phân bua:

— Phải không ý? Cậu Năm con vừa là giáo sư, vừa là thể thao gia, vừa là lực sĩ nên ý mới cảm. Cậu Năm con giống kếp Jean Paul Belmondo phải không ý?

Vợ tôi tươi cười:

— Cậu Năm Ngừ như Yul Brynner, còn ý thì là..

Hoa Giải Ngừ cười:

— ... là Lý Lệ Hoa!

Nó sà lại má vợ tôi hun bà một cái chụt rồi vừa dang ra xa để tránh tầm cán chổi lông gà của bà, và vừa cười hăng hắc. Như con sóc nó phóng ra ngoài không quên la “bái bai!”. Mẹ vợ tôi cũng tức cười, nhưng mắng vói :

— Con lể chó này cứ li hoài li. Mấy làm sao mà pà ngoại pà Pây mấy đừng chửi tao thì làm lớ !

Ngừ ranh với ai đâu không biết chớ đối với dì và cậu rất thực thà, máu tàu len lõi vào huyết quản có khác! Giao nó đi chợ là chắc chắn có rau đậu, cá thịt tươi, giá phải chăng. Tiền bạc ở nhà có đặt ở chỗ hờ hênh, chính nó báo động rồi cất giữ dùm. Nó chỉ có tật hể thấy trai là lộ vẻ háo hức một cách hơi quá lố! Thế mà, từ hôm tuyên bố về chồng Tây, chồng Mỹ nó có vẻ hơi xa cách với bọn trai

Việt mặt rần, hay mặt ngọc cứ quanh quẩn bên nó. Trước kia nó mê phim Nhật, phim Tàu, phim Ấn Độ, giờ đây nó chỉ coi phim Tây, phim Ý, phim Mỹ, phim Mẽ Tây Cơ. Có tiền là nó đi mua ciné revue, ciné monde về cắt ảnh tài tử Âu Mỹ dán vào tập lớn. Con nha đầu ấy nói huých toẹt với vợ tôi cái quan niệm về đàn ông của nó :

— Hễ nói tới sinh viên là mình nghĩ tới những chàng trai khôi ngô nho nhã. Cháu không có “hôm mộ” sinh viên xứ mình đâu. Tụi nó ốm tong teo, còn đeo thêm cặp mắt kiếng. Cứ coi sinh viên Mỹ trong mấy cuốn phim thì biết... tụi nó “cốt xì tô”, thể chất có mạnh khỏe thì học hành mới tấn tới chớ.

— Đào kép ở Âu Mỹ có cái tật lạ. Như thằng Rock Hudson lúc nhỏ tuổi thì thích đóng chung với mấy con đào xồn xồn lưng danh để dựa hơi. Để rồi dì coi, khi nó lớn tuổi nổi danh rồi, nó thích đóng cặp với mấy con đào non. Phim mà không có đào kép trẻ đẹp xứng đôi là cháu cho “gie”. Còn thứ phim mà có kép già lại đóng vai kẻ đào hoa như Don Juan, cho cháu coi không lấy tiền, cháu còn kêu lính bắt nữa là khác.

— Đi coi tuồng “Phụng Nghi Đình” là cháu muốn anh kép nào mà thủ vai chàng anh hùng đẹp trai Lữ Bố. Cái mụ Phùng Há, mụ Bích Thuận cứ dành đóng vai Lữ Bố luôn. Dẫu họ có gồng mình làm bộ oai hùng cho cách mấy, rốt cuộc cũng vẫn là bà già. Bởi kép ba tàu xấu quá, kép Việt Nam cũng chẳng mỹ miều gì nên “họ” mới bắt đào già giả trai...

Thôi rồi, con ma nữ, ma đầu này muốn lấy Mỹ hay lấy Tây gì đây. Từ khi nó trở mã, vợ anh Hai Phá Lường (cậu ruột của nó) thường mua tặng nó vải, lụa, có khi gấm Hồng Kông nữa. Anh Lường của tôi làm ăn thịnh vượng, có tiệm uốn tóc, có chảnh lúa, vừa cá khô ở Chợ Lớn. Mỗi tháng, anh có cấp dưỡng tiền cho cô cháu gái của mình. Chị Lường không có con gái nên cũng có ít nhiều ưu ái với Hoa Giải Ngữ. Mỗi kỳ đầu tháng, mẹ vợ tôi, vợ tôi, Ngữ và các con tôi rủ nhau vào Chợ Lớn ở chơi nhà anh chị họ của tôi cả buổi. Vợ tôi về sau, bằng lòng đứng làm thợ chảnh tiệm uốn tóc của anh Lường. Nàng không cần tiền lắm, nhưng nàng thêm khát không khí cũ. Việc nhà đều phú thác cho má vợ tôi. Con rể bà dấm dúi cho tiền bà nên bà chơi hai ba cái chân hụi. Tôi mua chiếc xe Simca để đưa rước vợ và đi làm, vì tôi còn dạy trường tư lớp tối nữa. Cảnh nhà dư dả, nhưng bà má vợ không cho vợ chồng tôi dời nhà. Nhà này là nhà hên, khiến cho gia chủ làm ăn khấm khá. Bà cũng không cho tôi sửa chữa như làm trần nhà, lợp ngói, sợ xui.

Mỗi khi rảnh rỗi, tôi ngắm nhìn con cháu trời đánh của mình, tôi nghĩ về chị Lìn. Cái gì dong ruổi cho chị sùng mộ Đức A-Di-Đà dù chị chỉ nói chuyện với sư cô Diệu Pháp bằng cách khoa tay múa

chân chỉ có một lần mà thôi. Cái “ngôn ngữ đó” đâu có phương pháp minh bạch và tinh thần khoa học như ở trường câm điếc, vậy mà sao người giảng dạy (sư cô Diệu Pháp) và người “nghe” (chị Lin) lại có thể thông đạt lẫn nhau? Cái gì xuôi cho chị Lin tìm nương nấu trong quyển Kinh khai mở về miền đất trong sạch và yên tĩnh của tâm thức? Vì sự bỏ đi biệt tăm biệt tích của ba chàng trai thợ mộc? Vì cơn chó chết khiến chị và tôi đau nằm liệt giường? Hay vì chị đã cảm biết số phận hẩm hiu của mình? Tôi chỉ biết một điều rõ rệt nhất là nếu tôi càng giải thích sự việc, tôi càng xa lìa sự thật. Sự thật có muôn nghìn bộ mặt. Những điều tôi thấy, tôi bắt gặp ở chị Lin cũng chỉ là vài ba bộ mặt của sự thật mà thôi. Đừng có tham vọng cắt nghĩa sự việc rồi dán nhãn cho nó để khoe cái điều mình hiểu biết. Đừng làm kẻ mù nắm vòi voi rồi cho con voi giống con đĩa... Tuy nhiên, bóng ma chị Lin mãi đến khi tôi trưởng thành vẫn gây cho tôi một niềm bí mật quyến rũ. Nó đưa tôi về cái huyền nhiệm không lường của sự hiện hữu của con người.

Trái với sự yên lặng, tẻ nhạt của mẹ, Hoa Giải Ngữ bùng bùng sức sống. Tôi có trực giác rằng nếu căn sức bùng bùng đó, tôi sẽ biến cải nó thành một mẫu người méo mó về mặt tinh thần. Nó hồn nhiên đùa giỡn một cách hiền lành, không chạm tới tự ái ai hết. Nó lười học. Má vợ tôi đâm hoảng xúi tôi viết thư về mết dì tôi. Bà còn vào Chợ Lớn báo động vợ chồng anh Lường. Anh họ tôi một hôm lái xe đến nhà tôi. Vốn có óc thực tế, anh nói :

— Nó muốn đi học Anh văn để làm sở Mỹ đó. Nó nói nó dốt toán, không thích giam mình trong lớp học. Thôi, kệ nó. Cái thứ tập chủng rắc rối đó khó dạy lắm. Hồi xưa, má tao với dì Bảy cầu Trời cầu Phật cho nó khỏi câm khỏi điếc là đủ mừng rồi.

Khi Ngữ trình học bạ lục cá nguyệt, thấy nó khá môn Anh văn lẫn Pháp văn, tôi dắc nó đi ghi tên ở trường London School, ghi tên ở Hội Việt Mỹ, ghi luôn ở Hội Văn Hóa Pháp. Anh Tư, anh ruột của tôi trách tôi:

— Hồi còn ở trung học, nó học giỏi lắm mà. Tại sao từ khi lên Sài Gòn, nó “xệ” dữ vậy? Tại em dễ dãi quá. Giao nó cho anh đi, anh uốn nắn nó.

Anh tôi chơi cây kiểng. Và do cậu Năm tôi truyền nghề, anh uốn loại cây bòn sa, kim quít, cần thăng tuyệt vời. Vậy mà, mấy đứa cháu họ, cháu ngoại hoặc cháu nội của mấy cậu tôi bỏ Vĩnh Long lên Sài Gòn ở nhà anh đều được anh uốn nắn trở thành các tay bửa củi, gánh nước, săn sóc bông kiểng (về phía con trai) hoặc giỏi phụ bếp, giỏi quét dọn (về phía con gái). Siêu luôn luôn có thành kiến xấu về chị dâu tôi (vợ anh Tư) nên ít lui tới họ. Nghe anh tôi đổ thừa, nằng lền nóng mũi đốp chát liền:

— Nè anh Tư, tui là em dâu anh. Nhưng tui cũng là dì con

Ngũ. Nó ở đây có cậu, có dì. Về đằng anh, nó sẽ gặp cái bà mợ dâu. Mợ dâu đâm trâu chém chó, coi lũ cháu chồng như con ở phải không?

Anh Tư tôi tím mặt, về nhà học thêm học bớt với vợ sao đó không biết. Chị dâu tôi đi cầu viện khí thế với hai bà chị ruột tôi để kéo đến nhà tôi làm dữ. Chị nào cũng son phấn hực hỡ, đeo hột soàn, cầm thạch choáng lộn để lấy le “con xẩm”. Vì ghét “con xẩm” có đôi lúc họ kêu là con “Lý Lệ Hoa lô can”. Dù ở Sài Gòn mà họ chẳng thèm đặt chân tới nhà tôi. Chỉ có tôi lui tới thăm họ thường, đèo theo lũ con tôi. Họ rất thương yêu em và cháu nhưng vẫn bền lòng oán ghét “con xẩm” vì “con xẩm” nóng tánh, hỗn dữ đã từng đốp chát chị chồng, chị dâu khi “nó” mới về nhà chồng. Phải nhìn nhận là tôi mê vợ, sợ vợ, nhưng “con xẩm” không có tật ăn hiếp chồng. Vả lại con Ngũ yêu thương “Ý Siêu” của nó nên cũng không hề đặt chân tới nhà họ. Từ khi nó trở mã, họ chẳng biết nó ra sao? Ba chị mài nanh mài vút để tới nhà tôi, hạ bệ “con xẩm Lý Lệ Hoa lô can” cho bỏ ghét. Họ tưởng đâu vợ tôi đầy xác con Ngũ, bắt nó bồng em, gánh nước, chẻ củi, nấu cơm nên nó tiêu tụy xác xơ, mặt mày xơ xác như anh tôi học lại. Dè đâu, Siêu rút lên gác, chỉ cho mẹ vợ tôi cùng con Ngũ châm trà đãi khách. Con Ngũ mặc bộ áo lụa mát bằng sa teng tây màu xanh cẩm thạch, tóc uốn theo kiểu tóc Brigitte Bardot, đi đôi dòn bằng nhung màu lục đậm thêu cườm. Hai bà chị ruột nhìn nhau. Chị Hai tôi khen :

— Chèn ơi, con nhỏ nầy lớn lên coi bộ muốt ruợt quá mà. Cái thứ con gái mà đẹp, khó lòng học hành. Hai đứa con gái tui đẹp thua nó xa.

Chị Ba tôi nói :

— Vậy mà thằng Tư nói vợ chồng thằng Năm đầy xác con nhỏ, nên con nhỏ bỏ học.

Ngũ hun bà mẹ vợ tôi cái chụt, rồi nói:

— Ổi tại con dốt môn toán nên con chán học. Nhưng con khá môn sinh ngữ nên cậu Năm cho con đi học chữ Ấng Lê, chữ Tây.

Ngũ trình học bạ cho hai dì và mợ dâu. Chị Tư tôi bí xị, mặt quạu đeo. Chị Hai tôi hớn hỡ ra mặt, nhưng cũng hỏi Ngũ:

— Ngũ lớn rồi, Ngũ muốn ở với dì không? Nhà dì rộng rãi...

Ngũ lắc đầu :

— Ở đây, muốn ăn hàng là có liền. Tối tối thứ bảy mặc sức mà đi coi cải lương ở đình Phú Thạnh, đình Hòa Hưng.

Bà mẹ vợ tôi vừa than vừa vuốt ve con Ngũ :

— Mấy pà cứ khen nó đẹp, nó lác chí ti chơi tầm pây tầm pạ, lở pị tụi chó lẽ dụ đồ mang pầu thì sao? Tại tại, má của mấy pà gởi nó cho ngộ, ngộ canh chừng nó mệt muốn chết à. Nuôi con nhỏ này mền tay mền chun, không lẽ giao nó cho các pà, chớ ngộ sợ lắm,

đuối có pề gì má của mấy pà chữi ngộ... Cái miệng nó ào ào, vậy mà với tụi chó lẽ cao pồi, nó khờ ịch lớ... Nó lớn xác mà ngu với tụi con chai...

Vợ tôi từ trên gác bước xuống. Nàng cũng lấy hết những món nữ trang cầm thạch hột xoàn đeo. Nàng mặc áo xường xám bằng gấm Hồng Kông màu đen giát kim tuyến. Nàng cao ráo, thanh cảnh, tóc uốn kiểu Lollo úp, tay cầm xác da cá xấu. Nàng có vẻ vừa lòng hai bà chị chồng, nên chấp tay xin lỗi:

— Em chậm tiếp hai chị vì em đang đau bụng máu nên sửa soạn đi bác sĩ đây.

Rồi nàng trách Ngũ :

— Chẳng mấy thuở dì Hai, dì Ba, mợ Tư con tới nhà mà con đãi trà Con Cua hay sao? Mau mở tủ lạnh đem xá xí, nước cam ra đây. Con gái lớn rồi, phải biết họ hàng thân thích chớ.

Sự lột xác của con Ngũ đã đổi thái độ hai bà chị tôi, và nó nối liền sự giao du mật thiết giữa họ và vợ tôi sau này.

Con Ngũ đi học văn hóa Âu Mỹ, có bạn Mỹ. Nó mặc juýp bó mỏng, mặc áo đàng ten, đi giày escarpin. Chị Hai tôi cho nó tiền may bộ áo đầm bằng “ga bạt đin” xám, rồi bắt nó trình diện cho chị coi. Một hôm con Ngũ mang một con chó giống Papillon đem về nhà. Con chó có cặp tai dựng đứng, vóc nhỏ thó, lông trắng có vá đen làm tôi nhớ đến con chó Vá cái năm xưa. Ngũ thú thiết với vợ chồng tôi :

— Cửa thằng Tép (Tab) cho cháu đó.

Siêu hỏi :

— Tép là ai ?

— Thằng bạn trai Mỹ của cháu. Nó dạy cháu về môn Short hand.

Má vợ tôi nhìn con chó chắc lưỡi :

— Hầy à, con chó này đẹp quá xá, ngộ lại mắc công giữ nó. Nó kiếm mấy con chó lục xấu xí mà leo thì sanh cái thứ tạp chủng xấu quắc lớ... Ngộ giữ con nhõ nầy đã mệt, còn giữ thêm con chó cái đẹp nầy à? Xao con nhõ không xin chó lục mà xin chi chó cái lớ ?

Siêu đắc chí :

Má cứ nuôi nó đi. Tui kiếm giống chó đực tốt cưới nó. Nó sẽ đẻ con đẹp. Tui sẽ tặng chó đẹp cho anh Lương, cho chị Hai, chị Ba, anh Tư.

Vốn thật thà trung hậu, má vợ tôi nói sao làm làm vậy. Con chó Aurore (tên do tôi đặt) được bả săn sóc, tắm rửa. Nó là nguồn vui của Ngũ và lũ con tôi. Má vợ tôi cứ kêu là con “Âu-lo” và nó làm bà âu lo thiệt. Con chó đực nào lảng vảng trước nhà tôi là bà vác chổi ra đuổi nó như đuổi tà kèm theo những tiếng “tiểu na má”. Tháng bảy âm lịch đến, là xiềng nó trong nhà, nó tru, nó hú ăng ăng

làm tôi bức mình phải thả ra. Vậy mà khi đi Chợ Đũi về, vợ chồng tôi thấy con Âu-lo đang đan diu với một con chó loại Bâtard lớn xác lông có vằn có vện, đôi tai cúp xuống. Trời ơi, con Âu-lo nhỏ thó, sánh với con “tạp chủng” kia quá thấp, quá nhỏ như trái cam so với trái bưởi. Lúc đan diu, hai chân sau của nó phải giở hồng lên như hai tay đẩy của xe “bồ ạch” mới dính vào khúc sau của con chó “tạp chủng”. Biết được tin dữ, bà mẹ vợ hét lên vừa kinh hoảng vừa thất vọng. Bà chạy lại rút đôi cặp chó đang du dương đê mê. Con “tạp chủng” tấp bà một cái in sáu dấu răng ở mu bàn tay. Thế là bà phải đi lại Viện Pasteur chích ngừa 21 mũi thuốc.

Tháng bảy đến, nắng chói chan. Trời không mưa là cả xóm ra đường, ra phong tên, ra sân, ra gác lửng hóng gió. Cả ngày chúa nhật tôi đi hồ bơi. Rảnh được chút nào tôi lên sân thượng nhà thằng bạn tắm nắng. Tôi kiếm chó đực loại Papillon để lấy giống đẹp cho con Âu-lo. Vợ tôi cũng âu lo về chuyện kiếm chồng cho nó. Con Âu-lo chê bọn đực rựa đồng chủng của mình. Nó khoái loại chó hộ pháp to lớn, bặm trợn... Hễ vừa thoát khỏi nhà là nó chạy ra đường rầy xe lửa tìm đực rựa dềnh dàng.

Chị Hai, chị Ba tôi một hôm rủ nhau đi Chợ Đũi ăn bánh xèo, ghé nhà tôi báo tin :

— Tụi bây hay gì chưa? Cái con tạp chủng đi coi hát với hai thằng Mỹ...

Má vợ tôi xanh mặt vừa sợ vừa giận. Chị Ba tôi nói:

— Dầu sao nó cũng lớn rồi. Bà đừng có đánh chửi nó mà lối xóm chê cười.

Mẹ vợ tôi khóc ngon ngọt. Lại có màn cật vấn, điều tra. Đời nào con Ngừ chối việc làm của mình. Nó khóc rầm rút :

— Con thích lấy Mỹ hè. Ai chê cười thì họ hờ mười cái răng. Không lấy Mỹ được thì con bỏ nhà, con đi. Thằng Tép nó đòi cưới con, hứa dắt ra tòa Đại Sứ làm hôn thú, rồi làm lễ cưới tại nhà thờ đường hoàng.

Má vợ tôi thều thào:

— Không có lực. Pà ngoại mầy sẽ chửi tao...

Tôi vào Chợ Lớn báo tin cho anh Phá Lường. Tuần sau, dì dượng cùng ba má tôi lên nhà anh. Cuộc hội nghị gia tộc sôi nổi bàn tán... Mặt con Ngừ đanh lại. Chồng chị Ba can gián :

— Thôi thì gả nó cho thằng Tép gì đó phúc cho rồi. Kệ nó, nên hư gì đó thì nó ráng mà chịu. Không gả nó cho Mẻo, sau này nó trách. Cái thứ tạp chủng là thứ liều mạng.

Anh Ba tôi là hiệu trưởng một trường Tư Thục ở Gò Vấp, vốn có uy tín nên dĩ tôi chỉ biết thở dài. Mẹ vợ tôi buồn lắm, kể như mất con Ngừ nên khóc nỉ non. Hôm sau nó dắt hai thằng Mỹ lại nhà anh Lường để giới thiệu với mọi người:

- Đây là Tab Smith, bạn của con, còn đây là Tom Smith, anh ruột của Tab.

Má vợ tôi bất mãn lắm, nói với má tôi:

- Ngộ nói không có lược mà. Gả con nhỏ nầy cho thứ người gì mà tên Tép thì lớn dĩnh dàng, còn tên Tôm thì nhỏ mà ốm nhom lờ. Có pao giờ mà tép lớn hơn tôm lờ? Kỳ quá mà.

Má vợ tôi quả thật không có tay nuôi con gái của mình hoặc bất cứ đứa con gái nào trong nhà, luôn cả con chó cái... Con gái độc nhất của bà lại lộn mì bẽ ống, **tống** tình cái "Thằng Duyệt Năm chó lẻ" đã không đợi cưới hỏi đêm đêm thả dây lược cho nó leo vào lầu... Còn con Hoa Giải Ngũ mà bà yêu thương như con ruột kia lấy chi cái thằng Tép dĩnh dàng mũi lõ, mắt xanh. Còn con chó Âu-lo kia cũng không chịu gả nghĩa với con đực đồng chủng, nó bất chước bà chủ lớn, cô chủ nhỏ đi lấy mấy con chó đực dị chủng. Từ lúc thằng Tép tổ chức lễ đính hôn thì con Ngũ gần như ở thường trực tại nhà vị hôn phu nó.

Tôi hợp với vợ tôi ở chỗ tánh cả ngơ cả ngất. Đánh rằng tôi thương yêu con Ngũ, tôi mến con Âu-lo, nhưng người và thú kia vẫn có cuộc đời riêng, tự do riêng. Mùa hè năm đó, đột nhiên Siêu như thay đổi. Nàng thích đi bộ cho chân dẻo và vóc thon. Sáng nào nàng cũng quơ vài củ động cho lưu thông mạch máu. Dù là làm thợ chánh ở tiệm uốn tóc đàn bà, nhưng nàng cũng cần có sắc vóc để coi, mái tóc chải khéo. Bấy lâu, tôi lo dạy học tư nên quên để ý tới "con Lý Lệ Hoa lô can" của tôi. Kỳ hè nầy, tôi không dạy thêm gì hết. Tôi nhẩn nha đi bơi ở các hồ tắm, và tắm nắng... Nắng hạ làm tôi say tình. Ngũ dắt má vợ và lũ con tôi đi đi Đà Lạt cùng gia đình chị Hai tôi... Nhà chỉ có hai vợ chồng. Siêu có vẻ háo hức. Nàng đặt thêm ba tấm gương lớn trên ba tấm vách ở phòng ngủ. Suốt ngày nàng miệt mài ở tiệm uốn tóc. Tôi nấu bếp để dành nàng về ăn cơm tối. Nấu xong là tôi đi bơi lội tắm nắng rồi đi rước vợ. Bữa cơm tối chấm dứt vào lối chín giờ tối. Siêu tắm rửa, khoác áo robe de chambre, rồi vào phòng, mở quạt máy. Chúng tôi làm tình thông thả. Ánh đèn lọc qua cái chao lụa hồng che giấu rất nhiều những nét rể tre trên hông, trên háng, trên đùi nàng. Ánh sáng phớt hồng trải lên dấu vết qua ba kỳ thai nghén đó một lượt phần mịn. Tôi ôm nàng thật chặt... Ngoài cửa, lũ chó đực, chó có chủ lẫn chó hoang chạy rậm rật. Con Âu-lo ở trong nhà không an, nó quào vào vách rột rột. Siêu không thể nằm yên mà hưởng nhịp đưa đẩy ân tình của chồng. Nàng cầu nhàu rồi mở cửa tống con chó đâm phụ kia ra ngoài cho khuất mắt.

Khi vợ tôi thiêu thiêu ngủ thì tôi vẫn còn chong đèn đọc kiếm hiệp. Mấy bà sồn sồn trong xóm la mấy đứa con gái mình sao cứ tụ tập ngoài phong tên nước. Thì ra, trời nóng làm cho bọn gái ở

trong nhà càng thêm rạo rức, xốn xang. Dù có gánh nước thuê hay không chúng cũng ra phong tên để bẹo hình bẹo dạng với trai. Quán nhậu ồn ào cho tới hai giờ khuya vì thuở đó chưa có lĩnh giới nghiêm. Ở xóm tôi, về đêm, cuộc sống òa vỡ rộn ràng. Nhà cửa cất sập vách và đầu đốt nhau nên các bà nội trợ tha hồ tùm năm tùm bảy ngồi lê đôi mách. Chuyện nhà ai, các bà cũng biết. Chuyện con Ngũ cũng là một đề tài hấp dẫn. Có đêm vợ tôi đi thăm anh Lương, tôi ở trong nhà tắt hết đèn chong trên gác, trên bàn thờ ở tầng trệt. Các bà tưởng nhà tôi đi không có ai, nên tụ họp trước hàng ba của tôi để bình phẩm con Ngũ, than nó đại đột, lấy chi thằng Mèo có cái lưng lớn cỡ cái divan... Có bà dám cam đoan mai sau con Ngũ đẻ khó, phải cho mổ, phải nhờ máy hút vì đứa con của thằng Tép sẽ lớn gấp đôi đứa trẻ thường.

Rồi kỳ nghỉ hè chấm dứt. Ngũ và các con tôi cùng bà má vợ trở về. Cuộc sống trở lại bình thường. Khí hậu Đà Lạt làm cho mặt mày Ngũ tươi hồng và mịn màng hơn. Nó vẫn đi học sinh ngữ vì đó là ý muốn của thằng Tép... Siêu lo chuẩn bị lễ cưới cho cháu. Vẫn theo tục lệ, Tép đem đôi bông tai nhận kim cương, mỗi hột năm ly làm sính lễ. Ngoài ra, còn có chiếc kiềng trơn, đôi vòng vàng. Cô dâu chỉ có cặp vòng cẩm thạch làm của hồi môn. Cặp vòng đó vốn là món gia bảo dành cho chị Lìn. Đám cưới được tổ chức tại nhà hàng Đồng Phát ở Sài Gòn, sau khi làm lễ tại nhà thờ Tân Định. Ngày hôm sau, chú rể phải mặc áo gấm đỏ đội khăn xếp và cùng vợ lạy ở trước bàn thờ ông bà tại nhà anh Phá Lương, trước khi mặc âu phục cài hoa trắng để đến nhà thờ. Còn cô dâu phải mặc áo gấm hồng, đầu đội khăn vành dây trong khi hành lễ theo tập tục cổ truyền rồi mới mặc áo dài trắng ten trắng, khoác áo voan trắng để hành lễ theo đạo của chồng ở nhà thờ... Má vợ tôi khóc nhiều không kém đi tôi và má tôi. Ba bà coi như cái thằng “tạp chủng” cướp sống mất con Ngũ. Ngũ cũng khóc mùi mẩn khi lên xe hoa về nhà thằng Tép... Vậy mà hai hôm sau, trong lúc ba má tôi và đi tôi còn nấn ná ở chơi nhà anh Lương, nó dắt thằng chồng cùng thằng Tom về thăm, đem theo vịt quay, thịt heo quay. Nó véo von khoe là nó sẽ đưa chồng đi thăm hết bà con ở Sài Gòn, không chữa nhà ai hết. Và nó thì thầm với vợ tôi gì đó rồi cười hăng hắc. Vợ tôi háy nó: “Đồ quý gì đâu ấy!”... Trước khi chia tay, Ngũ hun bà má vợ tôi chùn chụt, dặn dò bà nên mua thịt bò bảy nhẩy cho chó ăn hai lần mỗi tuần.

Siêu qua vụ gả cháu cũng có vẻ buồn. Nhà vắng Ngũ trống vắng lạ lùng. Cứ mỗi tuần, Ngũ lái xe chở các con tôi đi ăn hàng, hoặc cùng chồng đến viếng. Con nhỏ đó cư xử rộng rãi với mọi người. Bà má vợ tôi chửi nó xài hoang, cản dặn nó để dành tiền mua cẩm thạch, hột xoàn. Ngũ vừa đi học sinh ngữ, vừa đi làm sở

Mỹ. Thỉnh thoảng bà má vợ tôi dắt hai đứa con gái tôi lại ở nhà nó, làm cơm tàu cho vợ chồng nó cùng thằng Tom ăn, cho tới chiều tối bà mới về. Siêu phàn nàn:

— Con Ngũ hôm đám cưới mà đã có bầu ba tháng rồi. Nó rí tai nói với em rằng tội Tây tà, Mỹ mẻo chưa bao giờ hiểu được cái thú của đêm tân hôn... Nó là con quý, hễ muốn là cứ làm càn, làm bướng. Cái thứ tạp chủng khó dạy quá!

Nàng nhìn con chó Âu-lo cũng đang có bầu, lông xác xơ, đáng đi chậm chạp rồi cười:

— Thiệt chủ nào, con vật nấy.

Gần Tết, Ngũ kỳ kèo với chồng về Vĩnh Long thăm ông ngoại. Nó rủ đám con anh Lường, rủ luôn đám con chị Hai tôi. Con Túy Nguyệt, con chị Hai tôi lại chịu màu thằng Tom nên thân thiết với Ngũ lắm. Trước khi về Vĩnh Long ăn Tết, Ngũ mua bánh mứt và lập xường biếu vợ chồng tôi, và không quên biếu má vợ tôi xấp gấm màu dưa cải.

Tối ba mươi Tết, con chó Âu-lo chuyển bụng. Nhưng nó đẻ không ra. Lũ con trong bụng nó lớn quá. Cả đêm nó la oảng oảng, lết tới lết lui, không làm ai ngủ được. Chòm xóm cũng bị náo động. Bà má vợ tôi, cùng vợ chồng tôi không còn lòng dạ nào đón giao thừa. Tôi sợ Sở Thú Y sẽ đóng cửa vào ngày mồng một. Tuy nhiên, sáng sớm tôi vẫn bằng nó ra xe, chở nó đến đó. Những điều tôi lo sợ là đúng. Sở Thú Y đóng cửa từ ba mươi tháng chạp tới mồng ba Tết. Tôi đành đem con Âu-lo về. Trên xe nó cứ rặn, rồi thở và bước để lấy sức, rồi tiếp tục rặn, tiếp tục đau đớn, uốn vặn rên rỉ, mắt thất thần và tuôn lệ đầm đìa. Khi về nhà, tôi ngỗ lời với má vợ tôi nên đem lũ con vào nhà anh Lường để chúng không chứng kiến cảnh con chó dần dần đi vào cái chết. Cô con gái út trước khi đi còn hỏi tôi:

— Rồi nó sẽ được phải không ba?

— Thế nào nó cũng mạnh. Tôi trả lời yếu ớt.

Khi ở trong nhà chỉ còn có hai vợ chồng, tôi đóng cửa, treo bảng “Đi vắng” rồi ngồi ở ghế bành đọc báo. Siêu lấy hai bao bố tời lót cho con Âu-lo nằm. Cả hai ngồi đối diện với nhau. Thốt nhiên hình ảnh cái hôm tôi đưa con chó Vá dìm xuống sông, hình ảnh chị Lìn đau đớn trong cơn lâm bồn, hình ảnh cả nhà xúm xít bên giường chết của chị cứ hiện lên trên tấm màn u ám của ký ức. Tôi không khóc, nhưng lòng tôi nức nở. Và rải rác đâu đó đôi mắt thống khổ con Vá hiện lên, xen vào đó nụ cười rạng rỡ, láu lỉnh của con Ngũ. Những hình ảnh cứ chồng lên nhau, cái này xóa nhòa cái kia, rồi bị cái khác xóa lại. Nhưng có đôi lúc, một vài hình ảnh đồng chiếu rục rịch, chiếu rời nhau, hoặc chiếu cùng chồng lên nhau...

Chiều mỏng một trôi qua. Sáng mỏng hai, tiếng rên con Âu-lo yếu dần. Từ cửa mình nó, chất nước đen rót ra, rót ra, hôi tanh dữ dội. Siêu can đảm lau chùi nền gạch, vuốt ve con Âu-lo.

Con Âu-lo chết, trước khi hấp hối nó gượng đứng dậy, liếm tay Siêu và liếm gót chân tôi; ôi lần chót, nước mắt nó tuôn thật nhiều... Rồi nó ngã vật thiếp hẳn bật. Tới chiều, nó thở hắt ra. Hơi thở càng lúc càng mỏng dần, mỏng dần rồi dứt bật.

Mỏng ba Ngũ về. Nó khóc như mưa trong vòng tay vỗ về của thằng Tép. Con chó được đem chôn trong vườn nhà chị Hai tôi ở Xóm Gà (gần cầu tiêu ở cuối góc vườn). Cái Tết năm đó đối với vợ chồng tôi kể như tiêu tùng. Mỏng bốn vợ tôi đi làm, tôi ở nhà vừa uống bia, vừa xem kiếm hiệp. Nhưng có những đêm, tôi lại nghĩ nhiều về cuộc đàm thoại bằng cách khoa tay múa chân giữa sư cô Diệu Pháp và chị Lìn... Mãi tới bây giờ chưa có ai biết được cả hai nói những gì để chị không còn chiều chiều đứng ở bờ rào tre, nhìn qua xướng mộc ai là cha của con Ngũ. Không ai có can đảm tưởng tượng tấm thân xinh đẹp trắng trẻo của chị quẩn quại trong cuộc hành đâm với những tên trai quê mùa vì ai cũng dấn cho chị cái nhả thanh cao, còn cho mấy anh trai kia cái nhả thô lỗ. Ôi những cái nhả! Ôi những điều bí mật sau lưng chúng! Và có điều xa hơn nữa, tại sao chỉ thấy những cái ảnh vẽ tử mĩ trong quyển Kinh "Quán Vô Lượng Thọ Quang" chị Lìn sẵn sàng lao tới để nhờ sư cô giảng giải? Quyển Kinh này mô tả vùng đất sạch (Tịnh Độ) ở cõi Tây Phương, do Đức A-Di-Đà Phật làm giáo chủ. Ai quán tưởng được những cảnh ngộ mô tả trong Kinh, cùng quán tưởng chân dung của Đức Phật sẽ lần lần gạn lọc phiền não, cận bã uế trước trong tâm thức. Tâm thức có trong sạch thì mới tương ứng với vùng đất sạch ở cõi Tây Phương. Tuy Hai mà Một, tuy Một mà Hai. Hễ ta đã có miền tâm thức tương ứng với cõi Tịnh Độ (hoặc là cõi Cực Lạc cũng thế) thì lúc chết, thần thức ta được vào cõi Tịnh, thoát khỏi dòng sinh tử ở cõi uế trước như cõi trần gian mà chúng ta đang sống. Trong Kinh còn tả luôn nếu ai tu Tịnh Độ pháp môn, lúc chết mà đầu còn nóng thì sẽ vãng sinh vào cõi Tịnh Độ. Đầu chị Lìn vẫn nóng sau khi chị tắt hơi, nóng tới ba ngày. Mãi tới bây giờ, tôi vẫn không dám nói chị có vãng sinh hay không. Tôi chỉ biết một điều, từ lúc nghe giảng Kinh, bức tranh A-Di-Đà Tam Tôn đã đem cho chị Lìn tôi một bầu tâm cảnh an bình. Chị quên luôn cảnh ba anh thợ mộc bỏ đi và cảnh con chó Vá bị dìm giữa sông. Tâm cảnh an bình đó trải rộng vào giấc ngủ thiên thu của chị và tôi tưởng chừng chị không thấy những cảnh chia lìa, chết chóc nên sắc mặt chị tươi, đôi môi hồng thắm của chị mỉm cười hiền lành, một nụ cười thần tiên, siêu thoát. Nhưng tại sao tôi lại không hiểu rằng chính vì đã chứng kiến cảnh người yêu chia lìa

và cái chết thảm thương của con Vá mà chị Lìn lao về pháp môn quán tưởng để tìm miền đất trong sạch của tâm thức? Niềm bí mật về hoàn cảnh sống cùng cái chết của chị vẫn buông hoài hoài một tấm màn bí mật cho tôi, để lâu lâu tôi nghĩ tới, lòng rộn ngợp nhiều cảm giác khó diễn tả...

Giữa lúc tôi đang trầm tư, thì vào một buổi tối, cô nàng Hoa Giải Ngữ đem con chó Nhật Bản lông trắng mịn, véo von khoe :

— Con mua cho cậu và dì đó để thế con Aurore. Con này là con đực.

Khỏi nói, các con tôi mừng còn hơn bắt được vàng. Lập tức, chúng tìm cho con chó cái tên đẹp: Tarzan. Hoa Giải Ngữ nói thêm :

— Phen này, cậu và dì khỏi sợ nó chết vì đẻ đáí nữa.

Và nó cầm tay vợ tôi đặt lên bụng nó, khoe :

— Cái thai đẹp dữ quá. Chắc là tháng June cháu sẽ đập bầu. À, cháu cũng mua cho thằng Tép một con chó Caniche đẹp lắm, con này là chó cái, cháu đặt tên nó là Morning...

Sắc mặt con nhỏ rạng rỡ hân hoan, khoe mắt sáng ngời ngời, háo hức, thích thú. Còn lũ con tôi khỏi nói, chúng đã có con Tarzan trám vào khoảng trống mà con Âu-lo để lại sau khi chết vì đẻ đáí. Vì nó đẹp hơn con Âu-lo nên nó trám vào khoảng trống trong tâm hồn mỗi người thật mau, chỗ trám lại còn rục rỡ hơn, tiến thành một niềm vui xán lạn. Cái chết con Vá đã làm chị Lìn và tôi đau ốm vì quá xúc động... Tôi quên con Vá dần dần vì tại thiên bẩm, thiên tánh. Còn đối với chị Lìn biết đâu đó là một biến cố đem vào tâm thức khao khát giác ngộ của chị Lìn tới thời điểm chín muồi? Nhưng đối với cả nhà tôi, đối với tôi hiện giờ, con Tarzan đã giúp tất cả thỏa hiệp lại đời sống thường nhật, tìm lại niềm vui sống như cũ. Nhưng dù sao, sẽ có đôi lúc nhìn con Tarzan, tôi sẽ nhớ con Vá, con Âu-lo năm xưa mà cảm thương cho một cuộc phù ảo khổ đau. Chỉ nghĩ đôi chút mà thôi và rồi tôi vẫn phải thỏa hiệp với nhịp sống cũ: kiếm tiền nuôi con, ăn ngủ, làm tình với vợ, lâu lâu lạng quạng hú hí với đào... Một cuộc sống của một con người phạm phu, tầm thường, có cái tiểu sử viết không đầy một trang giấy với những biến cố mà đọc qua là bất buồn ngủ rồi.

Trước khi ra về, Ngữ yêu cầu vợ tôi thuật lại từng giai đoạn mà con Âu-lo vật vả với Tử Thần... Vả lại, Siêu thuật bằng giọng ráo hoảnh, còn Ngữ thì chêm những tiếng "Tội nghiệp quá!" Thật tỉnh táo, khô khan. Thôi dĩ vãng dù có thật, nhưng dĩ vãng nó đã qua, mà đã qua thì có vẻ không thực nữa. Phải quên dĩ vãng là hơn.

Tôi còn nhớ bà Bang Tài, mẹ của dưỡng Hai tôi, tức là bà cố của con Ngữ. Bà nuôi con mèo xiêm tên A Bảo từ lúc về nhà chồng. Con A Bảo này chết đi, bà mua con mèo xiêm khác thay thế, cũng

có tên A Bảo. Cho đến lúc bà già cả lẫn lộn, dù đã nuôi trên mười con mèo xiêm mà bà chỉ nhớ mình có một con A Bảo mà thôi. A Bảo sống với bà từ lúc bà 16 tuổi tới tuổi bảy mươi, già hơn cây bạch mai trước nhà bà. Vậy thì cả nhà tôi còn biết trọng con Âu-lo, còn biết đặt tên con chó thứ ba là Tarzan để có thể đôi lúc nhớ tới con Âu-lo mà khỏi sợ trùng lặp...

Cả nhà có Tarzan, Ngử có con chó giống Caniche... Tất cả lại có tương lai trước mặt nữa. Con Âu-lo phải càng lúc càng lùi vào dĩ vãng. Chẳng ai biết con chó Vá. Ngử lại không biết mẹ mình ra sao, biết kiếp phù sinh khổ tới bực nào. Thôi thì cầu chúc nó vui sống bên thằng Tép vậy.

Hồ Trường An

Trầm Hương ***Dấu mộng tiền thân***

*Bỗng dưng anh như vừa lên mười tám
Bỗng dưng em về lại tuổi mười lăm
Tình yêu trao rất vụng về thơ dại
Quen một ngày mà tưởng đã trăm năm*

*Chạm ánh mắt tim đã gần ngừng đập
Chạm bàn tay điện giật cả châu thân
Tình e thẹn giữa vô cùng ngượng ngập
Muốn nói yêu mà ngần ngại bao lần*

*Rời nắng phai, rời trăng tàn, sao mọc
Rời ngày qua, rời tháng rồi năm qua
Yêu say đắm quên cuộc đời, thế giới
Mặc tóc thay màu, mặc đổi làn da*

*Vẫn run rẩy những lần ta tưởng nhớ
Tim vẫn rộn ràng mỗi lúc nhìn nhau
Quen rất lâu mà vẫn như rất mới
Gặp nhau luôn vẫn tưởng thuở ban đầu*

*Yêu thương nhau dù không chung mái ấm
Tình yêu ta còn mãi đến nghìn năm
Bao kiếp trước mình đã từng thân ái
Đến kiếp này ta sống lại tiền thân.*

Nguyễn Đức Lập *Cũng còn cơ hội.*

“Vô đi chú Tám. Vô một hơi cho ngon lành coi. Đừng có thấy nó đục đục như vậy mà ghê. Mật rắn đó! Hổng mấy khi có đâu. Mẹ ơi, từ hồi cha sinh mẹ đẻ tới giờ tui mới thấy cái mật rắn lớn gần bằng đầu ngón tay.”

Sáu Thiệt vừa đẩy ly rượu đục lờ nhờ tới trước mặt Tám Thanh, vừa nói một hơi như vậy. Tám Thanh tủm tủm cười. Buổi tiệc này coi bộ xôm tụ dữ. Mà thiệt ra, có phải tiệc tùng gì đâu. Chiều nào Sáu Thiệt cũng bắt ghế ra, ngồi dưới giàn bầu, nhấm nhi ly rượu đế, ngó ông đi qua, bà đi lại. Vô phúc cho kẻ vừa ngó vô nhà Sáu Thiệt một cái, tức thì bị lão ngoắc vô, ép làm liền một ly. Hai người, ba người bị ngoắc, hết một ly, tới hai ly là thành bữa tiệc ngay. Sáu Thiệt lại có tính thảo ăn. Một mình lão thì lão nhậu làm sao cũng được, vài trái chùm ruột, nửa trái ổi cũng xong. Nhưng khi đã có hai ba người ngồi cùng bàn rồi, lão ra lệnh cho vợ con coi có cái gì ăn được là phải dọn ra hết. Vợ con lão rầu rầu thiệt tình về cái tánh thảo ăn đó. Nhưng lão bất chấp vợ con. Lão khoái bạn bè, miễn có bạn bè tụ lại là lão vui rồi...

Tám Thanh nghĩ lại tức mình. Hắn đâu có lạ gì cái tánh hiếu khách bất tử của Sáu Thiệt. Chiều nào ở rẫy về, hắn cũng tìm ngõ khác mà đi, tránh phải băng ngang qua nhà Sáu Thiệt, để khỏi phải bị tham gia vô những bữa nhậu của Sáu Thiệt một cách bất đắc dĩ. Vậy mà, chiều nay, hắn gặp Hai Phi ở dọc đường, vừa đi vừa nói chuyện, vui anh vui em, quên lửng mất chuyện “đề phòng”. Tới chừng nghe Sáu Thiệt kêu giựt ngược thì đã muộn...

Tám Thanh chưa kịp cầm ly rượu. Sáu Thiệt nhanh nhẹn gấp một miếng thịt gì đó, bỏ vô chén của Tám Thanh. Lão cười hề hề:

— Nè, rắn hổ hành đó ngen...

Vợ Sáu Thiệt đang ngồi chờ hổ trên ngạch cửa, vọt miệng góp vô liền:

— Ngon lắm đó chú Tám, tui nấu cả-ry với khoai môn, chú ăn thử một miếng coi.

Hai đứa con của Sáu Thiệt, thằng Bị và thằng Lượm, mỗi thằng ngồi dựa lưng vào một gốc cột của giàn bầu. Hai thằng nghech mặt lên ngó trôn trôn vào mặt cha tụi nó. Vợ Sáu Thiệt vừa dứt câu, thằng Bị tiếp theo liền :

— Con rắn bị tổ nái, anh Tám ơi, dài gần hai thước...

Thằng Lượm cướp lời :

— Em thấy trước, chớ hông phải thằng Bị thấy trước đâu, em cho gà ăn, thấy nó nằm một đống thừ lừ trong chuồng gà...

Thằng Bị cãi lại liền :

— Tao thấy một lượt với mấy chớ bộ. Bộ má để mấy cái miếng ra trước, nên mày la lẹ hơn tao...

Vợ Sáu Thiệt vẫn không rời khỏi ngạch cửa, mụ hỏi Tám Thanh :

— Ăn đi chú Tám. Hết tui lấy nữa, còn cả nồi...

Tám Thanh ngán ngẩm cho cái lối tiếp khách của cha con, chồng vợ nhà lão Sáu Thiệt. Hắn thò đũa gấp miếng thịt rắn đưa lên vô miệng, nhai ngồm ngoàm.

Sáu Thiệt cười hăng hắt :

— Thấy chưa, ngon dăng trời chưa. Con vợ tui mà nấu thịt rắn thì hông có ai chê nồi đâu. Phải hông chú Tám ?

Lão chìa mặt sát vô mặt Hai Phi :

— Phải hông chú Hai ?

Đối với Hai Phi thì lão khỏi phải mời. Nãy giờ, Hai Phi đã gấp liên tục hết ba đũa và uống hết hai ly rồi.

Vợ Sáu Thiệt khoái chí nghe chồng khen. Mụ đồng đánh :

— Rắn hổ hành này ăn nên thuốc lắm đó nghen, chú Tám. Ăn vô tới đâu hết đau lưng nhức mỏi tới đó.

Giọng mụ kéo dài ra :

— Mà phải biết cách làm kia. Hổng biết rút cái gân máu ở sống lưng của nó ra thì ăn vô lại bị đau lưng thêm. Nhiều người không biết mà hông chịu hỏi, thành ra làm trật lất hết trơn... Như con mẹ Tám Đài...

Đáng lẽ vợ Sáu Thiệt còn dài dòng nữa, nếu lão chồng không nạt ngang:

— Ê, ngồi đó mà nói dang ca. Vô mức một tô nữa coi. Mức nhiều nhiều thịt đó nghe.

Vợ Sáu Thiệt đi te te ra sau bếp. Thằng Bị và thằng Lượm vọt lẹ theo mẹ. Cái gì chớ “mức nhiều nhiều thịt” theo lệnh cha nó thì phải “đấu tranh” tới nơi tới chốn...

Sáu Thiệt vô thêm một ly nữa. Lão chim môi uống một hơi

thật ngon lành. Lão khà một cái như rần hổ đất. Lão vỗ vai Tám Thanh đồm độp. Hai mắt lão bắt đầu nổi gân đỏ. Mặt lão vốn đen, càng uống rượu vô càng đen thui. Lão nói lớn, không phải là muốn gây sự, mà vì giọng lão lúc nào cũng lớn như vậy:

— Bị chú Tám hổng biết tánh tui, cho nên chú cứ tìm cách né tui hoài. Tánh tui là vậy đó, chịu chơi, chơi tới cùng. Tui khoái có bạn có bè, ngồi nhậu mới vui. Chớ nhậu cu ky có một mình, thà cầm cả xị nốc hết một hơi rồi đi ngủ...

Tám Thanh chưa kịp nói gì, Sáu Thiệt đã tiếp luôn :

— Tui trách chú lắm đó, chú Tám. Chú chê tui nghèo, chú chê tui học hổng bằng chú, chú đâu có thèm ngồi nhậu với tui. Chiều nào, chú cũng bợc vòng qua mé nhà Năm Thời để tránh mặt tui. Bộ chú tưởng tui hổng biết hay sao?

Tám Thanh chống chế :

— Chú nói chi mà tội vậy, chú Sáu. Bị tui hổng biết uống rượu. Ngồi vô bàn nhậu, tui chỉ được cái nước phá mối. Như vậy, tui sợ mất vui.

Sáu Thiệt nghiêm nét mặt :

— Đó. Chú nói vậy là chú hổng biết bụng tui rồi. Tui nghèo thiệt, nhưng biểu bán nhà chơi hết mình với anh em, tui cũng bán như thường. Chú cứ ngồi đây, hổng uống được thì ăn. Có cái gì thì ăn cái nấy. Tui mà thấy chú vui, tui cũng vui lây.

Vợ Sáu Thiệt bùng ra một cái tô bốc khói nghi ngút. Mụ liếc xéo về phía Hai Phi một cái rồi để cái tô ngay trước mặt Tám Thanh. Miệng mụ đơn đả :

— Ăn cho nóng đi, chú Tám...

Tám Thanh nhìn vợ Sáu Thiệt. Chàng cười thầm với ý nghĩ ngộ nghĩnh so sánh vóc dáng của vợ chồng Sáu Thiệt. Ai đời, lão chồng thì to lớn đĩnh đạc, da đen như cột nhà cháy, hai con mắt thao láo, cặp môi dày sục như hai con đĩa trâu, trong khi đó, mụ vợ thì ốm nhom ốm nhách như con cò ma, mặt mũi lúc nào cũng xanh chành như người bị sốt rét kinh niên, cặp môi của mụ mỏng dính mà lại tum hùm, vằn vết tùm lum như có hàng trăm con cuốn chiếu đang chui đầu vô. Đặc biệt nhất là vợ Sáu Thiệt bị hư hết một con mắt. Câu tục ngữ mà người đời thường truyền tụng “thứ nhứt là voi một ngà, nhì là người ta một mắt”, áp dụng vô trường hợp của mụ Sáu Thiệt, coi bộ sai xa lắc xa lơ. Bởi vì, mụ hiền khô và nhát hít. Ai gây sự với mụ, mụ cũng cúi mặt đi xuôi. Mụ chỉ có cái tật ngồi lê đôi mách. Ngày nào, lão Sáu Thiệt vác xà beng đi đào giếng mướn hay vác cuốc đi làm công cho thiên hạ, y như rằng ngày đó mụ thả rả rề khắp đầu trên xóm dưới, tìm người nói chuyện cho đỡ buồn. Mà mụ đâu có chuyện gì để nói. Chuyện nhà của mụ có tốt đẹp gì đâu. Con gái mụ chưa hoang, bỏ nhà đi mất. Không biết

sanh nở ra sao, mụ chỉ nghe mấy thằng thanh niên trong ấp xăm xi là bắt gặp nó làm điểm ở công trường Quách Thị Trang tức là Bùng Binh chợ Sài Gòn. Chồng mụ tuy là thành phần cách mạng, nhưng lúc trước đã từng bị bắt về tội ăn trộm heo của bà Tám Báu. Những chuyện xấu xa của nhà mụ không lẽ mụ đem ra khoe, thành ra, đi tới đâu mụ cũng chỉ khoe những chuyện xấu xa của nhà khác mà mụ “tình cờ” biết được.

Những người đàn bà trong ấp lúc đầu cũng khoái nói chuyện với mụ, vì nhờ đó, mà biết được nhiều “chuyện hay tích lạ” của hàng xóm láng giềng. Nhưng thét rồi, ai gặp mụ cũng phải né xa như “có ghẻ né ruồi”...

Tuy mới dọn về ấp có mấy tháng mà Tám Thanh biết hết “tình hình dân sự” trong ấp cũng là nhờ ở vợ Sáu Thiệt. Mà biết như vậy, hấn cảm thấy buồn trong bụng, vì nếu theo như lời của mụ thì ai cũng xấu hết trơn. Như vợ chồng ông Tám Đài, tu tại gia, mỗi ngày tụng kinh gõ mõ hai lần, không tranh cạnh gì với ai, nhưng, theo lời vợ Sáu Thiệt :

— Chú đừng thấy vậy mà lầm “Lấy vải thưa che mắt thánh” đó, chú ơi. Vợ chồng con mẽ hời đó là thứ hung thần ác sát, chuyên môn bóp hầu bóp họng thiên hạ đó. Bây giờ, thấy cách mạng vô, làm bộ hiền. Chú hổng thấy con mẽ ra sao? Hai con mắt sắt lăm, liếc ai một cái cũng thiếu điều như muốn cắt cổ người ta.

Ngay cả vợ Sáu Minh, hiền như cục đất, ai nói gì cũng cười, ăn ở không mịch lòng tới một đứa con nít, vợ Sáu Thiệt cũng “phán” :

— “Giả đại qua ải” đó, chú ơi. Miệng bằng tay, tay bằng miệng đó, chớ hổng hiền lành gì đâu. Đánh chồng như đánh con. Hồi đó giựt hụi ở Bàn Cờ hết mấy trăm ngàn rồi mới trốn về ấp này...

Cho tới con Dung, con liệt sĩ, được đưa đi học lớp giáo viên mẫu giáo, về dạy cho mấy đứa con nít trong ấp, nói năng mềm mỏng, thưa gửi lễ phép, đi đứng đàng hoàng, vợ Sáu Thiệt cũng không từ :

— “Ở ngoài lồng lộng màu da, ở trong ghẻ cóc tiêm la đầy mình” đó, chú Tám ơi. Đừng tưởng nó đàng hoàng. Mới nức mắt mà đã ngứa trở trời đó. Chú hổng tin cứ đi hỏi mấy thằng thanh niên trong ấp coi, có thằng nào bộ mã được được một chút mà chưa ngứa với nó đâu. Nhiều khi nó hửng bắt tử, nó còn dám cho năm, bảy thằng chết chung một chỗ...

Vợ Sáu Thiệt thì như vậy, chuyện nhà ai mụ cũng biết và sẵn sàng rêu rao khắp ấp. Còn lão Sáu Thiệt chỉ hay nói về thành tích cách mạng của chính lão. Sở dĩ, Tám Thanh hay tìm cách tránh mặt lão Sáu Thiệt, một phần cũng là vì không muốn nghe những

thành tích cách mạng của lão. Ai đời, quanh đi quẩn lại có bấy nhiêu chuyện, mà lão nói hoài không biết mệt. Mọi người trong ấp hầu như ai cũng thuộc lòng “sự nghiệp” cách mạng của lão. Theo lão khoe thì tên thật của lão không phải là Nguyễn Văn Thiệt, sinh năm 1928, tại Gò Vấp như trong giấy tờ, mà là Cao Văn Lan, sinh năm 1926, tại Gò Dầu Hạ, Tây Ninh; thuở nhỏ, lão đi làm công cho lò đường; lớn lên, lão theo anh theo em làm thợ rừng; lần tham gia cách mạng trong thời gian này; phần việc của lão là giao liên và tiếp tế; thỉnh thoảng, “mấy anh” ở trong còn giao cho lão công tác dò la tin tức để biết đường đi nước bước của mấy ông chủ lò đường ở địa phương; sau, lão bị lộ, phải đổi vùng về Bà Chiểu, ở tại Ấp Đông Ba, phía sau trường trung học Đạt Đức của ông Phan Thuyết; lão gặp mẹ Sáu Thiệt tại đây; lão chạy xích lô máy, còn vợ lão thì làm thợ dệt; lão tiếp tục hoạt động ở nội thành; chiếc xe xích lô máy, ngoài việc dùng để đón khách kiếm tiền, còn có công dụng chở các “đồng chí” công tác, họp hành; đầu khoảng năm 1970, lão sanh tâm có nhân tình nhân ái; người đàn bà này có tên là “chị” Ba Tình; mẹ Sáu Thiệt nổi ghen dữ dội; mẹ không cần biết liên hệ đồng chung đồng chí gì giữa chồng mẹ với cái con “đĩ hà bá” Sáu Tình hết; mẹ rủ mấy người đàn bà vô công rồi nghề trong xóm đi bắt ghen; mẹ quyết lột áo tháo chỉ cái quần cướp sống chồng của mẹ; trận chiến xảy ra ngay trước cửa rạp hát Huỳnh Long, ở bên hông chợ Bà Chiểu; lão Sáu Thiệt và “chị” Ba Tình vừa coi xong vở tuồng thi ca vũ nhạc kịch Ấn Độ “Công chúa Cá - Phò mã cù”, tính đưa nhau ra quán Tư Sanh ở ngã tư Bình Hòa ăn mì vịt tiềm thì vợ lão và đám nặc nô ghen mướn xuất hiện; không nói năng gấu ó gì hết, mẹ Sáu Thiệt nhào vô tấn công liền; mẹ lột quần tình địch thiệt tình. Đám nặc nô theo phụ thì đề địch thủ của vợ Sáu Thiệt xuống. Mỗi mẹ nắm một nắm muối ớt, xát vô giữa hai bắp vế của cái quân “trốn chúa lộn chồng” một cách không tiếc thương, mặc kệ cho “đồng chí” Ba Tình la hét thất thanh; vụ đánh ghen ấy toàn thắng về phía vợ Sáu Thiệt; nghe phong phanh “chị” Ba Tình phải ngồi ngâm trong thau nước trà nấu sôi để nguội hết một ngày một đêm mới đỡ nóng rát; sau đó, không biết nghĩ sao, “chị” Ba Tình ra đầu thú ở Ty Chiêu Hồi Gia Định. Đường giây hoạt động của lão Sáu Thiệt, do lời khai của “chị” Ba Tình, bị bể hết trơn; lão bị bắt về bót Hàng Keo, bị tra tấn tới ói máu và mắc bệnh hậu cho tới ngày nay; lão nhứt định không nhận tội; bị giam hết một năm mấy, lão được thả; lão mua giấy tờ giả và đưa vợ con về dưới ấp này nhân dịp có một ông Mục sư lên ấp Đông Ba mộ bà con đi khẩn hoang...

“Sự nghiệp cách mạng” của lão Sáu Thiệt có chừng đó, hai lần làm giao liên và một lần bị tù vì lý do không mấy rõ ràng. Nhưng

vào thời buổi tranh tối tranh sáng, với thành tích này, lão Sáu Thiệt có võ ngực xưng danh cũng không phải là quá đáng.

Có lần Hai Phi đã kể cho Tám Thanh nghe về những ác cảm của đồng bào trong đắp đổi với vợ chồng Sáu Thiệt. Tuy vẫn thường xuyên uống rượu với Sáu Thiệt, nhưng miệng lưỡi của y khi nói về chuyện nhà của Sáu Thiệt rất là độc địa:

— Tui hổng biết cách mạng có đền bù gì cho ông chưa ngoài mấy cái giấy chứng nhận gia đình cách mạng, chớ coi bộ gia đình ông tan nát vì cách mạng. Con Thúy, con gái ông, hồi đó mềm mỏng, dễ thương. Vậy mà cách mạng vô, tham gia đoàn đảng gì không biết, tối ngày ở ngoài đường, lên tay xuống ngón, kề vai vỗ vế với đám công an, cán bộ, không sót một mặt nào. Tới chừng cái bụng nó chang bang, vợ chồng Sáu Thiệt mới hay. Hỏi ai là tác giả thì nó nói lung tung. Hỏi thét tới mới hay là trong số mười mấy thằng công an, cán bộ, thằng nào cũng có chấm mút vô đó hết. Đố ai biết được đứa con trong bụng nó do thằng nào đúc cốt, thằng nào tráng men... Còn vợ chồng ông hả? Hồi trước, tuy biết ông có tánh hay thấy máy đồ đạc của người khác, nhưng thương đám con, ai có việc gì cũng kêu vợ chồng ông làm để có tiền nuôi con. Bây giờ, hổng có ai dại. Mướn dân cách mạng để có gì nó tố cáo cho chết á!

Hai Phi còn nói thêm :

— Nói thiệt với chú Tám, tui hổng ưa gì ông. Đã mang tiếng đầu trộm đuôi cướp thì cúi mặt làm thinh cho rồi. Đàng này lại võ ngực xưng là cách mạng. Tui nghĩ cũng ngộ, hồi đó, ông hoạt động chớ hổng phải chơi đâu. Cách mạng nói nhiều về phẩm chất của các cán bộ. Nhưng, phẩm chất như Sáu Thiệt mà hoạt động cho cách mạng thì...

Hai Phi không nói hết câu, nhưng cái bộ cười xách mé của y cũng đủ khiến cho Tám Thanh hiểu ý của y muốn nói gì...

Tám Thanh thò đũa vô tộ cà-ry. Vợ chồng con cái nhà Sáu Thiệt ngó chăm chăm vô mặt Tám Thanh, làm như hần là một nhân vật thiệt quan trọng. Tám Thanh vừa nhai miếng thịt rắn, vừa gật đầu lia lịa :

— Ngon, ngon thiệt !

Con mắt độc nhất, kèm nhèm của mụ Sáu Thiệt sáng lên. Cái miệng tum hùm đầy vằn vết của mụ hành bánh ra. Mụ rồi rít :

— Thấy chưa? Tui đã nói mà. Hổng ngon đâu có dám mời chú.

Sáu Thiệt cũng cười hần hất. Hai mắt lão đỏ ngầu vì rượu. Lão giở cái ly của Tám Thanh lên, rồi lại để xuống. Lão nói chầm bầm :

— Phần của chú đó ngen. Ít nhiều gì, phần chú cũng có một

ly đó thôi, chú làm sao coi được đó thì làm.

Tự nhiên, lão cung hai tay đánh vô ngực bình bịch. Giọng lão hăm hừ :

— Tui vậy đó, chú Tám. Nói về nghèo, thì tui nghèo xơ nghèo xác, nghèo tận mạng, nghèo gia truyền. Nhưng tui ăn ở với ai cũng vậy hết, tui hổng có màu mè, khách khứa gì hết. Bụng tui nghĩ làm sao là miệng tui nói làm vậy thôi. Bị vậy mà hổng ai ưa tui. Tui hổng ưa ba cái quân thớ lợ, miệng lúc nào cũng anh anh chú chú, nhưng “dạ ngoài mặt, trở c sau lưng”...

Hai Phi ngưng đũa, coi mời có hơi động lòng. Tám Thanh đưa ly rượu lên miệng nhắm nháp, mặt hần nhần nhần vì hơi nồng của rượu và chất đắng của mật rắn.

Sáu Thiệt vẫn nói say sưa, không thềm để ý tới người khác. Giọng lão buồn buồn :

— Về thành tích của tui, khỏi cần nói chú Tám với chú Hai cũng biết rồi. Nội ấp này có ai mà tham gia cách mạng tích cực như tui. Bộ mặt Tư Định mà làm chủ tịch ấp. Còn thằng Sáu Hòa mà làm tổ trưởng công an...

Lão gật gù cay đắng :

— Kể cũng thất-cười. Tụi nó không hơn tui về mặt thành tích, nhưng về phía tui, tui thua tụi nó xa lắc xa lơ về cái tài bon chen, nịnh trên đạp dưới. Tui khinh hết thấy tụi nó.

Lão ngưng một chút để cầm ly rượu đưa lên miệng. Tám Thanh tần ngần không biết phải nói gì để đệm vô câu chuyện. Hần đành làm bộ mê ăn, gấp lẹ một miếng thịt rắn bỏ vô miệng, nhai ngồm ngoàm.

Thay vì khả một tiếng sáng khoái sau ly rượu, lão Sáu Thiệt lại thở dài áo nảo :

— Tui buồn đây là buồn cho ở “trên”. Ngày nào nói với tui là “chí công vô tư”, là “cần kiệm liêm chính”, mà bây giờ thấy rõ ra như hai với hai là bốn rằng quân nào khéo luồn lọt, khéo nịnh bợ, có thần có thế, cũng ăn trên ngồi trước hết thấy thiên hạ. Cái chuyện “chuyên chính vô sản” coi bộ xa vời quá đi. Nghèo như tui là nghèo rớt mồng tơi rồi chớ còn gì nữa. Mà tui có được hưởng gì đâu. Tui đợi chờ cả ba chục năm nay. Tui tham gia tới nỗi bị bắt như vậy, mà rồi bây giờ thấy rõ nhần tiền thì thiệt là hời ôi !

Hai Phi thở dài. Không biết là y thông cảm và chia sẻ nỗi buồn của Sáu Thiệt, hay là y muốn chấm câu giùm lão. Tám Thanh ngậm ngùi. Lần đầu tiên, hần nghe những lời tâm sự thiệt lòng của Sáu Thiệt.

Tám Thanh khề khà theo cái điệu “nói đầy đưa cho vừa lòng bạn”.

— Chính quyền còn mới quá mà, chú Sáu. Với lại ở đây chưa

được tốt, biết đâu ở những chỗ khác, cán bộ làm việc tốt hơn.

Sáu Thiệt cất lời áo nảo như lão đang ca một bài vọng cổ lúc xuống giọng “xề” :

— Ở đâu cũng vậy hết, chú Tám ơi. Mà lúc nào cũng vậy hết. Tui theo dõi “thời sự” nhiều hơn chú mà...

Chai rượu còn độ một phần tư. Hai tô cà-ry chưa hết. Nhưng bữa nhậu chấm dứt ngang vì mụ Sáu Thiệt xen vô. Mụ nạt chổng :

— Ông say quá lẽ rồi đó ghen. Lóng nầy sanh tật dữ rồi đó, uống có một chút đã sanh sứa nói bậy nói bạ tùm lum...

Mụ hấp háy con mắt ra dấu cho Tám Thanh và Hai Phi. Hai người nầy hiểu ý, đứng dậy :

Sáu Thiệt nằm gục trên bàn. Giọng lão đứt quãng:

— Ba mươi năm.. Tui già quá rồi... Thắng Bị thắng Lượm còn nhỏ xiu... Trời ơi!...

*
* *

Gà gáy đọt một, Tám Thanh đã nghe có tiếng người kêu cửa. Hắn chần chờ một chút để nhóng coi ai kêu. Khi nhận ra giọng Sáu Thiệt, hắn mới lật đật xỏ chun vô guốc chạy ra. Sáu Thiệt đứng ngoài cửa sổ. Ánh đèn lơ mờ, Tám Thanh chỉ thấy được đôi mắt của lão :

Lão ngoác Tám Thanh lại gần. Lão thăm thì :

— Tui đi. Chút nữa, chú vô nhà tui, coi có gì xài được, lấy về mà xài.

Tám Thanh chưng hửng :

— Chú đi đâu giờ này ?

Sáu Thiệt đáp nhỏ :

— Đợi tới sáng, thiên hạ biết được, hỏi đơn hỏi ren, lời thôi lắm. Thôi, chú ở lại mạnh giỏi. Tui biết chú cũng hồng ở đây lâu. Vợ tui nhắn lời chào chú. Mẹ con tui nó ra hết ngoài lộ rồi...

Sáu Thiệt dợm bước đi. Tám Thanh cố hỏi :

— Mà chú đi đâu vậy chớ ?

Sáu Thiệt rần giọng :

— Đi về Đồng Tháp. Bận bè mố nổi. Ở dưới rau rác tôm cá cũng nhiều... Tui già rồi, kiếm chỗ cho vợ con đỡ khổ và biết đâu, tui thằng Bị, thằng Lượm cũng còn cơ hội !

Nguyễn Đức Lập
(trích trong “Cuộc chiến tàn chưa”)



Nguyễn Văn phụ trách
**Thời sự văn học
nghệ thuật.**

TRUYỆN NGẮN RẦY CHẾT Ở PHÁP

Truyện ngắn, thể loại văn chương một thời được ưa chuộng ở Pháp, ngày nay đang lâm vào cảnh ế ẩm, ngay trên quê hương của những tay tổ viết truyện ngắn như Guy de Maupassant, Alphonse Daudet, Anatole France..., thế mới đau !

Đi đâu cũng gặp những ông chủ nhà xuất bản, chủ bút tạp chí lắc đầu với truyện ngắn. Lý do họ đưa ra rất thực tế : Truyện ngắn bán không chạy ! In làm gì ! Lâu lâu in dăm một tập truyện của những nhà văn đã nổi tiếng để lấy lòng ông mà giành những cuốn truyện dài sắp viết, thế thôi ! Còn những người viết mới, đừng có hòng ! Đó là lời bàn Mao tôn Cương của tạp chí Magazine littéraire ở Paris, số tháng 2.1986.

Nhưng..(cuộc đời còn đáng yêu nhờ những chữ *nhưng* này) Daniel Zimmermann, một tiểu thuyết gia kiêm thi sĩ Pháp, lại ưa chơi trò khó khăn. Ông vận động cơ sở David Kupfermann chịu bỏ tiền ra in một quí san dành riêng cho truyện ngắn, tên là *Nouvelles Nouvelles* . Số đầu tiên sắp phát hành, mà giới văn học ở kinh đô ánh sáng đã nôn nao chờ đợi . Xem thế mới biết dân Việt hải ngoại còn hách gấp mấy dân Pháp. Truyện ngắn của những cây bút mới được ân cần tiếp đón, được phổ biến rộng rãi khắp nơi qua hàng trăm tờ báo Việt ngữ, nhiều truyện xuất hiện đồng loạt trên nhiều tờ báo ở Úc, Âu, Mỹ châu.

SỐ PHẬN TRUYỆN NGẮN Ở MỸ

Quê hương của Mark Twain, O Henry, Jack London, John Steinbeck, Ernest Hemingway...những cây bút cừ khôi về truyện ngắn cũng không ân cần gì với thể loại lỗi thời này, y như ở Pháp.

Giống như ở Âu châu, truyện ngắn cũng đang rầy chết tại Mỹ. Vẫn một lý do đơn giản: Truyện ngắn bán không được! Báo Mỹ nhiều vô số kể, cuối tuần khệ nệ ôm cả đống báo vất vào thùng rác đến toát mồ hôi. Nhưng tin bạo hành, hiếp dâm, kiện tụng, thiên tai, điện ảnh ca nhạc thì nhiều, còn thơ với truyện ngắn thì biệt vô âm tín trên báo Mỹ.

Trên tạp chí *Writer* số tháng 3.86, xuất bản hàng tháng tại Boston, một nhà văn nữ Mỹ, Sandra Scofield lấy kinh nghiệm bản thân chỉ đường cho những người mới viết truyện ngắn muốn tìm chỗ in truyện của mình lên báo.

Bà khuyên đừng nên mất công gửi cho những tạp chí cỡ như *The Atlantic*, hay *The New Yorker*... Bà bảo hãy gửi truyện cho những tạp chí nhỏ ở các địa phương, nhất là ở các đại học. Cẩn thận hơn, bà nhờ tờ *Writer* liệt kê địa chỉ của gần 200 tạp chí loại này trên đất Mỹ. Bà còn cẩn thận ghi rõ tiền nhuận bút dành cho các bài thơ, truyện ngắn hoặc tiểu luận, bài điểm sách được chọn đăng trên những tạp chí nhỏ ấy.

Chẳng hạn tờ *Another Chicago Magazine* ở hộp thư 11223 Chicago Illinois 60611 (lại toà soạn hộp thư) chịu đăng thơ, truyện, khảo luận văn học với số tiền nhuận bút từ 5 đô đến 25 đô mỗi bài. Giá cả nghe mà thấm !

Tờ *Boston Review* ở 33 Harrison Ave, Boston thì giàu hơn, chịu trả cho những bài phê bình, điểm sách, điểm phim, điểm nhạc và sáng tác mọi loại mỗi bài từ 40 đô đến 150 đô.

Chung chung thì các tạp chí Mỹ trả mỗi trang in trên báo tiền nhuận bút 5 đô cho văn xuôi, còn thơ thì mỗi bài được trả 5 đô, như giá rao trên tờ *The Connecticut Poetry Review* ở New Haven.

Đôi tờ cá biệt đặt ra những điều kiện cá biệt. Chẳng hạn tờ *Japonophile* ở Box 223 Okemos MI 48864 đòi hỏi truyện ngắn gửi tới phải lấy khung cảnh tại Nhật. Trong truyện phải có ít nhất một nhân vật người Nhật, và một nhân vật không phải Nhật. Nghĩa là made in Japan trăm phần trăm không được, mà made in USA trăm phần trăm cũng không được. Điều kiện khó thể, nhưng giá mỗi bài được đăng chỉ có 20 đô. Ít ỏi quá. Toà báo biết vậy, nên hứa đến cuối năm, những truyện được chọn là hay nhất sẽ có một món tiền thưởng còm nữa.

Xem qua giá biểu nhuận bút ở Mỹ như vậy, thì các cây bút Việt Nam lâu nay chuyên viết chùa cho báo thập phương cũng đỡ cảm thấy cô đơn, tủi thân. Văn chương hạ giới, dù là ở Âu hay ở Mỹ, cũng đều rẻ như bèo. Giá cả từ *sale* đến *free* !

TRUYỆN KHOA HỌC GIẢ TƯỢNG

Trong lúc đó thì truyện khoa học giả tưởng lại được hâm mộ tại Mỹ. Người ta giải thích rằng nước Mỹ lập quốc mới gần đây thôi, bề dày lịch sử mỏng dính, nên không có được những kho huyền sử làm sáng đôi mắt trẻ thơ. Không có những truyện bắt đầu bằng “*Ngày xưa ngày xưa có một nàng công chúa..*”. Nhưng dân Mỹ hiếu động, tự tin, cái gì không có thì tạo ra mấy hồi ! Do đó truyện khoa học giả tưởng tuông ra ào ào.

Nhưng cái gì thịnh quá thì cũng kéo theo nhiều lời ong tiếng ve. Tháng 10 năm ngoái, tạp chí Mỹ Harper đăng một bài của Luc Sante nhan đề The Temple of Boredom chửi rủa văn chương khoa học giả tưởng thậm tệ, gọi đó là những thứ rệu rã, kịch cớm dung nạp đủ thứ tưởng tượng điên khùng .

Lập tức các nhà văn viết truyện khoa học giả tưởng phản ứng liền. Hội nhà văn khoa học giả tưởng họp hội viên lại tại Los Angeles tháng 2 vừa qua lớn tiếng báo nguy rằng phe mình bị đàn áp, bị bôi xấu, rằng tờ Harper có ác ý đáng khinh. Những tác giả viết truyện khoa học giả tưởng uy tín như Gregory Benford (vừa viết truyện vừa là giáo sư vật lý của đại học UC Irvine) lên tiếng bênh vực cho cả sứ mệnh văn chương lẫn khoa học của thể loại sáng tác này. Ông còn bảo bài báo trên khiến độc giả truyện khoa học giả tưởng căm phẫn, có người gọi điện thoại dọa giết người viết bài báo đó.

Cãi qua cãi lại rồi cũng huề tiền ! Độc giả Mỹ vẫn khoái đọc truyện khoa học giả tưởng , điện ảnh Hollywood vẫn làm phim khoa học giả tưởng, và người robot vẫn tiếp tục thắng người trần mắt thịt. Chưa biết lúc nào máy computer viết truyện khoa học giả tưởng ra đời ?

THI SĨ CUNG ĐÌNH MỸ

Việt Nam ta có câu : *Phú quý sinh lễ nghĩa*. Nước Mỹ phú quý vào bậc nhất thiên hạ, nên cũng thích chơi trò vua chúa. Mới đây, Thư viện Quốc Hội Mỹ vừa phong cho Robert Penn Warren tước hiệu *thi sĩ công huân* một tước hiệu mà hoàng gia Anh vẫn phong cho các thi sĩ bậc nhất của Anh để các ông này làm thơ quan hôn tang tế trong triều. Thi sĩ Mỹ Warren nay đã 80 tuổi, từng ba lần đoạt giải văn chương Pulitzer lại gần đất xa trời, nên nghe tin trên không lấy gì làm khoái. Ông tuyên bố sẵn sàng nhận tước hiệu danh dự đó, nhưng bản khẩu nói : *Tôi đã bỏ cả đời làm thơ. Nhưng bắt tôi ngồi xuống rặn ra thơ với một đề tài có sẵn, thì chịu thôi ! Thơ không phải là thứ mà bất cứ ông công chức nào cũng làm được !*

Bà vợ của thi sĩ Warren thì nóng tính hơn chồng. Bà bực dọc

bảo : Chuyện phong thi sĩ công huân chẳng qua chỉ dùng để đánh bóng cho các ông hoàng bà chúa. Còn đây là xứ dân chủ mà !

Tội nghiệp ông cụ Warren ! 80 tuổi còn vướng cái ách giữa đường. Mong cụ sống lâu thêm vài chục năm nữa, để có dịp làm thơ ca tụng các tân tổng thống vào năm 1988, 1992, 1996, 2000..là những năm bầu tổng thống Mỹ.

THI SĨ CUNG ĐÌNH NGA

Trong lúc thi sĩ Warren bối rối với tước hiệu mới chưa biết phải làm thơ quan hôn tang tế ra sao, (ngay cả cái tang đau đớn cho cả nước Mỹ trong vụ phi thuyền Challenger nổ) thì một “thi sĩ công huân” (hoặc nói nôm na là cán bộ phục vụ thơ) Nga sô lại tỏ ra quen nghề hơn.

Yevgeny Yevtushenko thi sĩ Nga mới 52 tuổi, lại quen lòn lách qua bao nhiêu gọng kềm của chế độ sô viết, nên Yevtushenko qua mặt Warren cái ào. Tại đại học Northridge Nam California, tháng 3 vừa qua, Yevtushenko ngâm thơ chiêu hồn bảy liệt sĩ Mỹ hi sinh trên phi thuyền Challenger, ví von gọi chiếc phi thuyền bị nổ ấy là *Con thiên nga trắng bị thương, con thiên nga trắng làm bằng hơi thở cuối cùng của bảy linh hồn tan loãng...*

Ông ngâm thơ sang sảng cho thính giả Mỹ nghe về đủ mọi đề tài ,từ bài thơ khóc Che Guevara cho đến những bài thơ đả kích bọn bàn giấy quan liêu, từ những bài chống lại bọn muốn khống chế văn nghệ cho đến những bài kêu gọi hoà bình. Trông có vẻ ngang tàng lắm !

Khi được báo Mỹ phỏng vấn, ông trả lời rằng hễ là văn nghệ sĩ thì tứ hải giai huynh đệ. Không có hàng rào nào ngăn cách giữa Yevtushenko và Allen Ginsberg, Lawrence Ferlinghetti, William Styron, Norman Mailer..Nhưng với bọn thư lại, thì không anh em em chi hết ! Dù là thư lại Nga hay thư lại Mỹ ! Nghe khí phách lắm !

Nhưng chuyển đi “phục vụ thơ” tại Mỹ của thi sĩ Yevtushenko làm sao không nằm trong kế hoạch của bọn thư lại của điện Cẩm Linh , là dùng một thi sĩ công huân được Tây phương ưa chuộng để “rao giảng Hoà Bình thế giới” trong khi khắp Liên xô đâu đâu cũng ráo riết xây thêm xưởng chế tạo vũ khí và nhà tù ?

BREYTEN BREYTENBACH, CHÀNG RỂ QUÍ

Còn nhớ cách đây đúng một năm, khi Văn Học Nghệ Thuật bộ mới số 1 ra mắt, Nguyễn Văn được giao cho việc lượm lật tin

văn nghệ năm châu. Đúng hồi đó, nhà văn nữ Pháp vừa tung ra cuốn tiểu thuyết *L'Amant* bán chạy như tôm tươi. Cuốn truyện tình lấy khung cảnh Việt Nam thời Tây thuộc địa, chàng nàng yêu nhau tại Việt Nam, nên cả tin những bài đăng trên báo Việt, Nguyễn Văn vội loan là một nhà văn gốc Việt Nam trở thành văn hào ăn khách tại Paris. Tin đó về sau phải đính chính, vì Marguerite Duras là đầm bảy mươi hai phần đầu, không có pha phách chút máu VN nào cả.

Nhưng hiện nay thì Nguyễn Văn lấy làm chắc loan tin rằng dân Việt chúng ta đang có một chàng rể nổi tiếng quá trời. Chẳng những vậy, chàng rể quý ấy nổi tiếng là nhờ một cô dâu Việt của chúng ta. Chàng rể ấy là thi sĩ Nam Phi Breyten Breytenbach.

Câu chuyện lâm ly bắt đầu từ lúc cậu sinh viên Nam Phi con nhà quyền thế Breytenbach được cha mẹ gửi qua Paris học để sau này về quê làm ông lớn. Qua Pháp, Breytenbach phải lòng ngay một cô gái Việt Nam, cô Ngô thị Hoàng Liên, và cưới cô làm vợ. Chuyện hôn nhân dị chủng như vậy không có gì đáng nói! Nhưng vì Nam Phi kỳ thị chủng tộc, cấm đoán các cuộc hôn nhân giữa người da trắng và người da màu, nên Breytenbach không được phép hồi hương. Hai vợ chồng đành sống lưu vong tại Pháp suốt 13 năm. Đến năm 1973, Breytenbach lén lút trở về Nam Phi, liên lạc hoạt động với các tổ chức bí mật chống kỳ thị chủng tộc trong nước, bị theo dõi, bị bắt, bị kết tội khủng bố chống chính phủ và lãnh án 19 năm tù. Ở tù được 7 năm, Breytenbach được tha, nhưng bị trục xuất sang Pháp năm 1983. Bảy năm biệt giam trong những xà lim khắc nghiệt nhất Nam Phi đã trở thành nguồn thi hứng cho Breytenbach, giúp ông trở thành thi hào số 1 của Nam Phi hiện nay.

Nhưng nếu đi xa hơn nữa, thì nguồn thi hứng đầu tiên của ông, động lực khiến ông dẫn thân vào cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc, là người thiếu nữ Việt Nam mang tên Ngô thị Hoàng Liên.

Hồi tháng 4 năm ngoái, sang đại học UCLA diễn thuyết, Breytenbach có đem "Nguồn thi hứng" đi theo, rất tiếc là tờ LA Times không chụp hình Nàng Thơ để bà con dân Việt chiêm ngưỡng. Tháng hai năm nay, nhà xuất bản Seuil ở Pháp đã cho xuất bản một lượt hai dịch phẩm dịch từ tác phẩm quan trọng của Breyten Breytenbach, cuốn *Une saison au Paradis* và cuốn *Feuilles de Route*. Cuốn *Une saison au Paradis* ghi lại những xúc cảm bồi hồi của Breytenbach sau 13 năm lưu vong được đặt chân lại lên quê hương. Cuốn *Feuilles de Route* thì tập hợp những bài tiểu luận, nhật ký, thơ, bài báo, diễn văn ông viết từ 1966 đến 1985. Không biết trong hai cuốn sách đó, chân dung Nàng Thơ thấp thoáng trên

bao nhiêu trang giấy ?

TIN TRONG LÀNG

Trong lúc đó thì trong làng văn làng báo Việt hải ngoại có một số tin vui buồn lẫn lộn :

* Đầu tiên là tin nhà thơ kiêm dịch giả Hán văn của nhiều bộ sách khảo cứu văn chương Hán Nôm quan trọng, cụ Hồng Liên Lê Xuân Giáo, đã qua đời ngày 26.2.1986 tại Los Angeles, và được an táng tại nghĩa trang Green Hill, San Pedro Cali ngày 8.3.86.

* Tin từ Pháp cho hay bà quả phụ, vợ cố thi sĩ Đinh Hùng cũng đã từ trần tại Xóm Cây Bàng, Thủ Thiêm VN. Từ năm 1976, gia đình thi sĩ Vũ hoàng Chương đã về nhà bà Đinh Hùng tá túc, chính nơi đây, nhà thơ Vũ hoàng Chương đã từ trần sau khi bị chở từ nhà tù về. Cũng cần nhắc lại bà Vũ hoàng Chương nhũ danh là Đinh thị Thục Oanh, là chị ruột của nhà thơ Đinh Hùng.

* Tin từ Pháp xác nhận lần nữa là nhà thơ Hoàng Trúc Ly đã qua đời, sau khi giới văn nghệ VN trong nước chịu cái tang của nhà văn Kiêm Minh.

Về những tin vui, nhiều tác phẩm quan trọng đang in sắp phát hành nay mai sẽ khiến cho năm 1986 này trở thành một năm nở rộ của văn học tự do hải ngoại.

* Phong Trào Thanh Niên Hành Động Xã Hội tại Pháp, trong cuộc tiếp tân các anh chị em văn nghệ cộng tác viên hồi trung tuần tháng 2, có cho biết vào mùa hè này, nhà xuất bản của Phong Trào sẽ cho in tập truyện *Gành Ráng*, tác phẩm của Huyền Châu nhà văn nữ được ưa chuộng nhất hiện nay tại hải ngoại. Đây là tác phẩm đầu tay của Huyền Châu, nói về đời sống của chính tác giả tại một làng ven biển thuộc Qui Nhơn. Trong năm qua, nhà xuất bản này đã cho in hai cuốn : *Lớp Sóng Phế Hưng* của Hồ Trường An, và *Hội Tuyển Thi Ca*.

* Hồ Trường An có lẽ sẽ là tác giả có sách in nhiều trong năm nay. Tại Pháp, anh đã giao cho nhà xuất bản Lạc Hồng truyện dài *Nửa Chợ Nửa Quê*, một truyện dài hoạt kê tả rất chi li tâm lý phụ nữ thế hệ trong thập niên 50.

Tại Mỹ, nhà xuất bản Văn Nghệ cũng chuẩn bị ấn hành cuốn *Hợp Lưu* của Hồ Trường An

* Hai nhà văn khác tại Pháp cũng sẽ có tác phẩm in trong năm nay. Nhà văn Kiệt Tấn có tập truyện sẽ do tạp chí Làng Văn in tại Canada. Nhà văn nữ Phan thị Trọng Tuyển cũng có một tuyển tập truyện ngắn đầu tay do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành trong năm nay.

* Nhà thơ Thái Tú Hạp cho biết nhà xuất bản Nhân Văn ở San

Jose đang cho in tập thơ của Luân Hoán. Nhà thơ này hiện sống tại Canada, và mặc dù chưa ổn định, anh đã có thơ đăng trên hầu hết các tạp chí văn chương quan trọng tại hải ngoại.

* Nhà xuất bản Úc Trai tại San Jose vừa phát hành thêm cuốn thứ ba, *Người Giết Tàn Cối*, kịch tái bản của Phan Tùng Mai, sau hai cuốn *Biển và Người* của Đoàn văn Xuyên và *Cao Bá Quát giữa hồn thiêng sông núi* của Tường Vũ Anh Thi.

* Nhà xuất bản Lạc Việt của Yale Center For International and Area Studies, Council on Southeast Asia Studies đã cho phát hành cuốn thứ ba trong bộ sách nghiên cứu dịch thuật Lạc Việt. Cuốn đầu tiên của bộ sách này là *Flowers From Hell*, dịch thơ Nguyễn Chí Thiện, dịch giả là giáo sư Huỳnh Sanh Thông. Chính nhờ bản dịch này mà những lời thơ chống cộng của Nguyễn Chí Thiện đã được giới trí thức văn hoá thế giới biết tới, từ đó Nguyễn Chí Thiện được trao giải Thi ca quốc tế.

Cuốn thứ hai là *Việt Nam, Hồ Quý Ly and the Ming (1371-1421)* một công trình nghiên cứu công phu của giáo sư John K. Whitmore. Cuốn thứ ba vừa được phát hành là *The Song of a Soldier's Wife*, bản dịch Chinh phụ ngâm của Huỳnh Sanh Thông, minh hoạ của nhà văn Trùng Dương.

* Sau khi phát hành cuốn *Đời Viết Văn Của Tôi* của nhà văn Nguyễn Hiến Lê, nhà xuất bản Văn Nghệ đang ráo riết chuẩn bị phát hành cuốn thứ hai, *Tùy Bút I* của nhà văn Võ Phiến, tập đầu trong 18 tập của toàn bộ văn nghiệp Võ Phiến.

Theo ông Võ Thắng Tiết cho biết thì sau cuốn *Tùy Bút I*, nhà xuất bản Văn Nghệ sẽ lần lượt cho in những tác phẩm của Bình Nguyên Lộc, Võ Hồng, Giản Chi, Nguyễn Mộng Giác, Hồ Trường An, Phan thị Trọng Tuyển. Hai cuốn sách sẽ được phát hành sau cuốn *Tùy Bút*, chắc chắn là cuốn *Mùa Biển Động tập 3* của Nguyễn Mộng Giác, và một tác phẩm quan trọng khác của Võ Phiến sẽ được phát hành vào mùa hè này.

CẢM TẠ

Trong nỗi buồn đau mất Cha quá lớn lao cuối tháng Chạp Ất Sửu vừa qua, chúng tôi hết sức biết ơn các thân hữu gần xa đã có những lời chia sẻ ưu ái và chí tình. Đặc biệt cảm kích những dòng Phân ưu của Toàn thể Ban chủ biên hai tạp chí Văn Học Nghệ Thuật và Văn Học, cùng các văn hữu.

VỠ ĐÌNH VÀ TANG QUYẾN

Điểm sách

Đáy địa ngục của Tạ Tỵ

Người điểm : Hà Quân.

*Tác phẩm : Đáy Địa Ngục. Tác giả : Tạ Tỵ. Cơ sở xuất bản : Thăng
Mỹ . 1985. Sách dày 678 trang. Giá 15 Mỹ kim.*

Trong hàng loạt sáng tác phẩm ra mắt năm 1985 , hai tác phẩm *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh và *Đáy Địa Ngục* của Tạ Tỵ có những điểm tương đồng mà độc giả thoạt tiên không thể không lưu ý tới :

* Hai tác giả đều là nhà văn nhà thơ đã có sách xuất bản trước năm 1975 ở trong nước.

* Nội dung hai tác phẩm nêu trên đều trình bày về những năm tù cải tạo do chính tác giả trải qua, trong hệ thống trại giam “tập trung học tập cải tạo” của cộng sản Việt Nam.

* Nhưng điểm nổi bật nhất là hai tác phẩm đều có một bề dày đồ sộ hơn bất cứ tác phẩm nào có mặt trong năm 1985.

Người đọc cầm cuốn sách lên , bề dày rõ rệt thể hiện lên ở gáy và sức nặng của cuốn sách ,gây cảm giác ham thích đầu tiên. Hướng nữa bìa trình bày trang nhã và đẹp, tựa đề lời cuốn kích thích trí tò mò. Lật vài trang sách, chữ in rõ và sạch, tiết mục phân minh. Giá bán tương đối hợp lý...tất cả những yếu tố này tạo nên giá trị thực tế của tác phẩm đối với giới độc giả hiện nay.

ĐÁY ĐỊA NGỤC, LỜI TỐ GIÁC MỚI VỀ TÙ CẢI TẠO

Cuốn *Đại Học Máu* được viết khá phóng bút, khai quật những “quặng mỏ” sự kiện còn nóng hổi trong lòng người viết. Giọng văn Hà Thúc Sinh sôi nổi lột tả nếp suy nghĩ của lớp tương đối trẻ trong thành phần tù cải tạo. Mặc dù trong *Đại Học Máu* có những đoạn diễn tả tính cách đầy ải và hận thù của Việt cộng đối với quân cán chính Miền Nam, nhưng nổi bật vẫn là thái độ khinh mạn giễu cợt của người tù cải tạo đối với hoàn cảnh và bọn cai tù trong các trại tập trung.

Cùng mục đích làm nhân chứng tố giác trước đồng bào hải ngoại và dư luận quốc tế chính sách vô nhân đạo của Việt cộng, nếu khung cảnh của Đại Học Máu là các trại giam ở Miền Nam, thì trong Đáy Địa Ngục, có đến hai phần ba tổng số trang nói về các trại giam ở Miền Bắc.

Đáy Địa Ngục được viết theo thể truyện ký, diễn tiến theo thời gian. Với giọng kể chùng mực, thành thực, và truyền cảm, nhà văn Tạ Ty đã dẫn dắt người đọc qua từng trang, từng chương, đi sâu dần vào hoàn cảnh tù đầy mỗi lúc một khó khăn lên, mỗi lúc một khổ ải, mỗi lúc diễn biến càng dồn dập phức tạp, diễn tả nổi cùng cực của một loại đời sống đặc biệt nhất trong loài người hiện nay : đời sống trong tù Việt cộng.

Tù Việt cộng là thứ gì ?

Là hoàn cảnh mà những con người được vắt vào đó bị đối xử như những con vật, đôi khi không bằng được con vật. Họ luôn luôn sống trong lo âu, hồi hộp, chẳng biết chuyện gì sẽ đến với họ buổi sớm mai khi thức dậy, sau một đêm trần trọc với ác mộng và muỗi rệp. Họ *ăn không đủ no, đói không đủ chết*, nên lúc nào miếng ăn cũng ám ảnh đầy vò họ, làm khổ sở ...không mùa nào họ có thể tìm thấy chút gì để tạo nên nguồn hi vọng (trang 14, Tựa, Đáy Địa Ngục) .

Mấy dòng tóm tắt của phần mở đầu cuốn Đáy Địa Ngục đã cô đọng tình cảnh và tâm trạng lớp tù cải tạo cả Miền Nam lẫn Miền Bắc Việt Nam, không những chỉ từ năm 1975 trở về sau mà còn trước đó nữa.

Tình cảnh và tâm trạng của những người bị Việt cộng giam cầm, trước đây đã có những cuốn sách đề cập tới như *Trại Đầm Đùn* của Trần văn Thái, *Những năm tập trung cải tạo ở Bắc Việt* của Trần Huỳnh Châu, *Cùm Đở* của Phạm Quốc Bảo, *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh, ... và có nhiều, rất nhiều cuốn khác sắp sửa được xuất bản. Nhưng cuốn Đáy Địa Ngục của Tạ Ty là những chứng tích mới mẻ nhất đóng góp vào bản tố cáo tội ác của Việt cộng. Chứng liệu cụ thể ở ba trại giam Miền Nam và năm trại giam Miền Bắc mà Tạ Ty đã trải qua trên 6 năm tù đầy đã phong phú hoá hồ sơ tố giác sự vi phạm nhân quyền của cộng sản VN.

DỐI TRÁ VÀ THÙ HẬN

Suốt từ đoạn bắt đầu cuốn sách, nghĩa là từ lúc các đoàn tù rời khỏi địa điểm trình diện đến trại tập trung thứ nhất, cho tới phần chót cuốn Đáy Địa Ngục, không đoạn nào trong suốt 678 trang sách tác giả lại không nói tới những hành động lừa bịp dối trá của Việt cộng.

Chẳng hạn VC nói dối về vấn đề di chuyển để đánh đòn tâm lý, cho tù không gây rối loạn xôn xao, nói dối rằng hạn tập trung cải tạo chỉ có ba năm nhưng thực ra chúng có thể kéo dài vô hạn định, tạo những điều lệ nội qui trại làm ra vẻ nghiêm chỉnh, kỹ thuật áp dụng trong những lần bắt tù khai báo lý lịch, đặt ra những buổi kiểm thảo phê bình trong tổ, buồng, đội... rồi cấy những báo cáo viên trong tù để ganh đua lập công, tạo mâu thuẫn giữa các cá nhân tù với nhau bằng những lời hện hão... Tất cả tù đều rơi vào tròng lừa bịp của chúng. Đó là kỹ thuật lừa bịp trong hệ thống cai quản tù của Việt cộng.

Nhà văn Tạ Ty đã ghi nhận được khá đầy đủ những kỹ thuật lừa dối xảo trá đó : Chẳng hạn việc thông báo sĩ quan và viên chức VNCH trình diện học tập một tháng, tổ chức dàn cảnh những "trại tù kiểu mẫu" để các phái đoàn ân xá quốc tế và phóng viên ngoại quốc vào thăm. Chẳng hạn những lần Việt cộng dàn cảnh cho dân và trẻ con thuộc các địa phương Miền Bắc ném đá chửi rửa khi xe chở tù cải tạo chạy qua (các trang 327, 336, 337 chương Trên đường ra Bắc). Cảnh người đàn bà vừa bế một đứa con vừa dắt một đứa con nữa đến trại tập trung Long Giao thăm mộ chồng bị tên bộ đội gác cổng cầm súng đe dọa không cho thăm (trang 85, chương 1). Những cảnh đó khiến người đọc có thể nghĩ dân chúng Miền Bắc đã bị guồng máy tuyên truyền cộng sản lung lạc nên tỏ ra thù hận với tù cải tạo từ Miền Nam ra .Không hẳn như vậy. Tạ Ty đã cho người đọc thấy một số cảnh tượng khác trong Đáy Địa Ngục :

* Trang 536 đoạn diễn tả xe công an chở tù lẫn xe công nhân bị dân chặn lại, và chửi rửa : "ĐM tụi công an, chuyên ăn hiếp người".

* Trang 537 diễn tả cảnh người dân Miền Bắc xúc cảm thương xót thực sự khi thấy những xe chở tù xuống phá qua sông Hồng : "...Có một bà tóc hoa râm đứng cạnh chiếc xe. Bà nhìn vô, thấy chúng tôi bị còng, không hiểu sao, mắt bà rung rung tràn lệ. Sợ tên công an vũ trang nhìn thấy, bà quay mặt đi. Tôi thấy đôi vai nhỏ run run như không nén được xúc cảm...".

* Trang 516 diễn tả kỳ vọng của dân Miền Bắc mong được Miền Nam giải phóng khỏi chế độ cộng sản , qua lời một người tù Miền Bắc lớn tuổi : "Cứ tưởng mấy anh giải phóng chúng tôi, chứ ai ngờ tụi nó giải phóng các anh ! Như vậy là thế nào ? Phải sống dưới chế độ này suốt đời à ?"

* Thậm chí có những tên bộ đội hoặc công an trại giam tỏ vẻ hết sức căm thù với tù chính trị như tên Hải bộ đội ở Suối Máu, những tên Thịnh, Hồng, công an ở các trại giam Miền Bắc..., nhưng sự thực chúng chỉ lấy lý thuyết căm thù do Đảng tuyên truyền để làm

bình phong che giấu lòng tham lam lợi lộc mà thôi. Chẳng hạn tên công an tên Kỳ vì muốn đoạt chiếc bật lửa Zippo của tù nên bắt nạn nhân lột trần truồng ra mà khám. Lòng tham không đáy khiến hắn cướp luôn hai vĩ đá lửa Ronson trong gói quà thăm nuôi của nạn nhân. Ở các trang 509, 510, 511, Tạ Ty đã lột tả được lòng tham ti tiện của tên công an, qua những câu như : *Tên Kỳ mắt sáng lên... Hôm sau, tôi thấy tên Kỳ châm thuốc lá bằng chiếc Zippo, nó còn tung lên, bắt lại như khiêu khích. Màu sáng bạc lấp lánh dưới ánh nắng..*”

Nhưng cái quan trọng nhất Tạ Ty nêu ra được trong Đáy Địa Ngục là: Hệ thống tuyên truyền lừa bịp gây chia rẽ giữa dân Miền Nam và dân Miền Bắc, giữa các thành phần trong xã hội của cộng sản, trong thực tế, đã bị hoá giải. Hoặc ù lì sống cho qua ngày qua thời như dân chúng. Hoặc biến thái thành những hiện tượng khác như tham nhũng hủ hoá trong đám cán bộ.

Ngay trong hàng ngũ được cộng sản chọn lọc kỹ càng và trung thành với Đảng nhất là bọn công an, qua lời thuật của Tạ Ty, vẫn có những người còn giữ lại được một ít nhân tính. Chẳng hạn trang 623 ,Tạ Ty cho biết chính một tên thiếu úy quân giáo than thở : “ *Các anh không biết đấy chứ. Được hai chữ “anh hùng” nhưng đói bỏ mẹ! Các anh đói còn có gia đình thăm nuôi. Chúng tôi đói, đành chịu! Muốn may một chiếc sơ mi phải để dành năm tháng, không dám tiêu phí đồng nào. Muốn mời anh em bữa cơm, phải để dành tiêu chuẩn cả tháng. Sung sướng nổi gì đâu mà ham! Tôi chỉ mong “các ông nhà nước” nghĩ lại cho dân nhờ, chứ kéo dài thế này thì chắc chết quá”.*

Và tác giả nhận xét : *Tôi ngạc nhiên khi thấy một cấp sĩ quan công an lại nói với tù bằng luận điệu mất lập trường như vậy. Nhưng càng ở lâu, tiếp xúc nhiều, mới biết tụi công an trừ một số trung kiên cuồng tín, phần đông, tuy không nói ra, nhưng tinh thần đã chao đảo, nếu có cơ hội sẵn sàng bỏ Đảng và Nhà nước để mưu cầu quyền lợi riêng cá nhân.”*

NHỮNG BỨC TRANH THỦY MẠC

Cuốn Đáy Địa Ngục đã được nhà văn Tạ Ty viết với giọng văn khá chùng mịch và truyền cảm. Nếu cuốn sách chỉ có nội dung kể lại cuộc đời đã qua của tác giả thì nó là hồi ký .Nhưng trong Đáy Địa Ngục, tác giả đã soi rọi trí óc , hồi tưởng để vẽ ra một khung cảnh rộng lớn hơn, ngoài phạm vi cá nhân của ông, mở rộng đến một số người cụ thể trong một tình cảnh chung, một sinh hoạt chung. Nhưng trong cái chung đó, lại có những hành động và thái độ phức tạp, khác biệt nhau. Tất cả đã được sắp xếp, chọn lọc lại.

Với nội dung như vậy, Đáy Địa Ngục đã vượt ra khỏi lãnh vực của hồi ký, trở thành một thể loại khác, như truyện ký chẳng hạn. Vì vậy, giá trị văn chương cũng trở nên đặc sắc hơn.

Mặt khác, nhà văn Tạ Ty đã là một họa sĩ nổi danh từ lâu với những họa phẩm vẽ theo trường phái lập thể. Kiến thức hội họa của người viết bài này vốn nông cạn, nên không dám lạm bàn đến vấn đề này. Nhưng trong Đáy Địa Ngục, dường như nhờ đôi mắt tinh nhạy của một họa sĩ mà Tạ Ty đã viết ra được những đoạn tả cảnh thật tuyệt vời, nhất là trong hai chương “Trên đường ra Bắc” và “Suối độc rừng thiêng”. Phần lớn những câu tả cảnh đều ngắn gọn, sắc nét và cô đọng, như những nét tranh thủy mặc. Chúng ta thử đọc mấy đoạn dưới đây :

* Trang 366 : *“Tôi xem đồng hồ tay, mới hơn năm giờ chiều, nơi đây đã chạng vạng. Tôi ngẩng mặt nhìn vòm trời, màu mây vẫn xanh biếc, những dãy núi cao bao vòng xung quanh chiếc thung lũng nhỏ, đã không cho ánh sáng lọt vô.*

Từ chân núi, bốc lên làn sương mỏng, đó là khí núi ! Màu núi tím ngấn ngắt trông dễ sợ”

*Hoặc trang 342 *“Sương mù đã tan, dải mây trắng giăng ngang dãy núi phía trước, đẹp như bức tranh. Ở dưới chân núi, rất nhiều mái lá nhấp nhô. Màu vàng óng của tre nứa nổi bật giữa màu xanh thẫm của núi rừng, tạo nên hoà sắc tuyệt diệu ! Trại tù này khá lớn, được xây dựng giữa khu lòng chảo rộng. Xung quanh núi rừng bao che như vòng tay khổng lồ ôm đàn con nhỏ. Nhiều con đường mòn chạy ngang dọc như vẽ vào khung cảnh nơi đây những nét tài hoa. Tôi giương đôi mắt nhìn theo đàn chim rừng bay vút như cắt ngang vòm trời...”*

*Trang 336: *“Trăng càng lên cao càng sáng. Làn ánh sáng dịu dàng toả nhẹ trên cảnh vật núi rừng đẹp như giấc mơ...”*

Bên ngoài sương mù đã buông bức màn mỏng. Vầng trăng tròn xoe như chiếc đĩa thủy ngân treo lơ lửng giữa vòm trời thép bạc...”

Từ mấy đoạn tả cảnh trên, chúng ta thấy được sự rung động của một họa sĩ trước màu sắc và bố cục của cảnh vật thiên nhiên, với vài nét chấm phá rất thủy mặc. Và chính những đoạn tả cảnh này điểm xuyết thêm những nét son đặc sắc cho văn chương cuốn Đáy Địa Ngục.

CHÂN THỰC VÀ TÌNH NGƯỜI

Ưu điểm quan trọng đáng kể nhất của Đáy Địa Ngục, theo tôi, là tác giả đã chinh phục được người đọc bằng những sự kiện thực, bằng diễn biến tâm trạng sống động, bằng những phản ứng và thái độ rất người.

Trước tiên là nhân vật chính xưng *tôi*, tức tác giả. Nhà văn Tạ Tỵ đã không ngần ngại vạch trần cả những cái xấu lẫn cái tốt của chính mình trong suốt dọc dài cuốn sách, qua ngòi bút chùng mực và truyền cảm của ông.

Ngay chương đầu, nhân vật *tôi* trong truyện đã thú nhận mình sa vào vòng lừa bịp của Việt cộng như thế nào: từ *học tập* sang *tù*, vấn đề khai báo lý lịch và chuyển trại... Trong các chương sau, nhân vật *tôi* đã từ tâm trạng hoang mang sợ hãi vì áp lực tình vi của chính sách tẩy não và chế độ khổ sai của Việt cộng lúc ban đầu dần dần chuyển biến tâm trạng theo thời gian : từ bức tức đến căm giận, từ chua xót đến tủi hổ, từ khi mạnh khoẻ bảo đảm lao động đến lúc kiệt sức bắt buộc phải lánh nặng tìm nhẹ để sinh tồn, từ những chia sẻ đùm bọc đến việc ăn vụng vì đòi hỏi cấp thiết của thể xác, từ thái độ “nhắm mắt đưa chân” đến phản ứng liều lĩnh khi bị dồn đến đường cùng... Tất cả đều được tác giả lột tả một cách chân thực, rất người.

Cũng với lối nhìn khách quan đó, Tạ Tỵ đã trình bày trung thực những con người tiêu biểu trong các tầng lớp tù cải tạo. Những nhân vật tương đối bình thường chìm trong diễn tiến câu chuyện như Lâm , Mậu, hân không thiếu. Nhưng nếu có những người tù cải tạo kiên cường như Hùng, Sơn, Lam , Hạnh...và các anh em trong đội 12 ,thì cũng không thiếu những người lộ rõ bản chất hèn hạ dù trước 1975 họ là tướng tá, bác sĩ, quận trưởng...là thành phần cao được nhiều ưu đãi nhất tại Miền Nam Việt Nam.

Đối với lớp tù hình sự ở Miền Bắc, Tạ Tỵ cũng cho người đọc thấy họ chỉ là nạn nhân của chế độ cộng sản mà thôi. Trong lúc đó, còn rất nhiều người tù chưa đánh mất lương tri, nên vẫn đối xử tốt với người cùng cảnh ngộ.

Tính cách quân bình trong lối trình bày nêu trên cho người đọc nhận ra cái chân thực đầy tình người của ngòi bút Tạ Tỵ. Từ yếu tố này, Đáy Địa Ngục không những là bản cáo giác mới nhất tố cáo sự phi nhân của chế độ lao tù Việt cộng, mà còn là một tác phẩm văn chương giá trị trong nền văn học Việt Nam hải ngoại.

Hà Quân

CÁO LỖI : Vì có nhiều bài vở thuộc chủ đề TIỂU THUYẾT nên Văn Học xin gác lại một kỳ hồi ký Anh Sáng và Bóng Tối của Hoàng Liên. Hơn nữa, vì số trang có hạn, nên Văn Học số 3 không thể đăng một số truyện ngắn định dành cho số này. Chúng tôi sẽ cho đăng trên Văn Học số 4 kỷ niệm một năm VHNT và VH vui buồn với bạn đọc.

Bài nhận được

Ban Chủ Biên tạp chí Văn Học đã nhận được các bài sau đây :
Trái tim thơ không thương xót bạo tàn, Cảm ơn lời chúc năm mới,
Viết mãi trang thư vẫn dở dang (thơ NT) Cuộc nội chiến(truyện
của M) Chiều phi trường (thơ TKND) Nỗi lòng của Bill Harita (truyện PMT)Mai ngày hẹn lớn (thơ TPK) Sầu khúc, Mất em,
Dáng chiều, Lạc lối(thơ VY) Dịch bản Gimpel the Fool của VY,
Bức tranh sen (thơ HT) Xuân về nào có hay, Ta nửa đời bỏ
bút(thơ PCN) Canh bạc dịch của HĐN, Xét lại trường hợp Plato
và thơ (NQ) Lời cho con tương lai(thơ NTG) Mây tà(thơ HLN)
Hãy tô yêu em (thơ BP) Thăm chồng (thơ NTG) Người yêu dấu(thơ NHH)
Bài thơ xuống đường ưthơ NPN) Tết xa xứ, thất tình(truyện VDA)
Tập ghi về thơ(NY)Vòng luân hồi, Đoản khúc cho tuổi hoa niên,
Dòng đời không đổi(văn của TĐ)

Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quý bạn. Những bài chọn
đăng, chúng tôi sẽ gửi thư riêng để xin quý bạn đừng gửi cho báo
khác.

Sách báo nhận được

Văn Học đã nhận được các sách báo sau đây do các thân hữu
gửi tặng :

* Đáy Địa Ngục, hồi ký lao tù của Tạ Tỵ, Thăng Mỗ xuất bản,
dày 687 trang, giá 15.00.

* Nhân Quyền số 12.85

* Đêm Lãng Quên, tập truyện của Nguyễn Tư, xuất bản tại Úc
năm 1986. dày 168 trang, giá 10 Úc kim

* Hồng Trần, thơ Cung Vũ, tạp chí Làng Văn Cannada xuất
bản , in đẹp, bản đặc biệt không đề giá bán.

* Tập san Văn Hoá Việt Nam(Culture Journal) Volume 4, No
4 Winter 1985 do hoạ sĩ Nguyễn Quỳnh chủ trương, xuất bản ở
New York. Địa chỉ liên lạc để mua tập san nói trên :

55 Park Terrace East B 10 ,New York, NY , 10034 USA.

* Măng Non, số 16,17 tờ báo của trẻ Việt hải ngoại xuất bản
tại Đức do Ngô Nguyên Dũng phụ trách bài vở.

Trân trọng cảm tạ quý bạn.

ĐẶNG TRẦN CÔN & PHAN HUY ÍCH

CHÍNH PHỤ NĂM

THE SONG OF A SOLDIER'S WIFE

a bilingual edition

translated and annotated by HUỲNH SANH THÔNG

illustrated by TRÙNG DƯƠNG



The LẠC-VIỆT Series — No. 3

COUNCIL ON SOUTHEAST ASIA STUDIES
YALE CENTER FOR INTERNATIONAL AND AREA STUDIES

US\$7.00 (including postage)

Please make your check or money order payable to Yale Southeast Asia Studies and send it to:

Yale Southeast Asia Studies

Box 13A Yale Station

New Haven, CT 06520 USA

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ DANH TIẾNG

SULLIVAN



ĐỒNG BẢO TẠI ORANGE COUNTY

Nói tiếng Việt xin gọi số:

(714) 895-6850

ĐỒNG BẢO TẠI LOS ANGELES COUNTY

Nói tiếng Việt & Trung Hoa xin gọi số:

(213) 738-7327

Ở XA XIN GỌI TOLL FREE 1-800-531-0020

9061 BOLSA Ave. #205
WESTMINSTER, CA. 92683

GIỜ LÀM VIỆC:

Từ 9.00AM đến 6.00PM

(Thứ Hai đến thứ Bảy)



2024 North BROADWAY #205
SANTA ANA, CA. 92706

2252 BEVERLY Blvd #207
LOS ANGELES, CA. 90057

GIỜ LÀM VIỆC:

Từ 9.00AM đến 6.00PM

(Thứ Hai đến thứ Bảy)



One MANCHESTER Blvd.
INGLEWOOD CITY HALL #500
INGLEWOOD, CA. 90301

9 LÝ DO

Bị Tai Nạn Phải Tìm Cho Được
VĂN PHÒNG LUẬT SƯ DANH TIẾNG

SULLIVAN

1. Luật Sư lừng danh khắp nơi vì đã thắng nhiều vụ kiện trên 1 triệu dollar. Đặc biệt trong vụ cháy khách sạn MGM tại Las Vegas ông đã đem về 14 triệu cho thân chủ.
2. Đang thụ lý nhiều vụ kiện lớn như vụ rớt máy bay PAN AM tại New Orleans, KOREAN AIRLINE tại không phận Nga Xô. Riêng đối với cộng đồng Việt Nam, ông đang thụ lý vụ kiện hãng bảo chế thuốc dưỡng thai Bendiclin, và các vụ tai nạn chết người.
- 3/ Văn Phòng Luật Sư chuyên về tai nạn lớn thứ ba tại California với hơn 40 luật sư và nhân viên công tác, gồm cả những luật sư từng là chánh án, biện lý và công tố viên tại tòa án Hoa Kỳ, và 8 văn phòng quốc nội và quốc ngoại.
- 4/ Kinh nghiệm 18 năm trong ngành luật. Đấu tranh tận tình cho thân chủ tại tòa (thương thẩm và Tối Cao Pháp Viện).
5. Biệt tài hùng biện trước tòa và các cơ quan hoà giải. Uy tín với các hãng bảo hiểm. Mưu lược khi thương lượng để đạt kết quả tối đa.
6. Rất nặng nợ với người Việt Nam. Cựu đại úy Thủy Quân Lục Chiến tại chiến trường Việt Nam. Từng tham gia các trận đánh lớn và đã giải ngũ với anh dũng bội lĩnh vì bị thương tại chiến trường biên giới Việt Miên.
7. Là người bạn chân tình của cộng đồng Việt Nam. Phục vụ cộng đồng Việt Nam từ năm 1975 với hàng ngàn thân chủ hài lòng và quý mến.
8. Là người giúp cho thân chủ được hưởng quyền lợi tối đa khi bị tai nạn.
9. Chỉ nhận thù lao khi thắng kiện.

THAM KHẢO LUÔN LUÔN MIỄN PHÍ

BÁC SĨ
TRẦN NGỌC NINH

Phòng mạch chữa bệnh và giải phẫu
tại Trung Tâm Y Khoa Bristol
2720 South Bristol, Suite 206
Santa Ana, CA 92704

(714) 549-2252

Làm việc theo hẹn
từ thứ hai đến thứ sáu



- *Nguyên Giáo sư Y Khoa đại học Saigon*
- *Thạc sĩ Y Khoa Pháp*
- *Hội viên hội Chỉnh trực và thương khoa Pháp*
- *Hội viên Hội Chỉnh trực và thương khoa quốc tế*
- *Nguyên giảng viên khoa giải phẫu tiểu nhi
đại học Pittsburg, PA.*
- *American Board of Orthopedic Surgery*
- *Hội viên hội Giải phẫu Tiểu nhi Anh và Pháp quốc*
- *Hội viên Hội giải phẫu Pháp.*



Y - NHA KHOA

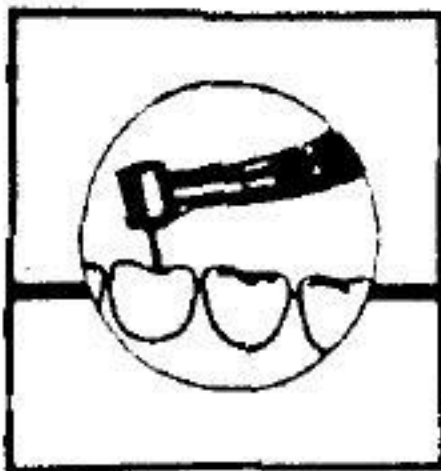
14265 Brookhurst St.
(Giữa Westminster và Hazard)
Garden Grove, CA 92643
(714) 531-3263

Nữ Bác Sĩ Y Khoa NGUYỄN THỊ NHUẬN

Tốt nghiệp chuyên môn Nhi Khoa tại UCI Medical Center
Bác Sĩ điều trị những bệnh viện lớn
vùng Long Beach và Orange County

CHUYÊN TRỊ BỆNH TRẺ EM KHÁM BỆNH PHỤ NỮ

Giờ làm việc :
Thứ Hai đến Thứ Bảy : 10AM-6PM
Chủ Nhật : Theo hẹn



Nữ Bác Sĩ Nha Khoa NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

**NHA KHOA TỔNG QUÁT
NHA KHOA NHI ĐỒNG
NHA KHOA THẨM MỸ
RĂNG GIẢ CÁC LOẠI**

Ứng dụng máy móc kỹ thuật tối tân nhất

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDI-CAL

*Dành mọi điều kiện dễ dàng cho quý vị có bảo hiểm
hoặc trả tiền mặt.*

THAM KHẢO MIỄN PHÍ

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến thứ Sáu : 10AM-7PM
Thứ Bảy : 10AM-5PM



Bác Sĩ HUỖNH HỮU CỬU

Diplomate, American Board of Ophthalmology

Trị bệnh mắt, Giải phẫu mắt, Làm kiếng, Soft Contact Lens

Làm việc theo hẹn

Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm

9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683

(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)

(714) 531-9401



Bác Sĩ BÙI ĐỒNG

Nguyên Giảng Huấn Trường Đại Học Y Khoa Saigon

Nguyên Sĩ chuyên môn Bệnh viện Bình Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính

Hội viên Hội Hàn Lâm Viện Ngoại Da Hoa Kỳ

CHUYÊN TRỊ

- Bệnh ngoài da và hoa liễu (Skin Diseases & Venereal Diseases)
- Bệnh Dị ứng (Allergy)
- Giải phẫu da (Skin Surgery)

9559 Bolsa Ave, Suite A, Westminster, CA 92683

(714) 531-4616 / 4617

Thư gửi quý độc giả dài hạn

Kính thưa Quý Bạn,

Số báo Văn Học quý bạn vừa nhận được là kết quả cố gắng của Ban chủ Biên Văn Học Nghệ Thuật và Văn Học cùng các văn hữu cộng tác suốt 12 tháng qua. Đối với quý bạn đọc đặt mua dài hạn tờ tạp chí này ngay từ số đầu V HNT ra tháng 5.1985, chỉ còn một số nữa là hết hạn mua dài hạn năm thứ nhất.

Đối với các bạn mua từ những số sau, số báo cuối cùng hết hạn chúng tôi có ghi trên nhãn địa chỉ dán ngoài phong bì, chẳng hạn nếu trên tấm nhãn có ghi hàng số 567-3-15 có nghĩa là độc giả thứ 567 ấy mua dài hạn đến số 15 (tức Văn Học số 6).

Để Ban trị sự tiện việc cập nhật hoá danh sách mua dài hạn, và để Văn Học có thể tiếp tục đến tay quý bạn hàng tháng, xin quý bạn gửi ngay từ bây giờ chi phiếu đặt mua dài hạn năm thứ hai.

Ban Chủ Biên Văn Học trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của quý bạn trong năm qua, và hy vọng rằng chúng tôi sẽ còn nhận được sự giúp đỡ ấy trong năm thứ hai của tờ tạp chí.

Trân trọng,



Bác Sĩ
VUÔNG ĐỨC HẬU.
M.D, F.A.C.O.G
Diplomate American Board of
Obstetrics and Gynecology

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

- THÂM THAI VÀ ĐỒ ĐỀ.
- BỆNH ĐÀN BÀ, HUYẾT TRẮNG - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH: CỘT HOẶC ĐỐT ỐNG DẪN TRỨNG - KINH NGUYỆT BẤT THƯỜNG.
- HIÊM MUỘN VÀ GIẢI PHẪU HIÊM MUỘN
- GIẢI PHẪU BỆNH PHỤ NỮ, BỆNH SA TỬ CUNG, VÀ SỬA ÂM ĐẠO
- TRUY TÌM VÀ CHỮA TRỊ UNG THƯ CỐ TỬ CUNG, TỬ CUNG...

PHÒNG MẠCH:

TRUNG TÂM Y TẾ CHUYÊN KHOA
14536 Brookhurst St. (góc Hazard)
Phòng 101, Westminster, CA 92683

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00 đến 6:00
Thứ Bảy: 9:30 đến 2:00 P.M.
Nghỉ sáng thứ tư và chủ nhật

Điện Thoại: **(714) 531-5505**

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM, XIN HẸN TRƯỚC

TUẦN BÁO THỜI SU NGHỆ THUẬT

XUẤT BẢN MỖI THỨ NĂM
CHỦ BIÊN HOÀI ĐIẾP TỬ

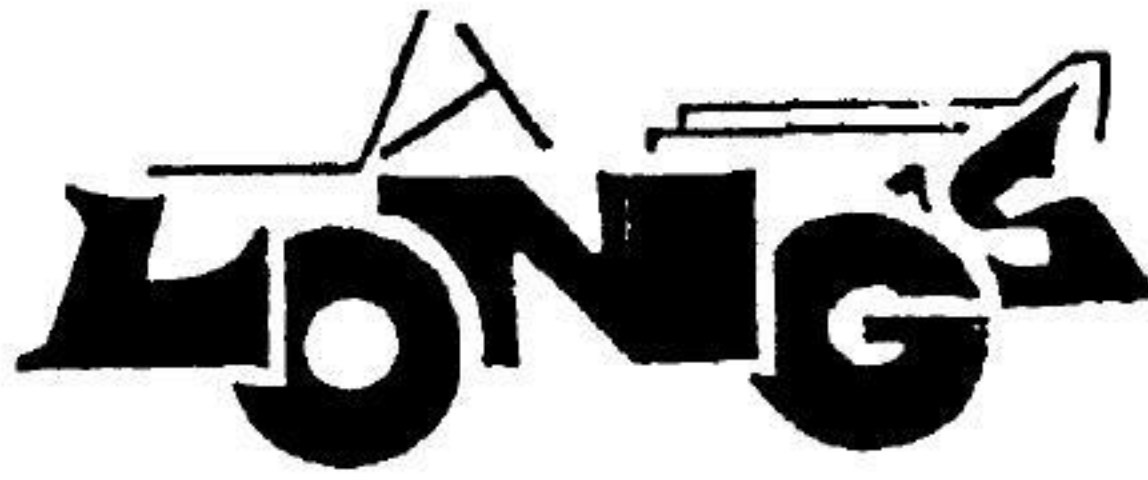
mai

**ĐEM NGUỒN VUI SỐNG ĐẾN
KHẮP CÁC GIA ĐÌNH VIỆT NAM**

TÒA SOẠN:

10708 Westminster Ave. □ Garden Grove, CA 92643

714.638.8798



AUTO CENTER



101 Harbor, Santa Ana, CA, 92703

(Góc First và Harbor Blvd)

(714) 554 3000 & 554 3001.



CHÚNG TÔI MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN



Chúng tôi nhận sửa tất cả các loại xe, hư hỏng dù nặng nhẹ. (Xin gọi trước để ước tính giá cả. Free Estimate.)

Giờ mở cửa : 8.30 sáng đến 7.00 chiều

Chủ nhật : 8.30 sáng đến 4.00 chiều.

Lê Đức Long kính mời.

Giá đặc biệt cho khách hàng của LONG'S
AUTO

BÁC SĨ BÙI MINH ĐỨC

Chuyên Khoa Tai Mũi Họng, Giải Phẫu Đầu và Cổ

HỘI VIÊN HỘI TAI MŨI HỌNG HOA KỲ (FELLOW AMERICAN ACADEMY OF OTOLARYNGOLOGY HEAD AND NECK SURGERY) và HỘI VIÊN TAI MŨI HỌNG ĐỨC QUỐC.



- *Tốt nghiệp chương trình Hậu Đại Học chuyên khoa Tai Mũi Họng, Giải phẫu Đầu và Cổ Hoa Kỳ (University of Louisville, Kentucky, USA).*
- *Tốt nghiệp chương trình Hậu Đại Học chuyên khoa Tai Mũi, Họng, Giải phẫu Đầu và Cổ Đức Quốc. (HNO, Universitäts-klinik Würzburg, Deutschland).*
- *Nguyên Giáo Sư, Trưởng Khu Tai Mũi Họng Đại Học Y Khoa Huế, Việt Nam.*

Chuyên trị và Giải phẫu các bệnh về :

- ☐ **TAI** : Tai thối, chảy mủ kinh niên, tai điếc. Giải phẫu Tai bằng kính hiển vi (Vi Phẫu Tai). Đo thính lực và giúp mang máy điếc.
- ☐ **MŨI** : Mũi nghẹt kinh niên, thối mũi, đau. Tìm và chữa trị bệnh Biến ứng.
- ☐ **HỌNG** : Khàn giọng, nuốt nghẹn, nghẹt thở, hạch ở cổ. Tìm và chữa trị Ung thư ở Cổ và Khí quản.

ĐẦY ĐÚ DỤNG CỤ TỐI TÂN ĐỂ TRỊ BỆNH VÀ CHỮA BỆNH VỀ TAI MŨI HỌNG, ĐẦU VÀ CỔ.

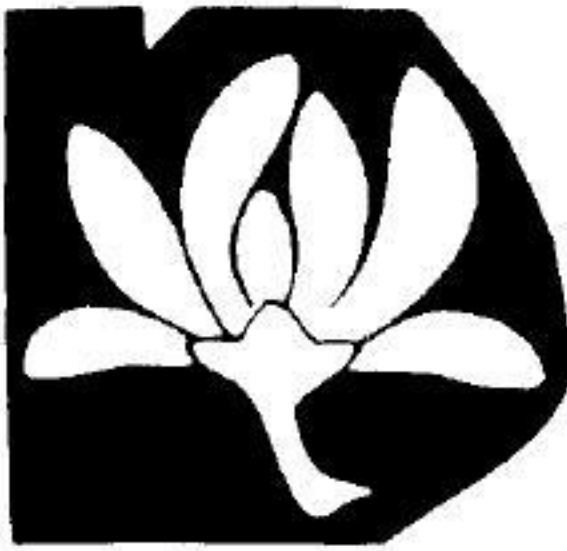
9131 Bolsa Avenue, Suite 201
Westminster, CA 92683
(Khu Chợ Vải Wai Wai)

Điện thoại : (714) 894-5581
Nhận MEDICAL, MEDICARE
và Bảo Hiểm

GIỜ KHÁM BỆNH :

Ngày thường từ 1 giờ chiều đến 6 giờ chiều
Thứ Bảy : từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều
Chủ Nhật : Nghỉ.

Xin lấy hẹn trước



LÁ BỐI tại Bắc Mỹ Châu

P.O. Box 3687

San Jose, CA. 95156

Điện thoại : (408) 729-5440

Thư về : Cô Nguyễn thị Bích Thủy

Chi chiếu xin đề : Lá Bối

ĐÃ PHÁT HÀNH :

- **Trái Tim Mặt Trời** : từ chánh niệm đến thiền quán của Nhất Hạnh 5.00
- **Am Mây Ngủ** (truyện ngoại sử) của Nhất Hạnh 5.00
- **Phép Lạ Của Sự Tỉnh Thức** : Cẩm nang tu thiền của Nhất Hạnh 5.00
- **Văn Lang Di Sử** (truyện cổ tích nước Văn Lang của Nguyễn Lang 7.00
- **Đi** (truyện dài sáng tác quốc nội) của Hồ Khanh 7.00
- **Tương Lai Văn Hóa Việt Nam** (khảo luận) của Nhất Hạnh 3.00
- **Tương Lai Thiền Học Việt Nam** của Nhất Hạnh 3.00
- **Buổi** (tập truyện) của Nhất Hạnh 5.50
- **Nẻo Về Của Ý** (truyện dài tái bản lần thứ năm) của Nhất Hạnh 7.00
- **Nói Với Tuổi Hai Mươi** (hơn 50 ngàn ấn bản ở Việt Nam và Pháp) của Nhất Hạnh 4.00
- **Bông Hồng Cài Áo** của Nhất Hạnh 1.00
- **Đạo Phật Ngày Nay** của Nhất Hạnh 5.00
- **Thiền Hành Yếu Chỉ** của Nhất Hạnh 2.00
- **Kinh Người Biết Sống Một Mình** biếu
- **Tổ** (tập truyện) của Nhất Hạnh 6.00
- **Đạo Phật Hiện Đại Học** của Nhất Hạnh 6.00
- **Từng bước nở Hoa Sen** (Thi kệ Nhật tụng) của Nhất Hạnh 4.00

SẴN PHÁT HÀNH :

- **Việt Nam Phật Giáo Sử Luận I và II** của Nguyễn Lang

NHỮNG HIỆU SÁCH CÓ BÁN TẠP CHÍ VĂN HỌC

HOA KỲ

Nhà sách Thăng Long
528 W. Alpine Street
Los Angeles Cali, 90012

Nhà sách Tự Lực
14318 Brookhurt Street
Garden Grove, Cali 92 643

Nhà sách Tú Quỳnh
9583 Bolsa Ave
Westminster, Cali, 92 683

Nhà sách Văn Khoa
9393 Bolsa Ave, Suite E
Westminster, Cali, 92 683

Nhà sách Toàn Thư
79 S. Third Street suite 12
San Jose, Cali, 95 113

Nhà sách Thanh Thúy
535 Eddy Street
San Francisco, Cali, 94 109

Nhà sách Sài Gòn
1034 S. Jackson Street
Seattle, WA, 98 104

Nhà sách Alpha
3101 Wilson Blvd
Arlington, VA, 22201

Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd
Falls Church VA, 22 044

Nhà sách Văn Hữu
2801 Milam Street
Houston, Texas, 77 006

CANADA

Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington
Montréal Québec H3S 2J5
Canada

Bảo Làng Văn
1346 Bloor Street West
Toronto, Ontario M6H 1P2
Canada

ÚC ĐẠI LỢI

Nhà sách Nam Anh
1st floor, 34 Old Town Center
Banktown, 2200
Australia

PHÁP

Nhà xuất bản An Tiêm
34 Rue Alphonse Melun
94 230 Cachan, France

Tạp chí VĂN HỌC
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA, 92 643 USA
Điện thoại : (714) 838 8432

Phiếu mua báo dài hạn

Họ và tên bạn đọc.....
Địa chỉ :.....

.....
Zip Code.....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....

*Sáu tháng..... \$11.00 US

*Một năm..... \$20.00 US

*Hai năm..... \$35.00 US

*Mỗi số \$2.00 US

*Báo gửi hạng nhất hay gửi ngoài Hoa kỳ và Canada trả thêm
bưu phí theo giá tiền dưới đây:

*Giá bưu phí hạng nhất gửi trong Hoa Kỳ, Canada : \$1.00 US
cho mỗi số báo.

*Giá bưu phí gửi báo mỗi số đi các nơi khác:

BÁO GỬI ĐI ÂU CHÂU

Máy bay mỗi số..... \$2.50 US

Tàu thủy mỗi số \$1.02 US

BÁO GỬI ĐI ÚC VÀ Á CHÂU

Máy bay mỗi số..... \$3.18 US

Tàu thủy mỗi số \$1.02

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Tôi muốn mua :

6 tháng báo Văn Học từ số.....

1 năm báo Văn Học từ số.....

2 năm báo Văn Học từ số.....

Để tặng cho:.....

Địa chỉ:.....

.....
Yêu cầu ghi mỗi kỳ do :.....

gửi tặng . Chi phiếu và thư từ xin gửi về :

Tạp chí Văn Học

10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA, 92 643

Chi phiếu xin đề : Văn Học



Cơ sở hiện đang chăm sóc
các dịch vụ ấn loát của
NGUYỆT SAN VĂN HỌC
THE VIETNAM FORUM
NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
TẠP CHÍ ĐƯỜNG SỐNG
NGUYỆT SAN TUỔI HOA

nhận in sách, báo, bản tin
xếp chữ (phototypesetting)
có dấu chữ Việt
thiệp mời, thiệp cưới,
danh thiếp, ấn chỉ, phong bì
.....

đẹp - đúng hẹn -
giá phải chăng

10104 Westminster Avenue
Garden Grove, CA 92643
(714) 636-7932

Đón đọc trên các số sau :

STEPHEN O. LESSER & THẠCH HẪN

Văn học Trung quốc sau Mao Trạch Đông (tiếp)

KIÊM ĐẠT

Tiểu thuyết gia Hoa Kỳ hiện đại (tiếp)

VĂN HỌC & XUÂN VŨ

Thực trạng giới nhà văn cộng sản Miền Bắc VN

BÌNH NGUYỄN LỘC

Với cái giá phải chết (truyện ngắn)

NGUYỄN VĂN SÂM

Ngày tháng bệnh bông (truyện ngắn)

KIỆT TẤN

Giơ tay ngoắc nguyệt (truyện ngắn)

TÔN THẤT TUỆ

Gói măng khô (truyện ngắn)

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

Một chút hạnh phúc nhỏ (truyện ngắn)

ĐỖ QUÍ TOÀN

Tiếng nói thơ :

Thử nói một tiếng : Yêu !

TÀI LIỆU

Kinh nghiệm các nhà văn lưu vong Nga tại Âu châu

BAN CHỦ BIÊN TẠP CHÍ VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quỳn Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Nhật Tiến, Nguyễn Bá Trạc
Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết.

Phụ trách bài vở và điều hành chung : *Nguyễn Mộng Giác*

Phụ trách trị sự : *Võ Thắng Tiết*

*Địa chỉ toà soạn : 10104 Westminster Ave, Garden Grove
Cali(USA) 92 643. Phone : (714) 838 8432*

Giá : US 2.00.